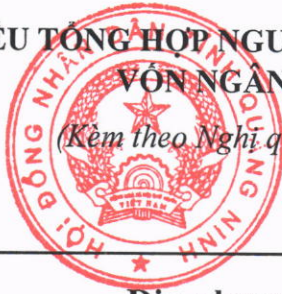


PHỤ BIỂU 01

BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Nguồn vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng	83.351.218	
I	Vốn ngân sách cấp tỉnh	62.376.376	
II	Vốn ngân sách huyện chuyển về ngân sách tỉnh	20.974.842	
1	Tiên Yên	256.804	
2	Hạ Long	10.244.997	
3	Đông Triều	2.058.635	
4	Móng Cái	2.336.852	
5	Ba Chẽ	90.634	
6	Cẩm Phả	1.782.155	
7	Uông Bí	1.493.500	
8	Hải Hà	328.920	
9	Quảng Yên	1.631.356	
10	Đầm Hà	548.608	
11	Bình Liêu	202.380	

4

PHỤ BIỂU 02

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA HUYỆN TIỀN YÊN
CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ			2.362.724	667.336	559.504	689.080	190.000	256.804
A	Nhóm dự án hoàn thành		1.484.019	1.222.520	219.736	232.999	534.697	47.900	187.189
I	Dự án đã quyết toán, tất toán		1.026.026	804.503	0	130.785	526.728	0	146.989
*	Thu hồi vốn ứng trước và thanh toán nợ XDCB giai đoạn 2016-2020 chuyển sang								
1	Khu neo đậu tránh bão cho tàu thuyền nghề cá trên địa bàn huyện Tiên Yên			3.000					3.000
2	Tuyến đường đi khu Quy hoạch xử lý chất thải rắn Đông Hải, huyện Tiên Yên	5856; ngày 19/10/2018 1172; ngày 05/3/2020	14.565	2.922		2.922			
3	Đường nối QL 18A với trung tâm xã Đồng Rui - giai đoạn 2	3892; ngày 30/10/2019 1919; ngày 21/4/2020	10.938	4.530		4.530			
4	Nâng cấp, cải tạo công viên cây xanh khu vực đầu cầu Khe Tiên, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	3932; ngày 31/10/2019 2081; ngày 11/5/2020	14.303	5.666		5.666			
5	Nghĩa trang trung tâm huyện Tiên Yên; Hạng mục: San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, nhà xấp lể, quán trang, miếu thờ thần, hệ thống điện chiếu sáng	5857; ngày 19/10/2018 2835; ngày 14/7/2020	13.270	3.038		3.038			
6	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đê Đông Hải, huyện Tiên Yên	3926; ngày 31/10/2019 2141; ngày 22/5/2020	2.310	416		416			
7	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã từ thôn Bình Sơn, xã Đông Ngũ đến trung tâm xã Đại Dực	3928; ngày 31/10/2019	4.585	1.333					1.333
8	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Bình Sơn và Quế Sơn, xã Đông Ngũ	932; ngày 30/9/2019	591	184					184
9	Đường từ nhà ông Chiu Tiến Thanh đến bến thuyền Cây Đa thôn Công To, xã Tiên Lăng	151; ngày 14/11/2019	1.086	20					20
10	Hệ thống cống rãnh nước thải sinh hoạt phục vụ cải tạo môi trường hai bên đường Long Khánh, thôn Đông Châu, xã Tiên Lăng	117; ngày 23/9/2019	2.088	280					280
11	Đường nội đồng và cải tạo, nâng cấp mương từ Bàng tin đến đình Hà Trảng Đông, thôn Hà Trảng Đông, xã Đông Hải	101/QĐ-UBND; ngày 29/10/2019	2.003	145					145
12	Đường bê tông và cống tràn đầu nối từ đường vào Khe Há sang đường vào Pác Sùi (khu nhà ông Vòng Di Quay), xã Yên Than	63; ngày 06/7/2020	1.091	62					62
13	Đường bê tông và cống tràn đường vào đập Đồng Vả tại thôn Đồng Vả, xã Yên Than	98; ngày 30/10/2019	990	29					29
14	Cải tạo, mở rộng đường trung tâm xã đi thôn Phái Giác	85; ngày 22/10/2019	358	56					56
15	Đường bê tông liên thôn từ tràn cạnh nhà Ch�u Sáng Sỏi vào khu Cầu Sẻng Thín thôn Khe Ngán, xã Đại Dực	112; ngày 29/10/2018	1.667	74					74
16	Dự án hỗ trợ xi măng, cấp phối để thực hiện các công trình nông thôn mới trên địa bàn xã Phong Dụ năm 2019	166; ngày 06/7/2020	1.283	184					184
17	Đường nội đồng thôn Pác Phai, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	82; ngày 29/10/2018	98	9					9
18	Cải tạo, sửa chữa tuyến mương sau hồ Yên Hải, thôn Hà Dong Bắc, xã Hải Lạng	140; ngày 28/8/2020	200	129					129
19	Cải tạo, nâng cấp đập thủy lợi thôn Pác Sùi, xã Yên Than	64; ngày 06/7/2020	476	39					39
20	Kè chống sạt lở sân vận động, sân khấu ngoài trời thôn Khe Lục, xã Đại Dực, huyện Tiên Yên	80; ngày 31/8/2020	2.200	371					371
21	Đập và mương Khe Từ thôn Bàn Phai - Nà Tứ, xã Hà Lầu	111/QĐ-UBND; ngày 28/10/2019	704	142					142
22	Kiên cố hóa kênh mương Khe Phúc và Nà Dờ, thôn Bàn Buồng, xã Hà Lầu	110/QĐ-UBND; ngày 28/10/2019	503	69					69
23	Cấp nước tập trung thôn Đốc Phệ, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	22/QĐ-UBND ngày 10/01/2020	1.504	455					455

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
24	Sửa chữa đường thôn Nà Trù, Pắc Phai, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	41; ngày 01/10/2018	226	17					17
*	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang								
25	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường xã từ QL18C vào trung tâm xã Đại Thành	3927; ngày 31/10/2019 4449; ngày 28/10/2020	7.136	1.834					1.834
26	GPMB Hạ tầng đi dân thôn Khe Lẻ, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên		214	214					214
27	Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	4346; ngày 29/10/2018 3121; ngày 19/8/2020	170.000	22.098		14.719			7.380
28	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường từ quốc lộ 18A điểm đến trường tiểu học đông ngũ 2 (đường đi xã Đại Dực)	190; ngày 24/9/2020 195; ngày 15/01/2021	3.051	945					945
*	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
29	Đường từ nhà văn hóa cũ đến nhà ông Lý Kim, thôn Tài Noong, xã Đồng Hải	Số 3826/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.639	3.639					3.639
30	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phố Long Tiên, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	5562; ngày 31/12/2020; 3141 ngày 16/8/2021	4.611	4.611					4.611
31	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên	6607; ngày 05/11/2021	5.060	5.066		2.229			2.837
32	Nâng cấp, mở rộng khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ huyện Tiên Yên	4612; ngày 07/11/2022	4.209	4.191		48			4.142
33	Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bờ sông Phố cũ, phố Long Châu, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên (giai đoạn 2)	số 4553/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	10.923	10.923					10.923
34	Nhà văn hóa xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	7507; ngày 07/12/2021	5.935	6.000		1.955			4.045
35	Đầu tư hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện Tiên Yên - giai đoạn 1: Hệ thống truyền thanh cơ sở tại các xã Tiên Lãng, Đồng Hải, Đồng Ngũ, Hải Lạng và thị trấn Tiên Yên	QĐ 4311/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	2.099	2.100					2.100
36	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Đồng Rui - Hạng mục: Cải tạo, mở rộng khuôn viên và nâng cấp tuyến đường vào trường	4721; ngày 11/11/2022	3.687	3.441		1.103			2.339
37	Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, các hạng mục phụ trợ điểm trường Nà Lộc trường TH&THCS Yên Than, xã Yên Than, huyện Tiên Yên, giai đoạn 1	7503; ngày 07/12/2021	2.863	2.900					2.900
38	Xây dựng phòng học khu chính, mở rộng khuôn viên trường Mầm non Hải Lạng, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, giai đoạn 1	7504; ngày 07/12/2021	2.987	3.000		1.984			1.016
39	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phố Long Thành, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	3761/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	13.920	13.500		13.500			
40	Thăm nhựa tuyến đường liên thôn Liên Hòa đi thôn Phù Hòa, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	3485; ngày 08/11/2023	12.759	12.596		12.596			
41	Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	3481; ngày 08/11/2023	6.731	6.000		6.000			
42	Hệ thống điện chiếu sáng dân sinh từ thôn Khe Vẻ đến thôn Văn Mây, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	3483; ngày 08/11/2023	3.599	3.180		3.180			
43	Hệ thống điện chiếu sáng dân sinh từ thôn Pắc Phai đến thôn Chiến Thắng, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	3482; ngày 08/11/2023	4.432	4.149		4.149			
44	Hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn huyện Tiên Yên, giai đoạn 2	2267/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	2.545	2.323		2.290			33
45	Xây dựng phòng học khu chính, mở rộng khuôn viên trường Mầm non Hải Lạng, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, giai đoạn 2	QĐ 3750/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	3.500	3.400		3.400			

STT	 Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
46	Nhà văn hóa phố Tam Thính, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	3752; ngày 27/11/2023	2.405	2.289		2.289			
47	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát và hệ thống wifi công cộng tại các thôn trên địa bàn xã Hải Lạng và 05 thôn thuộc 05 xã Đông Hải, Đông Ngũ, Tiên Lãng, Đông Rui và Yên Than, huyện Tiên Yên	3484; ngày 08/11/2021	2.847	2.866					2.866
48	Đường giao thông nối từ trung tâm xã Đại Dực sang trung tâm xã Đại Thành cũ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	5270; ngày 29/12/2020	153.000	151.000		30.000	121.000		
49	Nhà văn hóa xã Đại Dực, gần với Trung tâm Văn hóa dân tộc Sán Chỉ huyện Tiên Yên	7030; ngày 23/11/2021	13.337	12.836			10.000		2.836
50	Nâng cấp đường từ thôn Khe Lặc, xã Đại Dực đi xã Húc Động, huyện Bình Liêu (Từ thôn Khe Lặc đến cuối thôn Nà Cam xã Đại Dực nối với thôn Thông Châu, xã Húc Động, huyện Bình Liêu)	7528; ngày 08/12/2021	64.929	64.429			59.500		4.929
51	Tuyến đường từ thôn Cao Lâm đến Nhà văn hóa thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	3755; ngày 27/11/2023; 2824/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	8.794	8.724			7.611		1.113
52	Nâng cấp cầu trần Khe Lẹ 2, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3751; ngày 27/11/2023 2776; ngày 27/9/2024; 3092; ngày 04/11/2024	2.922	3.022			2.550		472
53	Nâng cấp diêm trường Mầm non Khe Tao xã Hà Lâu	3748; ngày 27/11/2023	4.436	4.250			4.250		
54	Xây dựng nhà ăn bán trú và khu giáo dục thể chất Trường TH và THCS Đại Dực 2	3747; ngày 27/11/2023	4.500	4.460			4.460		
55	Làm mới công trình nước sạch thôn Khe Mười, xã Đại Dực, huyện Tiên Yên	3757; ngày 27/11/2023; 1553/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	4.771	4.615			4.615		
56	Mở rộng đường từ ngã 3 thôn Trung đến ngã ba nhà ông Đoàn Quang Hải, thôn Thượng, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	2044 ngày 28/5/2021; 5432 ngày 24/9/2021	3.483	3.513			2.986		527
57	Nhà văn hóa xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	2043; ngày 28/5/2021; 6270; ngày 18/10/2021	4.170	4.170			3.545		626
58	Nhà văn hóa thôn Trung, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	2048; ngày 28/5/2021; 2384; ngày 29/6/2021	1.386	1.386			1.178		208
59	Nhà văn hóa thôn Bồn, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	2391; ngày 29/6/2021	1.455	1.455			1.237		218
60	Cổng chào xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	3047; ngày 09/8/2021	437	437			372		66
61	Xây dựng Trạm y tế xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	2345 ngày 25/6/2021; 8097 ngày 31/12/2021	3.134	3.134			2.664		470
62	Nâng cấp mở rộng đường từ Quốc lộ 4B vào thôn Khe Vàng, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	6841; ngày 16/11/2021	5.694	5.694			4.840		854
63	Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 4B vào thôn Tiên Hải, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	6704; ngày 12/11/2021	12.375	12.375			10.519		1.856
64	Sân vận động thể thao trung tâm xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	6842; ngày 16/11/2021	3.566	3.566			3.031		535
65	Nhà văn hóa thôn Pắc Phai, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	2046 ngày 28/5/2021; 2381 ngày 29/6/2021; 3315 ngày 25/8/2021	1.374	1.374			1.168		206
66	Nhà văn hóa thôn Khe Cầu - Bàn Tát, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	2050; ngày 28/5/2021; 2390; ngày 29/6/2021	1.475	1.477			1.256		222
67	Nhà văn hóa thôn Nà Trù, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	2055 ngày 28/5/2021; 2382 ngày 29/6/2021	1.553	1.553			1.320		233

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
68	Nhà văn hóa thôn Khe Vàng, xã Điện Xá, huyện Tiên Yên	2050, ngày 28/5/2021; 2390; ngày 29/6/2021	617	617			524		92
69	Đập dâng nước thôn Khe Cầu - Bàn Tát, xã Điện Xá, huyện Tiên Yên	7295; ngày 01/12/2021	5.880	5.885			5.002		883
70	Hệ thống đường ống và bổ sung bể lọc cấp nước sinh hoạt xã Điện Xá, huyện Tiên Yên	6843; ngày 16/11/2021	11.711	11.711			9.955		1.757
71	Xây dựng nhà làm việc đoàn thể và nhà công vụ, xã Điện Xá, huyện Tiên Yên	2346; ngày 25/6/2021; 2435; ngày 01/7/2021; 7705 ngày 17/12/2021	10.305	10.305			8.759		1.546
72	Nhà văn hóa thôn Cao Lâm, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	2056; ngày 28/5/2021	367	367					367
73	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Long thành, thị trấn Tiên Yên	6828; ngày 12/11/2021; 465 ngày 27/2/2023	14.998	14.920		220	14.700		
74	Công trình điện chiếu sáng khu dân cư dọc QL4B (thôn Đồng tâm, Khe Muối 1, Khe Muối 2)	6504; ngày 29/10/2021	1.700	1.700					1.700
75	Công trình điện chiếu sáng khu dân cư dọc đường nối QL4B với QL 18C	6512; ngày 29/10/2021	1.800	1.800					1.800
76	Xây mới trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tiên Yên	1357; ngày 02/4/2022	25.500	25.490		490	25.000		
77	Xây mới nhà văn hóa thôn Hua Cầu	6169; ngày 08/10/2021	1.500	1.500			1.500		
78	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đồng Và	6178; ngày 08/10/2021	1.500	1.500			1.500		
79	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm	6261; ngày 18/10/2021	1.500	1.500			1.500		
80	Xây mới Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	6266; ngày 18/10/2021	1.500	1.500			1.500		
81	Xây mới Nhà văn hóa thôn Trường Tiến	6268; ngày 18/10/2022	1.500	1.500			1.500		
82	Nhà văn hóa thôn Hà Trảng Đông, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	6567; ngày 03/11/2021	1.500	1.500			1.500		
83	Nhà văn hóa thôn Hà Trảng Tây, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	6316; ngày 21/10/2021	1.500	1.500			1.500		
84	Nhà văn hóa thôn Khe Ngàn	6318; ngày 21/10/2021	1.500	1.500			1.500		
85	Xây mới nhà văn hóa thôn Đồng Ngũ	6333; ngày 21/10/2021	1.500	1.500			1.500		
86	Xây mới nhà văn hóa thôn Đồng Thắng	6336; ngày 21/10/2021	1.500	1.500			1.500		
87	Xây mới Nhà văn hóa thôn Tài Thán	6338; ngày 21/10/2021	1.500	1.500			1.500		
88	Xây mới Nhà văn hóa thôn Khe Và - Nà Phen	6349; ngày 22/10/2021	1.500	1.500			1.500		
89	Xây mới nhà văn hóa thôn Hạ	6350; ngày 22/10/2021	1.500	1.500			1.500		
90	Xây mới nhà văn hóa thôn Thượng	6356; ngày 25/10/2021	1.500	1.500			1.500		
91	Nhà văn hóa thôn Hội Phố, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	6358; ngày 25/10/2021	1.500	1.500			1.500		
92	Xây nhà đa năng và sân tập luyện, xây nhà học bộ môn, các phòng chức năng Trường THPT Hải Đông, huyện Tiên Yên	1384; ngày 05/4/2022; 385; ngày 22/01/2023	28.310	26.746			26.746		
93	Cải tạo trường Phổ thông dân tộc nội trú	6518; ngày 01/11/2021	3.900	3.900			3.900		
94	Trung tâm văn hóa thể thao xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	6563; ngày 03/11/2021; 1158 ngày 14/4/2023	5.000	5.000		100	4.900		
95	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tiên Lăng, huyện Tiên Yên	6519/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	5.000	5.000		1.000			4.000
96	Trung tâm văn hóa thể thao xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	6527/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	5.000	5.000		1.000			4.000
97	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa các thôn: Bàn Phai - Nà Tứ, Co Mươi - Khe Liêng, Pò Mây - Khe Ngà, Bắc Buông - Khe Chanh, Nặm Min, Khe Tao, Bàn Danh, Nà Hắc, Bắc Cương - Khe Ngà, Khe Le, Bắc Lù-Nà Trang, Bàn Buông.	6397; ngày 27/10/2021	2.200	2.200					2.200
98	Mở rộng đường liên thôn Tài Thán đi thôn Nà Lọc (giai đoạn 2)	6513; ngày 29/10/2021	3.000	3.000			3.000		
99	Nâng cấp, cải tạo mặt đường trục chính thôn Bình Minh, xã Hải Lạng	6515; ngày 29/10/2021	3.800	3.800			3.800		

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
100	Xây dựng tuyến đường cũm dân cư Khe Hồ cũ, thôn Trường Tung, xã Hải Lăng (cùng hóa)	3635; ngày 31/8/2022	11.000	10.092		4.739			5.353
101	Tuyến đường nối thôn Quế Sơn sang thôn Đồng Mộc, xã Đông Ngũ	4722; ngày 11/11/2022	2.996	2.736		1.756			980
102	Xây dựng đập dâng nước Khe San và hệ thống đường ống, bể chứa, bể lọc cấp nước sinh hoạt xã Phong Dự, huyện Tiên Yên	Số 1423; ngày 06/4/2022	30.000	29.681		181	29.500		
103	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn: Bắc lù - Nà Trang, Co Mươi - Khe Liêng,	6611; ngày 05/11/2021; 956; ngày 30/3/2023	10.000	9.244			9.244		
104	Xây dựng mới công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn Bán Buông, Bắc Cương - Khe Ngà	6577; ngày 04/11/2021; 954 ngày 30/3/2023	12.000	11.347			11.347		
105	Xây dựng mới công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Lạc, Đoàn Kết, Kéo Cai.	6607; ngày 05/11/2021; 955; ngày 30/3/2023	15.000	14.190			14.190		
106	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Khe Lẹ, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3633; ngày 31/8/2022	2.000	2.000					2.000
107	Cải tạo công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Muối (thôn Khe Muối 1 cũ, Khe Muối 2 cũ), thôn Phú Cường (thôn Khe Và cũ, thôn Nà Phen cũ) xã Yên Than	4720 ngày 11/11/2022; 193 ngày 10/5/2023	7.500	7.287		3.537			3.750
108	Cải tạo, mở rộng đường từ đầu cầu tràn Bắc Lù đến km 1+500 tuyến đường đi Bán Buông sang xã Vô Ngai, huyện Bình Liêu	986; ngày 30/3/2023	2.500	2.500			1.900		600
109	Đường vào khu Mã Phênh	1000; ngày 30/3/2023	2.500	2.500			2.500		
110	Đường Hội Phố sang Phương Nam	987; ngày 30/3/2023	2.650	2.650			2.650		
111	Nâng cấp, cải tạo, gia cố tuyến đường từ cửa nhà bà Ngô Thị Liên, thôn Hạ đến cửa nhà ông Nguyễn Văn Liễu, thôn Bón	988; ngày 30/3/2023	2.473	2.473			2.473		
112	Mở rộng, đổ bê tông đường từ ngã ba nhà ông Ngô Văn Hùng thôn Thượng đến khu miếu cô thôn Thượng	989; ngày 30/3/2023	1.015	1.015			1.015		
113	Cải tạo công trình nước sinh hoạt tập trung thành công trình nước sạch thôn Phải Giác, xã Đại Dực	990; ngày 30/3/2023 3618 ngày 20/11/2023	1.707	1.707					1.707
114	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Khe Lọc, xã Đại Dực	991; ngày 30/3/2023; 3601; ngày 17/11/2023	3.030	3.030			2.525		505
115	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tự chảy thôn Khe Ngàn, xã Đại Dực	992; ngày 30/3/2023	2.275	2.275			2.275		
116	Cải tạo công trình nước sinh hoạt tập trung thành công trình nước sạch thôn Khe Quang	994; ngày 30/3/2023	2.996	2.996			2.996		
117	Cải tạo, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung thành công trình nước sạch thôn Tiên Hải	993; ngày 30/3/2023 3467 ngày 08/11/2023	3.080	2.860			2.650		210
118	Sửa chữa, nâng cấp đập mương Khe Tát, thôn Khe Vàng, xã Điện Xá	995; ngày 30/3/2023	1.200	1.200			1.200		
119	Tu sửa đập Phún Ứng và hệ thống mương nước	998; ngày 30/3/2023	2.000	2.000			2.000		
120	Tuyến mương thôn Đông Dương	999; ngày 30/3/2023	2.200	2.200			2.200		
121	Đầu nối hệ thống cấp nước sạch cho thôn Hà Thụ, xã Hải Lăng	996; ngày 30/3/2023	1.500	1.500			1.500		
122	Đầu nối hệ thống cấp nước sạch cho thôn Hà Dong Nam, xã Hải Lăng	997; ngày 30/3/2023	3.200	3.200			3.200		
123	Nhà văn hóa thôn Đồng Đạm	1001; ngày 30/3/2023	1.500	1.500					1.500
124	Hạ tầng đường ống, bể, bơm tăng áp cấp nước sạch thôn Nà Bắc, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	3753; ngày 27/11/2023 2462; ngày 23/8/2024	4.700	4.585			4.585		
125	Xây mới nhà văn hóa thôn Hà Dong Nam xã Hải Lăng, huyện Tiên Yên	3760; ngày 27/11/2023; 2768; ngày 27/9/2024	1.864	1.815			1.815		
126	Xây dựng nhà đa năng Trường TH&THCS Đồng Rui, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên	3769; ngày 27/11/2023	4.595	4.575			4.575		
127	Mở rộng, đổ bê tông đường từ ngã ba nhà ông Nguyễn Quốc Trường thôn Hạ đến giáp cổng hồ nước ngọt thôn Hạ, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên	3762; ngày 27/11/2023	1.647	1.600			1.600		

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
128	Mở rộng, đổ bê tông đường từ nhà ông Trần Trung Kiên thôn Thượng đến giáp nghĩa trang thôn Thượng, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	3763; ngày 27/11/2023	1.896	1.884			1.884		
129	Nâng cấp, cải tạo, gia cố tuyến đường từ nhà bà Ngô Thị Liên, thôn Hạ đến giáp nghĩa trang thôn Bốn (đoạn từ nhà ông Ngô Văn Văn đến giáp nghĩa trang thôn Bốn), xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	3765; ngày 27/11/2023	1.788	1.754			1.754		
130	Mở rộng nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Trường Tiến - thôn Đồi Mây, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	3766; ngày 27/11/2023	11.961	11.961			11.961		
131	Tuyến đường cứu hộ đê và phát triển sản xuất thôn Hội Phở, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	3768; ngày 27/11/2023	2.250	2.120			2.120		
132	Đường nội đồng Nà Lộc, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	3767; ngày 27/11/2023	4.967	4.947			4.947		
133	Mở rộng, đổ bê tông đường từ ngã ba nhà ông Đoàn Quang Hải thôn Thượng đến giáp đê ngăn mặn đường sang Ba thoi thôn Thượng xã Đông Rui	3764; ngày 27/11/2023	1.597	1.597					1.597
134	Tuyến đường ra bến bờ Ngõ, thôn Hà trảng Đông, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên	3761; ngày 27/11/2023	2.879	2.869			2.869		
135	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 18A xuống thôn Đông Nam, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	3746; ngày 27/11/2023	14.888	14.870			14.870		
136	Đường vào nhóm hộ ông Phùn Sỏi Hòa (B), thôn Thủy Cơ, xã Tiên Lăng	236; ngày 24/10/2022	535	493					493
137	Đường vào nhóm hộ ông Trương Văn Hoa, thôn Thủy Cơ, xã Tiên Lăng	237; ngày 24/10/2022	155	141					141
138	Đường từ nhà ông Chiu A Nhi đến đường vào bến thuyền cây đa thôn Công To, xã Tiên Lăng	245; ngày 4/11/2022	1.509	1.366					1.366
139	Cải tạo, nâng cấp mương thoát nước từ nhà văn hóa thôn Thác Bưởi I đến nhà ông Chắt, xã Tiên Lăng	238; ngày 24/10/2022	236	199					199
140	Đường điện chiếu sáng từ chùa An Long đến bến Nu Hân, thôn Đồng Châu	983; ngày 30/3/2023	550	550					550
141	Nhà văn hóa khu phố Long Châu, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	3683; ngày 06/9/2021	920	850					850
142	Đường từ khu bãi rác cũ thôn Trung đến giáp đê ngăn mặn, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	103; ngày 26/6/2021	200	200			170		30
143	Cải tạo, sửa chữa mương dẫn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trạm bơm nước thôn Hạ, đến ngã ba thôn Hạ, xã Đông Rui, huyện Tiên Yên	104; ngày 26/6/2021	430	430			365		64
144	Cổng chào thôn Nà Buồng, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	Số 43/QĐUB ngày 10/5/2021; Số 53/QĐ-UBND ngày 27/6/2021	64	64			55		10
145	Cổng chào thôn Pắc Phai, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	Số 42/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; Số 54/QĐ-UBND ngày 27/6/2021	64	64			55		10
146	Đường ngõ xóm vào nhà ông Chử Di Dũng thôn Lầu Gìn Tùng, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	51; ngày 07/5/2021	360	360					360
147	Đường ngõ xóm vào nhà ông Phùn Gi Sắn thôn Nà Lộc, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	50; ngày 07/5/2021	294	294					294
148	Xây dựng đường vào khu bãi tăng thôn Khe Muối 2, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	53; ngày 07/5/2021	504	504					504
149	Sửa chữa đường ống nước cấp nước sinh hoạt thôn Khe Muối 2, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	52; ngày 07/5/2021	700	700					700
150	Hỗ xi măng xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh 199 hộ (1 tấn/hộ), xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	129; ngày 10/5/2021	184	289					289
151	Chỉnh trang môi trường dùng chung cho 5 thôn còn lại chưa được cấp (100 triệu/thôn), xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên		500	500					500
152	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến mương tưới cánh đồng Sam Và thôn Hua Cầu, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	123; ngày 10/5/2021	742	742					742
153	Xây dựng rãnh thoát nước chỉnh trang trung tâm thôn Khe Lục, thôn Khe Lạc, xã Đại Dực	257; ngày 31/8/2022	1.591	1.591					1.591

STT		Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
154	Bê tông đường nội đồng Tái Fong Thun, thôn Khe Lọc, xã Đại Đức, huyện Tiên Yên	QĐ 254/QĐ-UBND ngày 14/10/2022, QĐ số 16/QĐ-UBND, ngày 02/02/2023	3.499	3.499		1.749			1.750
155	Đường ngõ vào xóm nhà ông Lý Văn Thảo, khu Bàn Phai - Nà Tử, thôn Hà Bắc, xã Hà Lâu	190; ngày 11/10/2022	130	130					130
156	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Lý Quang Thanh khu Co Mười - Khe Liêng, xã Hà Lâu	191; ngày 11/10/2022	292	292					292
157	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Trần Văn Quý thôn Bắc Lù, xã Hà Lâu	192; ngày 11/10/2022	120	120					120
158	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Lại Văn Lường thôn Bắc Lù, xã Hà Lâu	193; ngày 11/10/2022	96	96					96
159	Đường ngõ xóm vào nhà ông Tăng A Mân nối liền đường sản xuất xứ đồng Trúc Chạp, thôn Tân Lập, xã Hà Lâu	194; ngày 11/10/2022	288	288					288
160	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Choòng Mẩn Sinh, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	195; ngày 11/10/2022	120	120					120
161	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Chiu A Bảy, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	196; ngày 11/10/2022	88	88					88
162	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Chiu Văn Bắng khu Co Mười - Khe Liêng, thôn Hà Bắc, xã Hà Lâu	244; ngày 12/10/2022	114	114					114
163	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Tăng Văn Chương khu Co Mười - Khe Liêng, thôn Hà Bắc	245; ngày 12/10/2022	117	117					117
164	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Tăng Hìn Dâu, thôn Tân Lập, xã Hà Lâu	246; ngày 12/10/2022	119	119					119
165	Đường ngõ xóm ông Tăng Chân Phúc, thôn Tân Lập, xã Hà Lâu	247; ngày 12/10/2022	188	188					188
166	Đường ngõ xóm khu nhà ông Tăng A Sắt, thôn Tân Lập, xã Hà Lâu	248; ngày 12/10/2022	88	88					88
167	Đường ngõ xóm hộ ông Phùn Phu Minh, thôn Hà Lâm, xã Hà Lâu	249; ngày 12/10/2022	413	413					413
168	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Voòng A Si, khu Co Mười - Khe Liêng, thôn Hà Bắc	250; ngày 12/10/2022	316	316					316
169	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Xuân, ông Hoàng, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	251; ngày 12/10/2022	151	151					151
170	Đường ngõ xóm vào ông Chiu Chân Sỏi, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	252; ngày 12/10/2022	193	193					193
171	Đường ngõ xóm khu nhà ông Choòng Mẩn Sinh, thôn Đoàn Kết, xã Hà Lâu	253; ngày 12/10/2022	89	89					89
172	Đường vào nhóm hộ ông Chiu Di Hềnh thôn Cao Lâm, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	831; ngày 02/11/2022	636	634					634
173	Đường vào nhóm nhà ông Chiu Di Thim thôn Cao Lâm, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	832; ngày 02/11/2022	264	264					264
174	Đường vào nhóm hộ ông Chiu Di Phúc đi Co Pao nối xóm Chiu Di Thim, thôn Cao Lâm, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	833; ngày 02/11/2022	850	848					848
175	Đường ngõ xóm vào nhà ông Sỏi, thôn Nà Cả, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	834; ngày 02/11/2022	173	173					173
176	Đường nội đồng Khe Muối, xã Yên Than	99; ngày 21/10/2022	500	500					500
177	Đường ra khu nuôi trồng thủy sản khu đầm ông Biển, thôn Đồi Mây, xã Hải Lạng	370; ngày 04/11/2022	797	797					797
178	Mương ống nhựa HDPE d300mm phục vụ tưới nước sản xuất nông nghiệp Bàn Phai - Nà Tử, thôn Hà Bắc	260; ngày 18/10/2022	317	317					317
179	Đập và mương ống nhựa HDPE D110 khe Thảm Thon Co Mười - Khe Liêng, thôn Hà Bắc, xã Hà Lâu	261; ngày 18/10/2022	576	576					576
180	Hỗ trợ ống nhựa HDPE d110 mương cây Đa khu Khe Lẹ, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	262; ngày 18/10/2022	285	285					285
181	Hỗ trợ ống nhựa HDPE d110 mương cây Đào khu Khe Lẹ, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	263; ngày 18/10/2022	221	221					221
182	Sửa chữa mương Nà Lẹng, khu Nậm Mìn, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	264; ngày 18/10/2022	269	269					269
183	Xây mới mương Nà Tao, khu Khe Tao, thôn Thống Nhất, xã Hà Lâu	265; ngày 18/10/2022	360	360					360
184	Đập và mương ống nhựa HDPE d110 Nà Vật khu Bàn Danh, thôn Đoàn Kết, xã Hà Lâu	266; ngày 18/10/2022	609	609					609
185	Sửa chữa, cải tạo đập và mương Sam Vả, thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ	835; ngày 02/11/2022	715	715					715
186	Cải tạo, sửa chữa mương trên xóm Nà Lin, thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	836; ngày 02/11/2022	759	759					759

STT	Đánh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
187	Xây dựng khu cảnh đồng đội 5 thôn Đồng Thắng, xã Đồng Ngũ, huyện Tiên Yên	453; ngày 12/10/2022	245	245					245
188	Mương nhà ông Tô Thành đến Tô La thôn Đồng Thành, xã Đồng Ngũ, huyện Tiên Yên	457; ngày 12/10/2022	270	270					270
189	Tuyến mương số 1 tuyến ống nhựa thôn Quế Sơn, xã Đồng Ngũ, huyện Tiên Yên	459; ngày 12/10/2022	301	301					301
190	Tuyến mương cầu cao thôn Đồng Mộc, xã Đồng Ngũ, huyện Tiên Yên	458; ngày 12/10/2022	251	251					251
191	Lắp đặt ống nhựa tuyến mương Gi Mênh thôn Đồng Mộc, xã Đồng Ngũ	476; ngày 04/11/2022	729	729					729
192	Tuyến mương số 2 tuyến ống nhựa thôn Quế Sơn, xã Đồng Ngũ, huyện Tiên Yên	477; ngày 04/11/2022	992	992					992
193	Đường ống dẫn nước nội đồng thôn Khe Muối 1, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	97; ngày 21/10/2022	660	660					660
194	Đường ống dẫn nước nội đồng thôn Khe Muối 2, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	98; ngày 21/10/2022	425	425					425
195	Nâng cấp đập Khe Vả, xã Yên Than	96; ngày 21/10/2022	449	449					449
196	Tuyến đường nội đồng qua khu nhà ông Lý A Tài, khu Bắc Buồng, thôn Tân Tập	972; ngày 30/3/2023	204	204					204
197	Đường ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Sáu thôn Nà Lộc	977; ngày 30/3/2023	339	339					339
198	Đường ngõ xóm vào khu nhà Lý Sỏi Thín, Pác Sủi	978; ngày 30/3/2023	616	616					616
199	Công trình đường bê tông nhóm hộ xóm Khe Soong, thôn Hua Cầu	980; ngày 30/3/2023	1.058	1.058					1.058
200	Đường QL18c cũ vào khu Nhà văn hóa thôn Khe Vẻ	979; ngày 30/3/2023	1.260	1.260					1.260
201	Đường ngõ xóm Khe Mạ, thôn Văn Máy	982; ngày 30/3/2023	450	450					450
202	Đường nội đồng Khe Phạ xóm Nà Lin, thôn Đồng Đình	981; ngày 30/3/2023	360	360					360
203	Đường ngõ xóm từ nhà ông Tiến đến nhà ông Lý Văn Đăng, thôn Đồi Mây, xã Hải Lạng	985; ngày 30/3/2023	550	550					550
204	Mở rộng, đổ bê tông đường từ ngã ba nhà ông Phạm Văn Chiêu thôn Bồn đến giáp đê ngăn mặn thôn Bồn	984; ngày 30/3/2023	850	850			850		
205	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung khu Bản Danh, thôn Đoàn Kết	974; ngày 30/3/2023	284	284					284
206	Cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung khu Bắc Buồng - Khe Chanh, thôn Tân Lập	973; ngày 30/3/2023	416	416					416
207	Lắp đặt hệ thống ống nước, téc, máy bơm phục vụ nước cho khu dân cư Bắc Cường, thôn Hà Lâm	975; ngày 30/3/2023	135	135					135
208	Đường ống nước thủy lợi Pác Sủi	976; ngày 30/3/2023	278	278					278
209	Đập, kênh mương Nà Vàng, Nà Dải xóm Khe San, thôn Đồng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	3770; ngày 27/11/2023	993	993					993
210	Cải tạo, mở rộng đường từ đầu cầu tràn Bắc Lù Km 1+200 đến Km 1+500 tuyến đường thôn Bản Buồng, huyện Tiên Yên sang xã Vô Ngai, huyện Bình Liêu (giai đoạn 2)	3664; ngày 27/11/2023	710	710					710
211	Mở rộng cấp lẻ, đổ bê tông đường, đoạn từ ngã ba nhà bà Vũ Thị Nhíp thôn Trung đến giáp đê ngăn mặn, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên	3674; ngày 27/11/2023	995	995					995
212	Mở rộng, đổ bê tông đường từ ngã ba nhà ông Ngô Văn Hùng thôn Thượng đến khu Miếu Cò thôn Thượng, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên (giai đoạn 2)	3673; ngày 27/11/2024	933	933					933
213	Mở rộng, đổ bê tông đường từ cửa nhà bà Phạm Thị Cung thôn Bồn đến giáp đê ngăn mặn thôn Bồn, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên	3675; ngày 27/11/2025	744	744					744
214	Nâng cấp đường từ nhà ông Phúc Hòa đến ông Bàn Văn Tiên thôn Láng Đải, xã Đồng Hải, huyện Tiên Yên	3654; ngày 24/11/2023	698	698					698
215	Đường vào nhà văn hóa thôn Phú Cường, xã Yên Than, huyện Tiên Yên	3676; ngày 27/11/2023	617	617					617
II	Dự án, nhiệm vụ đã quyết toán, chưa tất toán		11.214	11.214	0	11.214	0	0	
*	Các nhiệm vụ quy hoạch								
I	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm đô thị Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	2157; ngày 19/7/2023 3865; ngày 07/12/2023	2.611	2.611		2.611			

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm, khu đô thị dịch vụ du lịch sinh thái kết hợp sản gắn và khu dân cư tại xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	2158; ngày 19/7/2023 3877; ngày 08/12/2023	2.738	2.738		2.738			
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị, dịch vụ du lịch tại xã Đông Ngũ và xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	2159; ngày 19/7/2023 3876; ngày 08/12/2023	3.516	3.516		3.516			
4	HCKT/TY-2024		1.747	1.747		1.747			
5	TB, TTHL/TY-2024		601	601		601			
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		446.780	406.804	219.736	91.000	7.969	47.900	40.199
1	Nghĩa trang trung tâm huyện Tiên Yên, giai đoạn 2	5067; ngày 09/12/2022	30.000	30.000		18.000			12.000
2	Trường Tiểu học Đông Ngũ 1, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	4894; ngày 29/11/2022	148.800	107.736	102.736				5.000
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Tiên Yên	5064; ngày 09/12/2022; 2100, ngày 14/7/2023	130.000	130.000	117.000	13.000			
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 18A (từ sau trường THPT Nguyễn Trãi) vào thác Pác Sủi, xã Yên Than	4889; ngày 28/11/2022	75.000	75.000		60.000			15.000
5	Bê tông hóa tuyến đường giao thông lên Ngọn Lý Mả, xã Đại Dực, huyện Tiên Yên	3756; ngày 27/11/2023 2777; ngày 27/9/2024 3492; ngày 16/12/2024	5.600	5.600			3.989		1.611
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trường mầm non Đông Nam đến Đê Đông Nam, xã Đông Ngũ	1555; ngày 14/6/2024 2191; ngày 31/7/2024	6.860	6.852				6.100	752
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Bình Minh, xã Hải Lạng	1552; ngày 14/6/2024 2306; ngày 09/8/2024	10.241	10.748				9.600	1.148
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn (từ đập tràn Hà Thanh đến nhà văn hóa cũ thôn Nà Bắc xã Đông Hải)	1554; ngày 14/6/2024 2305; ngày 09/8/2024	12.323	12.663				11.000	1.663
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn từ Quốc lộ 18 đầu nối với đường Đông Ngũ - Đại Dực, thôn Đồng Đạm, xã Đông Ngũ	1551; ngày 14/6/2024 2312; ngày 12/8/2024	12.485	12.606				10.900	1.706
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn (từ Quốc lộ 18 đi thôn Hà Trảng Đông xã Đông Hải)	1548; ngày 14/6/2024 2190; ngày 31/7/2024	11.599	11.598				10.300	1.298
11	Xây dựng đập thủy lợi Cầu Ké Thìn, thôn Khe Lục, xã Đại Dực, huyện Tiên Yên	3759; ngày 27/11/2023	3.871	4.000			3.980		20
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		1.297.941	1.136.554	447.600	324.396	153.292	142.100	69.166
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán		602.506	607.553	74.600	252.393	137.392	102.500	40.668
1	Tuyến kè chống sạt lở và bảo vệ khu dân cư bên bờ sông xã Tiên Lăng, huyện Tiên Yên	5065; ngày 09/12/2022	120.000	120.000		103.062			16.938
2	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Đông Thắng xã Đông Ngũ đi xã Đại Dực huyện Tiên Yên	4891; ngày 29/11/2022 1838; ngày 22/6/2023	84.000	84.000	74.600	9.000			400
3	Nâng cấp chống ngập lụt tại các điểm tràn Đoàn Kết (1,2,3,4) trên tuyến đường xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3846; ngày 04/12/2023 2773; ngày 27/9/2024	58.500	58.500		3.700	49.004		5.796
4	Hệ thống cấp nước sạch thôn Đồng Mộc, thôn Quế Sơn, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	3754; ngày 27/11/2023 2751; ngày 26/9/2024	12.459	12.459			12.259		200
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn (từ thôn Đồng Thành đi Trường tiểu học Đông Ngũ) xã Đông Ngũ	2869; ngày 09/10/2024	4.952	5.591				5.000	591

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn đoạn từ Trường tiểu học Đông Ngụ đi nhà văn hóa thôn Đông Dương nối với đường thôn Đông Nam	2870; ngày 09/10/2024	11.673	15.380				13.700	1.680
7	Xử lý chống ngập lụt đường, trên Đầm Dê, thôn Đông Dương, xã Đông Ngụ	2872; ngày 09/10/2024	21.944	21.935		1.730		19.200	1.005
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên thôn (từ Quốc lộ 18 thôn Thống Nhất đến Thôn Trường Tùng)	2871; ngày 09/10/2024	14.017	14.573				12.900	1.673
9	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị vùng lõi thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên	QĐ 5082/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 QĐ 2587/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	127.348	121.296		121.296			
10	Đường ngõ xóm vào ngọn Khe Lóng (từ đầu đường thôn đầu nối vào đoạn đường bê tông đầu tư năm 2019) xã Đại Dực	3516; ngày 17/12/2024	3.010	3.287		500	2.420		367
11	Cầu tràn Đoàn Kết 5, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3517; ngày 17/12/2024	10.503	11.360		1.170	9.080		1.110
12	Cầu tràn Đoàn Kết 6, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3518; ngày 17/12/2024	10.961	11.200		1.240	9.450		510
13	Cầu tràn Đoàn Kết 7, xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	3519; ngày 17/12/2024	6.031	6.500		815	5.139		546
14	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng và xây dựng mới hệ thống mương Khe Xa, thôn Chiến Thắng, xã Diên Xá, huyện Tiên Yên	3504; ngày 16/12/2024	1.640	1.640			1.610		30
15	Hệ thống mương cấp nước tưới, tiêu xứ Đồng Mầu thôn Đồng Châu, xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	3758; ngày 27/11/2023	2.486	2.677			2.350		327
16	Công trình kênh mương thôn Đồng Đình, Văn Mây, Hua Cầu, Tênh Pò, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	3526; ngày 17/12/2024	4.270	4.270			4.190		80
17	Tu sửa hệ thống mương nước Phún Ứng	3522; ngày 17/12/2024	4.224	4.368			4.020		348
18	Công trình mương Tài Noong, Làng Dải, xã Đông Hải	3523; ngày 17/12/2024	2.453	2.455			2.340		115
19	Công trình kênh mương thôn Làng Nhội, xã Đông Hải	3524; ngày 17/12/2024	3.989	4.935			3.896		1.039
20	Tuyến đường Nà Quan từ nhà mẫu giáo Quế Sơn đến thôn Đồng Đạm, xã Đông Ngụ, huyện Tiên Yên	3529; ngày 17/12/2024	10.197	10.280			9.980		300
21	Đường nội đồng Phạc Kiệt thôn Cao Lâm, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên	3531; ngày 17/12/2024	2.079	2.090			1.975		115
22	Mở mới tuyến đường nối thôn Lâm Thành cũ đi thôn Thống Nhất, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên	3532; ngày 17/12/2024	1.478	1.482			1.420		62
23	Mở mới tuyến đường liên thôn từ Trường Tùng sang Đồi Mây xã Hải Lạng	3533; ngày 17/12/2024	4.217	4.239			4.000		239
24	Cứng hóa các tuyến đường ngõ xóm xã Tiên Lãng	3535; ngày 17/12/2024	4.934	4.934			4.780		154
25	Hạ tầng Trung tâm văn hóa xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên. Hạng mục: Đường giao thông, sân nền, sân bê tông	3749; ngày 27/11/2023	5.641	6.500		5.500			1.000
26	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn (từ Quốc lộ 18 thôn Đồng Thành xã Đông Ngụ đi thôn Phương Nam, Hội Phố xã Đông Hải)	2873; ngày 09/10/2024	21.413	21.400		1.430		18.800	1.170
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn (từ Quốc lộ 18 thôn Hà Trảng Tây đi thôn Hội Phố xã Đông Hải)	2874; ngày 09/10/2024	35.343	37.409		2.950		32.900	1.559
28	Cứng hóa một số tuyến đường đất xã Đông Ngụ	3534; ngày 17/12/2024	9.873	9.906			9.480		426
29	Hạ tầng và giải phóng mặt bằng khu dân cư thôn Làng Dải, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên (GD 2)	7717; ngày 20/12/2021 2598; ngày 01/7/2022	2.335	2.349					2.349
30	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chỉnh trang, nâng cấp đô thị phố Hòa Bình, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên (đoạn giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc)		249	249					249

STT	 Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
31	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Điểm đồ thái vật liệu xây dựng tại thôn Đông Vá, xã Yên Than, huyện Tiên Yên		149	149					149
32	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Điểm đồ thái vật liệu xây dựng tại thôn Đông Mộc, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên		140	140					140
II	Dự án đang thi công; dự án đã đấu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025		695.435	528.029	373.000	72.003	15.900	39.600	27.526
1	Cầu trung tâm xã Hà Lâu, huyện Tiên Yên	1556; ngày 14/6/2024	47.830	47.422		5.806		39.600	2.016
2	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị, phòng bộ môn, hỗ trợ học tập và phụ trợ trường THCS Tiên Lãng, xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	947; ngày 25/4/2024	10.413	12.400		10.406			1.994
3	Đường từ đập Khe Táu đầu nối sang nhà văn hóa thôn Quế Sơn, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	3297; ngày 27/11/2024	11.260	11.500		2.000	9.170		330
4	Đường nối từ cầu treo Mè Mải nối đường bê tông xóm Nà Kiểu xã Phong Dụ đi xã Hà Lâu	3530; ngày 17/12/2024	6.905	6.912			6.730		182
5	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên	2937; ngày 15/9/2023	498.039	396.000	373.000	3.000			20.000
6	Khu tái định cư thôn Đồng Châu tại xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	3539; ngày 18/12/2024	120.988	53.794		50.791			3.003
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025								
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025								
V	Dự án chuẩn bị đầu tư (Chỉ bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)			972,022	0	0	0	0	972,022
1	Xây mới phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính trường TH&THCS Đại Dực 2	130/NQ-HĐND ngày 13/11/2023		452					452
2	Xây mới phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính trường TH&THCS Đồng Rui	130/NQ-HĐND ngày 13/11/2023		520					520
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện								
D	Nhóm dự án dừng triển khai thực hiện để thực hiện chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp		130.307	3.650	0	2.109	1.091	0	450
1	Cải tạo trường Tiểu học Đông Ngũ I (điểm trường cũ) thành điểm trường Đông Ngũ Hoa, Trường Mầm non Đông Ngũ	3550; ngày 19/12/2024	14.837	697		697			
2	Khởi nhà thi đấu thể thao Trung tâm Văn hóa Thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc huyện Tiên Yên	3514; ngày 17/12/2024	64.289	453		3			450
3	Nhà văn hóa thôn Xóm Nương, xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên	3515; ngày 17/12/2024	2.750	362		362			
4	Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu huyện Tiên Yên, giai đoạn 1	96/QĐ-UBND-m; ngày 10/12/2024	35.000	1.047		1.047			
5	Xây mới nhà đa năng trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Hà Lâu	2301; ngày 08/8/2024	5.081	217			217		
6	Nhà văn hóa thôn Đông Thành, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên	3525; ngày 17/12/2024	2.197	326			326		
7	Nhà văn hóa thôn Phương Nam, xã Đông Hải	3521; ngày 17/12/2024	2.197	321			321		
8	Nhà văn hóa thôn Bình Minh	3527; ngày 17/12/2024	1.976	113			113		
9	Nhà văn hóa thôn Đông Hồng, xã Đông Ngũ	3528; ngày 17/12/2024	1.980	113			113		

PHỤ BIỂU 03

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THÀNH PHỐ HẠ LONG
CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBĐT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG CỘNG		25.518.734	13.091.166	2.833.000		13.169		10.244.997
A	Nhóm dự án hoàn thành								
I	Dự án đã quyết toán, tất toán		2.975.990	1.054.281	55.000				999.281
1	Hoàn chỉnh mặt đường, vỉa hè, rãnh dọc, cây xanh, điện chiếu sáng tỉnh lộ 337 - giai đoạn 2 (đoạn từ trụ sở UBND phường Cao Xanh cũ đến cầu K67)	2697/QĐ-UBND ngày 22/9/2014	80.526	126					126
2	HTKT khu phía Nam đường quốc lộ 18A đoạn từ Km5-Km8 (từ trụ sở Tỉnh ủy đến trụ sở UBND tỉnh) tại phường Hồng Hà (GD1)	2933/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	243.466	7.024					7.024
3	Trường mầm non Bãi Cháy	2900/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	69.997	3.137					3.137
4	Hạ tầng ngoài hàng rào trường THPT Chuyên Hạ Long (Chi phí GPMB)		-	270					270
5	Nhà văn hóa khu 2 phường Hà Lâm	8926/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	2.074	1.606					1.606
6	Chống ngập lụt tổng thể cho khu vực cánh đồng Ba Sào, thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ		22.760	313					313
7	Mở rộng tuyến đường bao biển núi Bãi Thờ (đường Trần Quốc Nghiễn) đoạn từ Vincom đến đường rẽ sang Bến Đoàn	9351/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	381.041	441					441
8	Nhà văn hóa khu 5B, phường Bãi Cháy	7036/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.162	94					94
9	Đầu tư hệ thống cống hộp cắt qua quốc lộ 18A thoát nước ra phía biển khu vực cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	10006/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	7.857	40					40
10	Nhà văn hóa khu 1B phường Cao Thắng	141A/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	1.991	13					13
11	Xây dựng công thoát nước và cải tạo nền đường bê tông tổ 10 khu 4 phường Hồng Hà	6919/QĐ-UBND ngày 24/10/2018; 9252/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, 3222/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	2.020	160					160
12	GPMB khu tái định cư và chợ Cái Dăm tại phường Bãi Cháy (Chi phí đền bù GPMB)		36.200	5					5
13	Cải tạo tuyến mương thoát nước tại tổ 4, khu 6, phường Việt Hưng	2767/QĐ-UBND ngày 29/5/2018	10.730	169					169
14	Tuyến cống số 5 thuộc hệ thống thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Cái Lân, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long	8422/QĐ-UBND ngày 06/10/2017	14.900	2					2
15	Mở rộng, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo	4026/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	133.222	1.305					1.305
16	Đường dọc mương thoát nước từ cầu nước mặn (phường Hà Lâm) đến cầu trắng K67 (phường Hà Khánh), GD1: đoạn từ tỉnh lộ 337 đến khu đô thị Cenco5	4326/QĐ-UBND ngày 23/01/2009; 4502/QĐ-UBND ngày 21/6/2019	104.268	16					16
	Các dự án đã hoàn thành giai đoạn 2016 - 2020, chuyển sang quyết toán		-						
17	Trường THCS Hà Tu (giai đoạn 2)	9331/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	21.259	2.911					2.911
18	Tuyến đường tiểu mạch tổ 6 khu 4 phường Hà Tu	9250/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	802	571					571
19	Nhà văn hóa khu 9, phường Cao Thắng	7114/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.338	1.115					1.115
20	Xây dựng bổ sung nhà học lý thuyết và nhà bếp Trường tiểu học Trần Hưng Đạo	7025/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	9.934	3.399					3.399
21	Tuyến đường Hạ Long đoạn từ nút giao Mương Thanh đến khu vực Bến phà cũ tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	7049/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	28.059	3.510					3.510
22	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường lên dốc Nhà Thờ tại khu phố 3, phường Bạch Đằng	9192/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.411	367					367
23	Mở rộng khuôn viên, xây dựng khu để xe và đồ xe đưa đón học sinh Trường mầm non Việt Hưng (cơ sở 1)	7021/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	812	377					377
24	Nhà văn hóa khu 4, phường Trần Hưng Đạo	9138/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.964	662					662
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tại tổ 3, khu 1, phường Cao Thắng (đoạn đi qua cổng trường tiểu học Hữu Nghị)	9173/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.557	399					399
26	Cống thoát nước tại khu 7, khu 8 phường Hà Khẩu (giáp ranh dự án HTKT khu dân cư khu 7, khu 8 phường Hà Khẩu và khu dân cư hiện trạng)	9168/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.376	175					175
27	Nhà văn hóa khu 9, phường Hồng Hà	9163/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.241	632					632
28	Thăm nhựa các tuyến đường thuộc khu dân cư đô thị đối T5, phường Hồng Hải, Hồng Hà	9054/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5.984	724					724
29	Nhà văn hóa khu 2A + 2B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	8384/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	4.676	1.018					1.018
30	Trường THCS Yết Kiêu (giai đoạn 2)	9237/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.451	1.662					1.662
31	Tuyến đường khu 7A, phường Hồng Hải	9051/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	12.030	1.349					1.349
32	Tuyến đường và hệ thống thoát nước tại tổ 5, 6 khu 7 (ngõ 63 đường Nguyễn Văn Cừ) phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	9166/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	919	344					344

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
33	Sửa chữa, cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy Trụ sở Trung tâm Hành chính công thành phố Hạ Long	9029/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.620	647					647
34	Khu vườn cây xanh chân hồm Cấp Bê và bãi đỗ xe tại khu hạ tầng tiếp giáp phía Đông Nam khuôn viên Tượng đài Đ/C Vũ Văn Hiếu, tại phường Bạch Đằng	9357/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	7.868	897					897
35	Cổng thoát nước tại 57 đường Nguyễn Văn Cừ phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	9240/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	656	243					243
36	Cổng thoát nước tại tổ 3 khu 8 phường Hồng Hà	9239/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	431	156					156
37	Xây dựng bổ sung phòng học và các phòng chức năng Trường tiểu học và trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân	8938/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	17.331	3.852					3.852
38	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên, cổng tường rào UBND phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	9279/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	7.318	1.151					1.151
39	Tuyến đường và hệ thống thoát nước tại tổ 8 khu 7 (ngõ 67 đường Nguyễn Văn Cừ), phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	9169/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	948	186					186
40	Cải tạo, sửa chữa tuyến kè đá và cầu dân sinh tuyến đường Séc Lô (đoạn từ đường QL18A đến hồ Khe Cá) thuộc khu 1, 2 phường Hà Tu, thành phố Hạ Long	9142/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.980	1.640					1.640
41	Nhà văn hóa khu 1, phường Bạch Đằng	9238/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.103	206					206
42	Trạm y tế xã Vũ Oai đạt chuẩn quốc gia	2936/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	8.059	2.457					2.457
43	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Tu	7029/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.981	1.104					1.104
44	Đầu nối đường Lê Thánh Tông với đường nội bộ của khu kho than 1, 2 (đoạn giáp trường Văn Lang), phường Hồng Hải	9267/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	30.896	644					644
45	Cảng cá tại phường Cao Xanh	9179/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	50.000	6.000					6.000
46	HTKT khu tự xây khu 9 phường Cao Xanh	3066/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	20.333	2.639					2.639
47	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dân sinh từ tổ 9, qua tổ 10, tổ 13 đến tổ 15 khu 3A phường Giếng Đáy	9276/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5.596	2.355					2.355
48	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu 6 phường Bãi Cháy	5494/QĐ-UBND ngày 4/9/2018; 5678/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	28.552	3.857					3.857
49	Xây dựng HTKT một phần thửa đất số 91+159 tờ bản đồ địa chính số 24 thuộc tổ 8 khu 5 phường Hồng Hải	7093/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.399	586					586
50	Tuyến đường tổ 10, khu 4 sang đường liên phường Trần Hưng Đạo, Yên Kiêu	9348/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 883/QĐ-UBND ngày 22/02/2019	10.713	1.951					1.951
51	HTKT Dây nhà ở liên kết tại quỹ đất Nhà văn hóa khu 5B cũ, phường Bãi Cháy	9277/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	377	101					101
52	Hệ thống điện chiếu sáng trên đường tỉnh 328, huyện Hoành Bồ	3650/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	17.190	0					-
53	HTKT khu dân cư, tái định cư phía Bắc ga Hạ Long tại phường Giếng Đáy	3316/QĐ-UBND Tỉnh ngày 26/10/2006	38.095	3.577					3.577
Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			-						
54	Cảng tàu chuyên dụng thuộc quy hoạch dự án khu dịch vụ cao cấp Bến Đoan	857/QĐ-UBND ngày 31/3/2015	138.013	26.716					26.716
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 12, khu 5 phường Hồng Hải	7016/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.324	2.784					2.784
56	Nâng cấp tuyến đường liên phường tổ 7, 8, 9 phường Hà Trung sang phường Hồng Hà (sau Công an tỉnh)	9177/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.628	4.094					4.094
57	Mở rộng tuyến đường giao thông liên xã thôn Khe Cản (Đông Cẩm) xã Đông Sơn đi xã Kỳ Thượng đầu nối vào đường tỉnh 342 (đoạn km 0+00 đến Km 4+750)	3116/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	35.000	7.063					7.063
58	Trường mầm non Giếng Đáy (cơ sở 1 - Khu vực nhà máy đóng tàu Ba Lan)	6998/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	35.679	6.087					6.087
59	Hệ thống thoát nước từ tổ 6 khu 1 đến tổ 44, 45, 47A, 47B khu 5, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long (tên cũ: Xây dựng, nạo vét các tuyến đường thoát nước thuộc khu 5 phường Hà Phong)	5847/QĐ-UBND ngày 19/9/2018	54.733	10.406					10.406
60	HTKT tại thửa đất số 28, 29 tờ bản đồ 36 và thửa đất số 14, 15, 16, 17, 18, 26, 32, 33, 34, 37, 44, 45 tờ bản đồ 37 tại phường Hà Khẩu	2873/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 12086/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	7.400	3.212					3.212
61	HTKT khu dân cư tự xây và TĐC tại tổ 29 khu 5 phường Hà Khánh (Giai đoạn 2)		-	18.000					18.000
62	Nhà văn hóa trung tâm xã Vũ Oai, kết hợp Nhà văn hóa thôn Chợ, xã Vũ Oai	4105/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	6.308	1.390					1.390
63	Nhà văn hóa khu 4, phường Bạch Đằng	9239/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.686	964					964
64	Thay thế hệ thống điện chiếu sáng công cộng hiện có bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Hạ Long - Giai đoạn III	8919/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	37.062	3.061					3.061
65	Cải tạo và xây mới một số hạng mục phụ trợ trên đảo Hòn Rồng, phường Hùng Thắng	9176/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	14.091	13.108					13.108
Các dự án khởi công mới năm 2021			-						
66	Xây dựng đường bê tông và cống thoát nước tổ 5 khu 9 phường Hồng Hà	9258/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	484	484					484
67	Cải tạo, nâng cấp đường và xây dựng cống thoát nước tuyến đường chính thuộc khu 8 (từ đường Đồng Đăng vào tổ 2, khu 8, qua trụ sở công an phường Việt Hưng và Đại đội 4 thông tin thuộc Quân khu 3) và 03 tuyến đường nhánh thuộc tổ 3, tổ 4, khu 8, phường Việt Hưng	10900/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	4.794	4.394					4.394
68	Sửa chữa khối nhà hiệu bộ, nhà đa năng và xây dựng sân tập thể thao Trường THPT Hoành Bồ, phường Hoành Bồ, thành phố Hạ Long	15311/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	7.342	1.627					1.627

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
69	Xây dựng bổ sung nhà học bộ môn và các phòng chức năng, hiệu bộ Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Đồng Lâm 2 (Thôn Cánh)	2929/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	7.969	7.900					7.900
70	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Đồng Sơn	2931/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	9.904	9.184					9.184
71	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí thành thị khu trung tâm xã Đồng Sơn	2936/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	1.748	1.578					1.578
72	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cánh, xã Đồng Lâm	3630/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	3.432	3.186					3.186
73	Đầu tư tuyến rãnh thoát nước tổ 16 khu 3 phường Tuấn Châu, thành phố Hạ Long	15340/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	976	803					803
74	Đầu tư tuyến rãnh thoát nước tổ 9, 10, khu 2 phường Tuấn Châu	15359/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	2.587	2.177					2.177
75	Nhà trạm tại 05 trạm quan trắc nước thải Tự động trên địa bàn thành phố Hạ Long	15359/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	610	610					610
76	Cải tạo tuyến cống thoát nước tổ 12, 14, 15 khu 9, phường Hồng Hà	9248/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.450	1.689					1.689
77	Sửa chữa, nâng cấp cải tạo tuyến cống cầu 3, phường Cao Xanh	2932/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	2.013	1.406					1.406
78	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường nối tiếp từ ngã ba Trang trại rau sạch đến ngã ba thôn Yên Mỹ, Đê E xã Lê Lợi	15313/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	4.109	3.699					3.699
79	Hạ ngầm đường dây trung thế 10kV, 22kV và cải tạo các trạm biến áp đoạn từ ngã tư Việt Hưng đến ngã ba bệnh viện đa khoa Hạ Long	15358/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	11.804	10.658					10.658
80	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 279 (đoạn từ km5+400 đến km13+800)	15368/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	22.138	19.999					19.999
81	Sửa chữa, nâng cấp đập Góc Mương, thôn 1, xã Dân Chủ, thành phố Hạ Long	2946/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	908	900					900
82	Sửa chữa, nâng cấp chợ xã Đồng Sơn	2937/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	2.540	2.500					2.500
83	Trường Tiểu học và THCS Hòa Bình	66/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	24.716	21.600					21.600
84	Cần cẩu chiến đấu số 1 thành phố Hạ Long, tại phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long (giai đoạn 1)		-	83.600					83.600
85	Trụ sở làm việc Đảng Ủy - HĐND - UBND phường Bạch Đằng	86/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	2.374	2.302					2.302
Các dự án khởi công mới năm 2022			-	0					
86	Xây dựng cầu Thủy Văn, xã Bằng Cà	11715/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	14.991	13.128					13.128
87	Xây dựng cầu thay thế ngầm tràn qua suối Đá Lồm, xã Dân Chủ	11716/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	5.378	2.976					2.976
88	Đường ngầm tràn Khe Cò, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	11631/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; 2382/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	1.157	1.160					1.160
89	Đường tràn qua suối Đồng Giang, thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương	11616/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	4.918	3.783					3.783
90	Tràn qua suối Khe Nội khu nhà văn hóa thôn Khe Cánh, xã Đồng Sơn	11714/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	3.342	3.082					3.082
91	Sửa chữa nâng cấp đường tràn qua suối Bằng Anh, thôn Bằng Anh, xã Tân Dân	11713/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	8.792	7.762					7.762
92	Đầu tư xây dựng bổ sung làn đường dọc tuyến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả trên địa bàn các phường Hà Phong, Hà Tu, Hồng Hà	343/QĐ-UBND ngày 20/01/2021	71.557	64.584	55.000				9.584
93	Di chuyển đường dây trung thế 10kV và hạ thế 0,4kV thuộc dự án HTKT khu dân cư khu vực nhà văn hóa khu 7, phường Hoành Bồ	11717/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	2.191	2.026					2.026
94	Tuyến đường gom Quốc lộ 18 đoạn Km 111+544 đến Km 111+748 (khu vực phía trước Trụ sở cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ninh tại phường Bãi Cháy)	352/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	4.747	4.430					4.430
95	Đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ với quy hoạch và quản lý quy hoạch dọc đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả trên địa bàn phường Hà Phong	354/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	95.347	77.133					77.133
96	Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ công trình quốc phòng và đất quốc phòng kết hợp cải tạo chỉnh trang đô thị đoạn Km2+420 - Km5+320 tuyến đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả	350/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	41.148	33.858					33.858
97	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất tái định cư phục vụ GPMB dự án Xây dựng trường mầm non xã Đồng Lâm		-	15					15
98	Cải tạo, chỉnh trang đô thị bên trái tuyến đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả đoạn từ khu vực hết Nhà Sàng đến cầu Khe Cá	342/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	42.211	30.700					30.700
99	Cải tạo, chỉnh trang đô thị dọc hai bên tuyến đường bao biển đoạn từ bãi tắm Hòn Gai đến khu vực Nhà Sàng	351/QĐ-UBND ngày 20/01/2021; 218/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	71.050	51.635					51.635
100	HTKT khu tái định cư tại Lô đất trụ sở làm việc công an thị trấn Trới (cũ) thuộc Quy hoạch khu dân cư khu 5, phường Hoành Bồ	45/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	3.317	2.696					2.696
101	Xây dựng nhà học bộ môn Trường THPT&THCS Núi Mần, xã Thống Nhất	86/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	12.903	12.401					12.401
102	Trụ sở công an xã Thống Nhất	54/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	10.324	9.180					9.180
103	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Trung tâm Chính trị Thành phố	56/QĐ-UBND ngày 05/01/2022	5.298	5.106					5.106
104	Sửa chữa các hạng mục Nhà tang lễ phía Tây thành phố Hạ Long	11719/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	1.300	1.159					1.159

TT	Đanh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
105	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Sơn Dương, xã Sơn Dương	3583/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	5.802	5.134					5.134
106	Cải tạo cổng cầu Huỳnh tại thôn Đồng Cao, xã Thông Nhất	4076/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	1.534	1.487					1.487
107	Xây dựng kẻ chắn đất cho tuyến đường giao thông tại tổ 5, khu 1, phường Hà Khánh	3936/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	1.351	1.003					1.003
Các dự án khởi công mới năm 2023									
108	Đường tràn qua suối Vũ Oai, thôn Bãi Cát, xã Vũ Oai	4443/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	3.968	3.689					3.689
109	Cổng qua suối Khe Múi vào khu nhà Bán Hữu Liên thôn Phú Liên, xã Đồng Sơn	4445/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	1.879	1.712					1.712
110	Sửa chữa nâng cấp đường tràn qua suối Khe Tàu, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân	4478/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	4.797	4.406					4.406
111	Đường Bằng Danh- Lưỡng Kỳ, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	4692/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	4.818	4.217					4.217
112	Xây mới nhà vệ sinh học sinh đạt chuẩn của 06 trường, điểm trường trên địa bàn thành phố Hạ Long	4744/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	9.486	7.700					7.700
113	Cải tạo, nâng cấp Đập dâng Vũ Oai tại thôn Đồng Chùa, xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	4654/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	4.874	4.090					4.090
114	Tuyến cống thoát nước tại khu vực tổ 5 và tổ 11B, khu 3, phường Hồng Hà	155/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	2.305	2.038					2.038
115	Tuyến kẻ chống sụt lún khu vực tập thể thao quân sự và nhà tập luyện thể lực cho cán bộ và chiến sỹ tại Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	633/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	9.397	8.467					8.467
116	Sửa chữa Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Dân Chủ, thành phố Hạ Long	614/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	2.991	2.845					2.845
117	Sửa chữa Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND phường Hà Trung, thành phố Hạ Long	615/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	2.743	2.589					2.589
118	Sửa chữa Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	652/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	2.871	2.665					2.665
119	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc Tỉnh lộ 326 (đoạn từ đầu thôn Đồng Lá đến cuối thôn Thái Cát), xã Hòa Bình	1716/QĐ UBND ngày 30/6/2023	3.595	3.119					3.119
Các dự án khởi công mới năm 2024									
120	Nâng cấp, cải tạo đập và đường ống cấp nước Khe Đá, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm	4456/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.667	1.740					1.740
121	Xây dựng Nhà vệ sinh công cộng tại khu vực quỹ đất cây xanh, tiểu cảnh thuộc tổ 27 & tổ 28 khu 2 phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long	2551/QĐ-UBND ngày 6/9/2023	2.013	1.907					1.907
122	Chỉnh trang khu trung tâm xã Sơn Dương, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	2536/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	3.332	2.907					2.907
123	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thoát nước tại tổ 26, khu 3 đến tổ 12, khu 2, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long	2465/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	2.575	2.401					2.401
124	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Minh Hà lên trường THPT Vũ Văn Hiếu, phường Hà Tu	3492/QĐ-UBND ngày 12/09/2022	1.936	1.329					1.329
125	Hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 326 đoạn Km 10+500 đến Km16+500 (đoạn qua khu dân cư), xã Thông Nhất	396/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	16.360	10.058					10.058
126	Chỉnh trang khu trung tâm xã Vũ Oai, xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	2617/QĐ-UBND ngày 13/09/2023	1.562	1.452					1.452
127	Chỉnh trang khu trung tâm xã Quảng La, xã Quảng La, thành phố Hạ Long	2586/QĐ-UBND ngày 12/09/2023	3.582	3.225					3.225
128	Trung tâm hành chính công thành phố Hạ Long	12099/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 1725/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 1325/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	50.718	44.593					44.593
129	Đường ngầm tràn Khe Am, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	4444/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	736	800					800
130	Cải tạo cầu Khe Lừa, thôn Vườn Rậm, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3990/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	1.197	1.300					1.300
131	Xây dựng tuyến cống thoát nước đầu nối từ Đường 18A cũ xuống khu dân cư giáp chi nhánh Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	339/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	1.645	2.400					2.400
132	Di chuyển hệ thống chiếu sáng dưới lòng đường thuộc các phường trên địa bàn thành phố Hạ Long	3708/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.109	2.200					2.200
133	Di chuyển hệ thống điện, chiếu sáng nằm dưới lòng đường thuộc các phường trên địa bàn thành phố Hạ Long - Giai đoạn 2	631/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	3.789	3.410					3.410
134	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 326 đoạn Km0 đến Km1+450, thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ	4277/UBND ngày 31/01/2017	70.476	6.600					6.600
135	Trụ sở công an xã Đồng Sơn	53/QĐ-UBND ngày 05/1/2022	11.408	11.078					11.078
136	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố nhánh cột 3, 5, 8 phường Hồng Hải, Hồng Hà	4377/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	235.816	197.545					197.545
137	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đồng Rùa, xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	3967/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	2.385	2.400					2.400
138	Xây dựng hệ thống thoát nước từ hạ lưu công trình đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn (khu vực gần cầu Suối Nóng) để đảm bảo thoát nước, tránh ngập úng cho khu vực Vạn Yên, phường Việt Hưng	7738/QĐ-UBND ngày 26/11/2018	8.324	3.499					3.499

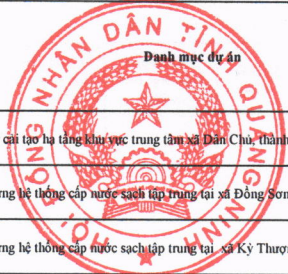
TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
139	Xây dựng bổ sung phòng học và các phòng chức năng trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Đồng Lâm 1 (điểm trung tâm)	7738/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	8.785	7.481					7.481
140	Xây mới trường mầm non xã Đồng Lâm	2930/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	19.428	17.626					17.626
141	Đường nối đường Hạ Long với đường Hạng Cấn (khu vực phía nghỉ đường 368)	QĐ điều chỉnh DA số 8181/QĐ-UBND ngày 10/12/2018	118.470	989					989
II	Dự án đã quyết toán, chốt tất toán	0	7.493.080	2.422.917	751.000	0	0	0	1.671.917
	Các dự án đã phê duyệt quyết toán toàn dự án đề nghị tất toán trong tháng 5/2025 (đã bố trí vốn thanh toán phần còn thiếu)								
1	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Sơn Dương (điểm Hà Lũng), xã Sơn Dương, thành phố Hà Long	2857/QĐ-UBND ngày 15/3/2025	1.149	1.500					1.500
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Đảng bộ, thành phố Hà Long	4761/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	2.989	3.000					3.000
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Tân Dân, thành phố Hà Long	615/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	3.151	3.300					3.300
4	Bê tông hóa đường trục thôn Đèo Độc đi Bàng cá con (giai đoạn 2), thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm	4633/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.487	2.900					2.900
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Lê Lợi, thành phố Hà Long	2855/QĐ-UBND ngày 15/3/2027	2.336	2.800					2.800
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Đảng Sơn, thành phố Hà Long	648/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	3.324	3.500					3.500
7	Cải tạo tuyến đường hiện trạng vào khu chôn lấp chất thải xây dựng tại xã Hòa Bình, thành phố Hà Long	439/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	1.550	1.550					1.550
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Quảng La, thành phố Hà Long	644/QĐ-UBND ngày 19/1/2024	1.935	2.100					2.100
9	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hà Long	2614/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	4.518	6.300					6.300
10	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Hà Khánh, thành phố Hà Long	155/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	2.045	2.100					2.100
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND các phường phía Tây, thành phố Hà Long	2854/QĐ-UBND ngày 15/3/2025	3.056	3.500					3.500
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND các phường phía Đông, thành phố Hà Long	2856/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	6.780	7.500					7.500
13	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Hoà Bình, thành phố Hà Long	652/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	3.039	3.200					3.200
14	Xây dựng công trình thuộc điểm trường Hà Lũng, Trường Tiểu học Sơn Dương, xã Sơn Dương, thành phố Hà Long	3572/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	10.216	11.200					11.200
15	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy trường tiểu học Lê Hồng Phong, phường Hồng Hải, Thành phố Hà Long	2750/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	3.810	4.600					4.600
16	Xây dựng đường dây trung thế 35kV cấp điện cho một số dự án tại thôn Đồng Sang, xã Vũ Oai, thành phố Hà Long	2901/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	7.881	8.700					8.700
	Các dự án đã phê duyệt chi phí xây lắp + chi khác+ chi phí GPMB đã chi trả (hoàn thiện trình quyết toán toàn dự án để tất toán)								
17	HTKT khu tự xây, tái định cư và khu dân cư cải tạo theo quy hoạch Bãi Muối, phường Cao Thắng, thành phố Hà Long	1603/QĐ-UBND ngày 03/7/2013+	57.245	467					467
18	Trường Tiểu học và THCS Hùng Thắng (nhà bộ môn + nhà đa năng và phụ trợ)	779/QĐ-UBND ngày 14/3/2006 QĐ 356/QĐ-UBND ngày 20/1/2022	26.681	6.601					6.601
19	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường Giếng Đồn, thành phố Hà Long.	9364/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	59.973	176					176
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đồng Cao - Đồ bàng, xã Thống Nhất, Thành phố Hà Long	15331/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	186.134	118.990					118.990
21	Cải tạo, chỉnh trang đường Giếng Đáy từ ngã 3 Ba Lan đến ngã 3 rẽ vào Nhà máy đóng tàu Ba Lan, thành phố Hà Long.	9299/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.828	134					134
22	Hệ thống thoát nước phía hạ lưu cửa xả B sân golf tại ngõ 11, khu 5, phường Hồng Hải, thành phố Hà Long	3230/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	8.660	15					15
23	Trường tiểu học Đại Yên (cơ sở 2)	2988/QĐ-UBND ngày 10/5/2019	20.043	7.010					7.010
24	Cống thoát nước liên phường Hà Trung, Hồng Hà, thành phố Hà Long		-	108					108
25	Xây dựng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại xã Hòa Bình	3712/QĐ-UBND ngày 09/12/2023	123.923	1.000					1.000
26	Đường nối Khu công nghiệp Cải Lân qua Khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hà Long - Văn Đồn	4622/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	168.650	95.900					95.900
27	Cải tạo tuyến đường giao thông, cống thoát nước và tuyến kẻ phòng hộ khu dân cư tại tổ 5, 6, khu 5, phường Hà Lâm	73/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; 3730/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.793	11.508					11.508
	Các dự án đã phê duyệt quyết toán xây lắp + tư vấn, đã trình thẩm tra chi phí GPMB đã chi trả toàn dự án								
28	HTKT Nhóm nhà ở phía Đông Nam nhà văn hóa khu 6, phường Cao Xanh	7084/QĐ-UBND ngày 13/01/2018	12.389	12.130					12.130
29	HTKT khu điều chỉnh cục bộ Lô đất N8 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị Bãi Muối tại phường Cao Thắng	6673/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	17.549	9.294					9.294
30	HTKT khu tự xây và khu tái định cư tại khu 7, khu 8, phường Hà Khẩu	808/QĐ-UBND ngày 25/03/2009	20.918	973					973

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
31	Cải tạo, chỉnh trang trục đường EG phường Hùng Thắng	9170/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	122.201	79.080					79.080
32	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật quy hoạch khu dân cư, tái định cư tại xã Đồng Sơn và hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ	2942/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	1.609	1.600					1.600
33	Nâng cấp, mở rộng đường Hậu Cẩn	4027/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	133.568	928					928
34	Trường tiểu học và THCS Bãi Cháy tại phường Bãi Cháy	9330/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	81.569	298					298
35	Xây dựng nhà học 06 lớp, trường TH&THCS Núi Mẩn	4124/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	6.169	5.761					5.761
36	Xây dựng cây xanh, bãi đỗ xe tại khu vực trước Công an tỉnh tại phường Hồng Hà	15339/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	13.188	133.394					133.394
37	Cải tạo đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu dân cư tổ 6, khu 9B, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	7737/QĐ-UBND ngày 18/9/2019	12.389	975					975
38	Tuyến công tiểu thoát nước Khu 3 (phải tuyến) phường Tuấn Châu	9366/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.331	88					88
	Đang trình quyết toán toàn dự án		-						
39	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - Vũ Oai, thành phố Hạ Long	649/QĐ-UBND ngày 19/1/2024	2.136	2.200					2.200
40	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại khu vực Đồng Giốc, thuộc khu 1, phường Hà Khẩu		-	116.100					116.100
41	Đường đầu nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long	15330/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 3848/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	321.886	315.323	100.000				215.323
42	Hoàn thiện HTKT khu tái định cư G1 thuộc Quy hoạch khu đô thị Lán Bè cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	3642/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	7.936	9.500					9.500
43	Trường THCS và THPT Quảng La tại xã Quảng La, thành phố Hạ Long	4035/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	197.590	183.600	171.000				12.600
44	Xây dựng trụ sở công an xã Vũ Oai tại xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long	1377/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	10.542	11.000					11.000
45	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy trường Tiểu học Quang Trung, phường Hồng Hải	2616/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.401	4.400					4.400
46	HTKT Khu tái định cư phường Hà Phong thuộc Quy hoạch chi tiết Khu nghỉ dưỡng kết hợp thương mại dịch vụ và nhà ở tại phường Hà Phong		-	27.410					27.410
47	Hạ tầng điểm dân cư, tái định cư tại thôn Đồng Sang, xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long (giai đoạn 2)	15332/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 2922/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	14.950	16.600					16.600
48	Xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Khe Mực, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	3707/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; 13212/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	13.994	15.000					15.000
49	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Hoà Bình (điểm trường Trung tâm, điểm trường Thác Cát), xã Hoà Bình, thành phố Hạ Long	3780/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	8.846	12.600					12.600
50	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở Thành ủy, trụ sở HĐND và UBND thành phố Hạ Long	2881/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	6.021	8.000					8.000
51	Xây dựng bổ sung phòng học bộ môn, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hòa Bình, xã Hòa Bình, thành phố Hạ Long	2870/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	5.471	6.300					6.300
	Đang trình Quyết toán xây lắp+ tư vấn + chi phí GPMB đã chi trả (Dư GPMB)		-						
52	Trường THPT Ngô Quyền tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long	1532/QĐ-UBND ngày 14/6/2022; 1532/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	147.699	207.700	200.000				7.700
53	Xây dựng cầu thay thế tràn qua suối thôn Đắt đỏ, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	3618/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 12313/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.722	16.700					16.700
54	Xây dựng đường liên khu vực và một phần đường chính khu vực thuộc tiểu khu 13.2 tại thôn An Biền, xã Lê Lợi - Giai đoạn I	2908/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	55.400	55.400					55.400
	Các dự án đã phê duyệt chi phí xây lắp + chi khác+ chi phí GPMB đã chi trả, còn dư tạm ứng phần dân chưa nhận đã gửi tài khoản ngân hàng theo Luật Đất đai năm 2024, sẽ thực hiện quyết toán nhưng chưa tất toán được tài khoản		-						
55	Cải tạo, chỉnh trang đường Hải Quân (Quốc lộ 18A cũ) đoạn từ vườn hoa chéo đến ngã 3 Hải Quân và đường Phố Cảng	7190/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2020	171.693	2.680					2.680
56	Đầu tư xây dựng tuyến công thoát nước phía hạ lưu cửa xả A sân golf tại ngõ 13, khu 5 phường Hồng Hải	2431/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	13.309	248					248
57	Đầu tư xây dựng tuyến công thoát nước phía hạ lưu cửa xả sân golf tại ngõ 19, khu 7B phường Hồng Hải	6213/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	24.899	3.119					3.119
58	Đầu tư xây dựng mở rộng Trường THPT Hòn Gai, phường Hồng Hải	15309/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 5287/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	250.812	146.101	100.000				46.101
59	Đầu nối hẻm đường từ đường gom Nguyễn Văn Cừ với đường giáp trường đại học Hạ Long cơ sở 2 (khu 2A phường Hồng Hải)	9350/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	45.240	31.972					31.972
60	GPMB tạo cảnh quan phục vụ năm du lịch Quốc gia 2018 tuyến đường Hạ Long khu vực từ khách sạn Hoàng Gia đến cây xăng Bãi Cháy, phường Bãi Cháy	167/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 2494/QĐ-UBND ngày 24/4/2019	322.408	4.053					4.053
61	Đường đầu nối Quốc lộ 279 với Đường tỉnh 342 qua trung tâm xã Đồng Lâm, huyện Hoành Bồ	4489/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	110.473	27.700					27.700
62	Xây dựng bổ sung phòng học bộ môn và các phòng chức năng hiệu bộ Trường TH&THCS Vũ Oai	85/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	25.364	26.160					26.160
63	Cải tạo chỉnh trang đồng bộ tuyến đường tỉnh lộ 336 (GD2)	2858/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	207.270	1.570					1.570

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
64	Chính trang hệ thống HTKT và cảnh quan khu vực hồ điều hòa Ao Cá - Kênh Đồng tại phường Hùng Thắng và phường Bãi Cháy	2778/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	246.653	1.523					1.523
65	Mở rộng và nâng cấp nút giao thông Lương Toòng (giai đoạn 2)	4023/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	183.773	524					524
66	Cải tạo, chỉnh trang đường Nguyễn Văn Chi	4039/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	911.667	24.195					24.195
67	Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường HQV với đường 18A đến cầu Bãi Cháy	9248/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 3567/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	917.899	53.531					53.531
68	Cải tạo chỉnh trang đường Vũ Văn Hiếu (đoạn từ Cầu Trắng đến Đèo Bụt)	9242/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	310.000	9.943					9.943
69	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường lên nghĩa trang Gốc Khế, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long	7082/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.263	248					248
70	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Thành ủy - HĐND - UBND, trung tâm tổ chức hội nghị và xây dựng Trụ sở liên cơ quan TP Hạ Long	7121/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1378/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	98.985	83.700					83.700
71	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long		-	4.341					4.341
72	Trụ sở công an xã Tân Dân	15363/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	9.827	11.000					11.000
73	Đường dọc nương thoát nước từ cầu nước mặn (phường Hà Lâm) đến cầu trắng K67 (phường Hà Khánh). GĐ2: đoạn từ khu đô thị Cenco5 đến cầu nước mặn	4034/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 5653/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	110.153	42.550					42.550
74	Mở rộng quốc lộ 18 từ nút giao đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn đến đầu đường Hoàng Quốc Việt	4040/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	781.798	28.292					28.292
75	Tuyến đường kết nối từ điểm đầu cầu Cửa Lục 1 đến ngã ba Kênh Đồng, phường Giếng Đáy	15362/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	408.040	270.000	180.000				90.000
76	Xây dựng kè chống sạt lở Sông Trời	4377/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 76/QĐ-UBND ngày 06/01/2021	70.000	16.732					16.732
77	HTKT lô đất A1. A2 thuộc Quy hoạch điều chỉnh KTX đối UBND phường Bãi Cháy TP.Hạ Long	9300/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	66.035	14.027					14.027
78	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 279 đoạn từ Km27+100 đến Km30+300 (ngã tư Việt Hưng đến cầu vượt cao tốc Hạ Long-Vân Đồn)	4487/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	127.474	38.000					38.000
79	Đường đầu nối Tỉnh lộ 326 với Quốc lộ 279, đoạn qua Cụm công nghiệp Hoành Bồ và trung tâm xã Thống Nhất	4488/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	74.376	18.695					18.695
80	Cải tạo Tỉnh lộ 336 (Giai đoạn 1)	Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; số 2707/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	152.369						
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán	0	1.639.542	650.596	159.000	0	0	0	491.596
1	Cải tạo, chỉnh trang đường Ba Lan (đoạn từ chợ Ba Lan đến công nhà máy đóng tàu Ba Lan)	9172/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	68.398	58.970					58.970
2	Đường nối từ đường tỉnh 326 đến khu dân cư đô thị Bắc Sông Trời, huyện Hoành Bồ	3686 ngày 30/10/2019; 8197 ngày 14/8/2020; 10404 ngày 11/11/2021; 3694 ngày 08/12/2023	155.996	138.600					138.600
3	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng khu dân cư hiện trạng phía nam đường Tô Hiến Thành (khu vực phía trước trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND - UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long)	2887/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	26.426	27.500					27.500
4	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng, khắc phục ô nhiễm môi trường đường Trần Quốc Nghiễn (đoạn từ cầu Bãi Thờ đến điểm đầu nối đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả)	7112/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 679/QĐ-UBND ngày 11/02/2020; 3149/QĐ-UBND ngày 13/04/2021	1.345.092	410.774	159.000				251.774
5	Tạo trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự Thành phố tại Khu 7 phường Việt Hưng (GĐ1)	9298/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	24.900	6.100					6.100
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Đông Nam Quảng trường ga Hạ Long, tại phường Giếng Đáy	426/QĐ-UBND Tỉnh ngày 05/02/2010; 8718/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	18.730	8.652					8.652
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		11.773.089	7.436.341	1.868.000				5.568.341
I	Dự án dự kiến hoàn thành, quyết toán trước 30/6/2025		4.005.819	2.767.523	460.000				2.307.523
1	HTKT khu tái định cư, khu dân cư tự xây thuộc khu địa giới 4 khu đô thị dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng	9114/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.095	9.585					9.585
2	Cải tạo chỉnh trang kiến trúc cảnh quan hiện trạng khu dân cư khu Trới 5, phường Hoành Bồ	2926/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	7.498	7.400					7.400
3	Ô chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh trên địa bàn thành phố Hạ Long tại xã Hòa Bình	10305/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	27.075	27.000					27.000
4	Cải tạo, mở rộng nút giao thông Lương Toòng và tuyến đường Trần Hưng Đạo	4023/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	503.630	9.313					9.313
5	Cải tạo, chỉnh trang đường Giếng Đáy (đoạn từ bưu điện Kênh Đồng đến ngã ba rẽ vào nhà máy đóng tàu Ba Lan)	7047/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	83.498	21.707					21.707
6	Cải tạo, chỉnh trang Quốc lộ 279 (đoạn ngã tư Ao Cá đến ngã ba đường mới rẽ vào Hoành Bồ)	7038/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 11035/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	323.378	101.725					101.725
7	Cải tạo, chỉnh trang đường Lê Lợi phường Yết Kiêu (Tỉnh lộ 336 cũ) đoạn từ ngã 3 Lê Lợi đến khu Bến phà cũ	9109/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; 3184/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	114.302	78.200					78.200
8	Xây dựng vỉa hè dành cho người đi bộ từ ngã 3 Hai Quán, công ty xăng dầu B12 và trục đường Đặng Bá Hát lên cầu Bãi Cháy	9171/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 3775/QĐ-UBND ngày 06/10/2022; 3218/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; 3734/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	180.470	105.775					105.775

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
9	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Xóm Láng, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long	15303/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	27.679	27.600					27.600
10	Cải tạo hạ tầng, khắc phục ngập lụt tại thôn Đa Tráng, xã Thống Nhất	5595/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	58.271	58.200					58.200
11	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã đoạn đường từ Mỏ Đồng, xã Sơn Dương đến trung tâm xã Đồng Sơn	11712/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	374.929	374.900					374.900
12	Xây dựng bổ sung nhà học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Dân, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	1270/QĐ-QLDA ngày 21/8/2024	23.829	27.600					27.600
13	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Sơn Dương (điểm trường Trung tâm), xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	987/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	24.400	28.700					28.700
14	Hạ tầng kỹ thuật dân cư, tái định cư tại khu 5, phường Giếng Đầy, thành phố Hạ Long	15337/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	65.130	65.100					65.100
15	Xây mới trường trung học cơ sở Trọng điểm tại khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	3815/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	159.612	184.200					184.200
16	Tuyến đường An Tiêm qua khu công nghiệp Việt Hưng đến ngã tư Vạn Yên, thành phố Hạ Long	3100/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	236.400	236.400	60.000				176.400
17	Đường trục vào xóm Đèo Thống, xã Đồng Lâm	4761/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	9.211	10.760					10.760
18	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long	3690/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	25.106	28.500					28.500
19	Hạ tầng kỹ thuật điểm tái định cư tại thôn Đồng Quảng, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	1344/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	3.186	3.500					3.500
20	Hạ tầng kỹ thuật điểm tái định cư tại thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	1342/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	881	1.200					1.200
21	Cải tạo các tuyến đường xương cá tại cột 3, cột 5, cột 8 phường Hồng Hải, Hồng Hà và Khu vực Cải Dâm, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	2744/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	162.289	162.290					162.290
22	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Quảng La (03 điểm trường: Trung tâm, Tổng hợp, Xóm mới), xã Quảng La, thành phố Hạ Long	3793/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	14.357	14.800					14.800
23	Đường trục thôn nối tiếp vào Đôn Hang, thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm	1525/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	6.074	7.400					7.400
24	Khu dân cư, tái định cư và nhà ở tập thể tại khu 3, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long	9174/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	43.593	41.400					41.400
25	HTKT khắc phục xử lý ngập úng khu vực, khu 7, phường Cao Thắng và khu 5 phường Hà Lâm	4405/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 3702/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	111.553	74.497					74.497
26	Tuyến đường đi qua khu vực các ô đất từ ô số 40 đến số 63 thuộc quy hoạch khu tự xây Đất Đền, cột 5, phường Hồng Hà	4094/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	29.965	33.000					33.000
27	Xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cao Thắng	651/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	34.879	35.000					35.000
28	HTKT khu tái định cư tại khu 2, phường Hoàng Bồ	11718/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	58.094	61.850					61.850
29	Mở rộng khuôn viên, xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Bàng Cỏ, xã Bàng Cỏ, thành phố Hạ Long	3792/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	13.844	14.200					14.200
30	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Bàng Cỏ, thành phố Hạ Long	3989/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	14.986	15.000					15.000
31	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long	3797/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.351	5.600					5.600
32	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long	3988/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	14.200	14.200					14.200
33	Hạ tầng kỹ thuật tạo cảnh quan trên mặt tuyến đường tại phố Hải Lộc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	3983/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	6.609	9.100					9.100
34	Hạ tầng kỹ thuật tạo cảnh quan trên mặt tuyến đường tại phố Hải Thịnh, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	3984/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	4.897	8.600					8.600
35	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3971/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	6.048	6.300					6.300
36	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Cao Thắng, thành phố Hạ Long	3796/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	3.666	6.600					6.600
37	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Hà Lâm, thành phố Hạ Long	3803/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.224	5.300					5.300
38	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học và THCS Hà Trung (cơ sở 1), thành phố Hạ Long	3782/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.455	5.000					5.000
39	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học và THCS Hà Trung (cơ sở 2), thành phố Hạ Long	3783/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.612	5.300					5.300
40	Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Đề E, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long	11282/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	6.523	7.200					7.200
41	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Đồng Giữa, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3968/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	10.925	11.000					11.000
42	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đồng Vang, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3969/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	5.882	6.200					6.200
43	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cây Thi, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3966/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	7.557	7.600					7.600
44	Xây mới điểm trường Mầm non thôn Đồng Vang, xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3970/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	11.377	11.400					11.400
45	Xây dựng 03 nhà vệ sinh công cộng tại các khu đất dịch vụ bãi biển thuộc phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	3774/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	14.766	16.500					16.500

TT	Đánh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
46	Hạ tầng kỹ thuật tạo cảnh quan trên mặt tuyến đường tại phố Hải Hà, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	3985/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	6.011	11.000					11.000
47	Hạ tầng điện lực ven cư khu vực điểm trường tiểu học Đá Trắng, thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ (Giai đoạn 2)	15325/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	31.140	680					680
48	Hạ tầng điện lực ven cư khu vực Điểm trường tiểu học Đá Trắng, thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ (Giai đoạn 1)	15303/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	27.679	2.957					2.957
49	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Mè, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	11711/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	812.719	646.000	400.000				246.000
50	Bảo quản, tu bổ đối với di tích Ao cá Bắc Hồ thuộc di tích lịch sử khu lưu niệm Bác Hồ trên đảo Tuần Châu, thành phố Hạ Long	1877/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	31.085	31.600					31.600
51	Cải tạo, nâng cấp hệ điều hòa đập ống Đò và hệ thống đường, cống thoát nước tổ 1, khu Yên Cư, phường Đại Yên	1630/QĐ-UBND ngày 3/6/2023	13.000	14.900					14.900
52	Trụ sở Công an xã Sơn Dương	5031/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	10.912	1.702					1.702
53	Trụ sở Công an xã Lê Lợi	5030/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	10.645	2.445					2.445
54	Trụ sở công an xã Bằng Cà, xã Bằng Cà, thành phố Hạ Long	1789/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	12.604	605					605
55	HTKT khu tái định cư các dự án phía Tây thành phố Hạ Long tại phường Đại Yên	1414/QĐ-UBND Tỉnh ngày 18/5/2010	77.822	5.925					5.925
56	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Tiểu học & THCS Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long	1748/QĐ-UBND ngày 05/3/2025	3.300	3.300					3.300
Các dự án đang thực hiện chi trả theo giá thuế hàng năm PPP									
57	Dự án trường Mầm non xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ đạt chuẩn quốc gia (Dự án PPP)		33.482	17.410					17.410
58	Dự án trường Tiểu học xã Quảng La, huyện Hoành Bồ đạt chuẩn QG (Dự án PPP)		35.506	20.697					20.697
59	Dự án trường mầm non thị trấn Trới (giai đoạn 2) đạt chuẩn Quốc gia (Dự án PPP)		37.608	15.600					15.600
II	Dự án đang thi công; dự án đã đấu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025	0	7.150.335	3.957.317	1.408.000	0	0	0	2.549.317
Các dự án đang thực hiện									
1	Tuyến đường Dọc Mương, bên trái tuyến từ cầu K67 phường Hà Khánh qua cầu Nước mặn đến đường 336 phường Hà Lâm	11710/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; 12609/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	436.536	410.100					410.100
2	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương	634/QĐ-UBND ngày 14/3/2023; 3124/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	901.639	902.000	516.000				386.000
3	Quảng trường, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật kết nối khu văn hóa Núi Bài Thơ tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	3250/QĐ-UBND ngày 3/11/2023; 12655/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	211.957	213.100					213.100
4	Công viên cây xanh từ khu vực Đền Đức ông Trần Quốc Nghiễn đến cầu Bài Thơ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	669/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; 3748/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	237.281	238.200					238.200
5	Tuyến đường nối Quốc lộ 18A, phường Hồng Hải (đoạn đường Bãi Thị Xuân) với tỉnh lộ 336, phường Hà Lâm và quỹ đất xen kẽ hai bên đường	11709/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	598.686	468.887					468.887
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại quỹ đất liền kề với khu đô thị tại các phường Cao Thắng, Hà Khánh với Hà Lâm, thành phố Hạ Long	648/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	62.825	60.700					60.700
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Bệnh viện đa khoa Tỉnh và các cơ sở y tế - giáo dục chất lượng cao tại khu vực Nam Cầu Trắng, phường Hồng Hải và phường Hà Tu, thành phố Hạ Long	3162/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	840.068	892.000	892.000				-
8	Xây dựng đường liên khu vực, đường chính khu vực thuộc tiểu khu 13.2 tại thôn An Biên, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long (giai đoạn 2) và đường giao thông xung quanh Đền thờ Vua Lê, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long	2886/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	140.182	140.200					140.200
9	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại các xã Sơn Dương, Đồng Lâm, Vũ Oai và Hoà Bình, thành phố Hạ Long	3794/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	82.566	82.600					82.600
10	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại các xã Dân Chủ, Quảng La, Bằng Cà và Tân Dân, thành phố Hạ Long	3794/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	91.600	91.600					91.600
11	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; 131/QĐ-UBND ngày 18/01/2018; 4904/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.193.732	85.000					85.000
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại các lô nhà ở liền kề thuộc khu trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long	3101/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	38.979	45.830					45.830
13	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Hoà Bình, thành phố Hạ Long	4044/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	14.403	17.300					17.300
14	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Đồng Lâm, xã Đồng Lâm	11279/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	13.217	14.100					14.100
15	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường khu vực cột 3, cột 5, cột 8, phường Hồng Hải, Hồng Hải, thành phố Hạ Long - Giai đoạn 3	7801/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	162.434	162.000					162.000
16	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	1950/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	16.882	24.300					24.300
17	Xây dựng bổ sung phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Tân Dân, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	3972/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	13.570	13.600					13.600
18	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long	4185/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	20.199	20.200					20.200

TT	 Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
19	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Dân Chủ, thành phố Hạ Long	4193/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	21.356	21.400					21.400
20	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung tại xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long	4191/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	30.317	30.300					30.300
21	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung tại xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	1967/QĐ-QLDA ngày 22/11/2024	21.906	23.900					23.900
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đầu thầu xây lắp trước 30/6/2025		28.700	28.400					28.400
1	Xây mới trường mầm non xã Lê Lợi - Điểm trường mầm non thôn Đê E, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long	2415/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	17.900	17.900					17.900
2	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu vực chân núi Bãi Thờ (đoạn qua cầu Bãi Thờ) tại tổ 4, khu 1, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long	406/QĐ-UBND ngày 20/1/2025	3.500	3.500					3.500
3	Cải tạo, sửa chữa Khu bảo tồn văn hoá người Dao Thanh Y, xã Bằng Cà, thành phố Hạ Long	2158/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	7.300	7.000					7.000
IV	Dự án đang thực hiện công tác CBĐT, tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đầu thầu xây lắp và thi công sau 30/6/2025		588.235	683.100					683.100
1	Xây mới Trường THPT Vũ Văn Hiếu tại phường Hà Phong, thành phố Hạ Long	3414/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	146.038	150.400					150.400
2	Hạ tầng, cảnh quan xung quanh đền vua lê thái tổ, xã lê lợi, thành phố hạ long	4190/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	192.700	192.700					192.700
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long	2894/QĐ-UBND ngày 18/03/2024	59.998	60.000					60.000
4	Hạ tầng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư phía bên trái tuyến đường Quốc lộ 18A lên Trung tâm hội nghị FLC thuộc khu 7A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	2893/QĐ-UBND ngày 18/03/2024	66.011	86.200					86.200
5	Đầu tư cải tạo hạ tầng khu vực trung tâm xã Vũ Oai, thành phố Hạ Long - Giai đoạn 2	4195/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	66.300	66.300					66.300
6	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Văn Phong, phường Hoàng Bồ	2743/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	57.188	58.200					58.200
7	Xây dựng mới Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Kỳ Thượng, tại xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	175/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	-	28.300					28.300
8	Xây dựng nhà đa năng Trường Tiểu học & THCS Núi Mần, xã Thông Nhắt, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	6.000					6.000
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Đất Đò (đoạn từ đường Đồng Cao - Đò Bang đến Trường THPT Thông Nhắt), xã Thông Nhắt, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	20.000					20.000
10	Tuyến đường vào khu di tích cấp tỉnh Đền Cù Vũ Phi Hồ, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	15.000					15.000
11	Tuyến đường phía Tây các lô đất trụ sở cơ quan (ký hiệu HC-A3.1, HC-A3.2, HC-A3.3) thuộc tiểu khu A3, Quy hoạch phân khu 6, phường Hùng Thắng	Quyết định số 3426/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	30.628	21.000					21.000
12	Cải tạo, nâng cấp công trình tượng đài anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, liệt sĩ Vũ Văn Hiếu, Bí thư đặc khu ủy đầu tiên khu mỏ Quảng Ninh	Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	29.800	20.561					20.561
13	Tuyến đường kết nối từ Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt đến Nhà văn hóa Khu 5 phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long	Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	85.000	46.500					46.500
14	Hạ tầng cảnh quan quỹ đất xen kẽ tại Phường Việt Hưng, Thành phố Hạ Long	Quyết định số 4461/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	11.300	11.200					11.200
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện			189.680					189.680
1	Xây dựng mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Lâm tại xã Đồng Lâm	105/NQ-HĐND ngày 23/3/2023	-	24.300					24.300
2	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường THCS Hồng Hải, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	3.300					3.300
3	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	4.700					4.700
4	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Tiểu học Bãi Cháy, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	5.000					5.000
5	Xây dựng nhà hiệu bộ, bổ sung phòng học bộ môn Trường THCS Trới, phường Hoàng Bồ, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	20.000					20.000
6	Xây dựng bổ sung phòng ở nội trú, sân thể dục thể thao Trường Tiểu học & THCS Kỳ Thượng, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	12.000					12.000
7	Trung tâm văn hoá thể thao xã Quảng La kết hợp Nhà văn hóa thôn 5, xã Quảng La, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	15.000					15.000
8	Tuyến đường nối chợ Hạ Long I đến chân cầu Bãi Thờ, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	45.000					45.000
9	Cải tạo, chỉnh trang tạo điểm nhấn phát triển du lịch khu vực hai bên tuyến đường lên đồi Đặng Bá Hát thuộc phường Hồng Gai và phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long	160/NQ-HĐND ngày 26/3/2024	-	50.000					50.000
10	San nền, tạo mặt bằng xây dựng công viên Vũ Phi Hồ, xã Lê Lợi	207/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	-	480					480
11	Tuyến đường từ đường Cái Lân đầu nối với tuyến đường vào Trại địa dự bị, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (giai đoạn 1)	175/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	-	9.900					9.900
	Vốn chuẩn bị đầu tư chưa phân bổ								
D	Các dự án thực hiện NQ số 21-NQ/TU		910.060	822.093					822.093
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 5, 6 khu 7, phường Việt Hưng	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 28/11/2022 của HĐND phường Việt Hưng	5.897	5.890					5.890

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ 1, khu 6 nội từ cầu Bút Xa đến công an gần mặt phường Việt Hưng	NQ 38/NQ-HĐND ngày 05/5/2023 của HĐND phường	13.110	13.110					13.110
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa khu phố 4, phường Việt Hưng	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	1.010	1.000					1.000
4	Cải tạo trường tiểu học Việt Hưng - điểm trường Cái póm để sử dụng làm nhà văn hóa khu phố 8, phường Việt Hưng	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	562	560					560
5	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Việt Hưng	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	7.805	7.800					7.800
6	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 5 và khu vui chơi cho thanh thiếu niên phường Việt Hưng	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	7.596	7.590					7.590
7	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 6, phường Việt Hưng	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	8.176	8.170					8.170
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ hẻm chui Cao tốc đến đường Kho Gạo tại tổ 4, khu 6, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long	NQ số 64/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của HĐND phường	1.843	1.800					1.800
9	Cải tạo nâng cấp tuyến đường phố Dã Tượng, phường Yết Kiêu	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND phường Yết Kiêu	6.174	6.170					6.170
10	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến đường tổ 1 khu 4, tổ 1 khu 5, phường Yết Kiêu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Yết Kiêu	2.100	2.100					2.100
11	Cải tạo chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật Khu tự xây Ao Cá khu 4 phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Yết Kiêu	13.799	13.790					13.790
12	Nhà văn hóa khu 2, phường Yết Kiêu	NQ số 62/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 của UBND phường	8.700	8.700					8.700
13	Cải tạo, nâng cấp ngõ 14 đường Cao Thắng, phường Cao Thắng	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Cao Thắng	8.674	8.670					8.670
14	Mở rộng tuyến đường giáp phía Nam lô đất 12 theo Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang khu dân cư khu 1, phường Cao Thắng	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Cao Thắng	9.400	9.400					9.400
15	Cải tạo, nâng cấp ngõ 13 đường Cao Thắng, phường Cao Thắng	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Cao Thắng	1.994	1.990					1.990
16	Xây dựng kè chống sạt lở tổ 43, khu 4, phường Cao Thắng	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Cao Thắng	482	480					480
17	Cải tạo, nâng cấp ngõ 15 đường Bãi Muối thuộc tổ 76, khu 9, phường Cao Thắng	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Cao Thắng	1.500	1.500					1.500
18	Cải tạo, nâng cấp ngõ 01 ngõ 13 đường Cao Thắng, phường Cao Thắng	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND phường Cao Thắng	2.887	2.880					2.880
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 19A, 19B khu 3, phường Hà Khánh	NQ số 40/NQ-HĐND ngày 05/12/2022 của HĐND phường Hà Khánh	5.248	5.240					5.240
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Tinh lộ 337 đến công an nghĩa trang Đèo Sen, phường Hà Khánh	NQ 52/NQ-HĐND ngày 16/5/2023 của HĐND phường	6.700	6.700					6.700
21	Nhà văn hóa khu 1, phường Hà Khánh	NQ số 78/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của UBND phường	6.119	6.110					6.110
22	Cải tạo, chỉnh trang đường, vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến phố khu vực các lô A5, B16, B17 thuộc QHCT Khu đô thị lần bê cốt 8 và các lô F, G thuộc QHCT Khu dân cư sau đường bao biển cốt 8, phường Hồng Hà	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 16/11/2022 của HĐND phường Hồng Hà	8.350	8.350					8.350
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 7 khu 6 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	NQ số 10/NQ-HĐND ngày 14/3/2023 của HĐND phường	5.280	5.280					5.280
24	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa khu 8, phường Hồng Hà	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND phường	910	910					910
25	Cải tạo tuyến đường dân sinh khu nhà thanh lý Ban dân tộc (sau nhà trẻ Hoa Hồng) tại khu 7, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 09/12/2023	1.140	1.140					1.140
26	Cải tạo tuyến đường tổ 23, 24 đền nhà trẻ Hoa Hồng, khu 3, phường Hà Khẩu	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Khẩu	6.877	6.870					6.870

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 51, khu 3, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	4.245	4.240					4.240
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tổ 52 sang tổ 53, khu 5, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	6.909	6.900					6.900
29	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 68, khu 7, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	4.559	4.550					4.550
30	Nhà văn hóa khu 2, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	6.892	6.890					6.890
31	Nhà văn hóa khu 3, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	6.972	6.970					6.970
32	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	10.479	10.470					10.470
33	Nhà văn hóa khu 6, phường Hà Khẩu	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 04/3/2024 của HĐND phường Hà Khẩu	6.651	6.650					6.650
34	Cải tạo tuyến đường từ Tiểu đoàn 184 đến tổ 5, khu 1, phường Hà Khẩu	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND phường	3.700	3.700					3.700
35	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết hợp cống thoát nước tổ 12, khu 2 ra đường Tỉnh lộ 336, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	6.013	6.010					6.010
36	Cải tạo, mở rộng tuyến đường tổ 25, khu 3, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	6.509	6.500					6.500
37	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ tỉnh lộ 336 đến các tổ 5, 6, 7, 8, khu 1, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	13.031	13.030					13.030
38	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ tổ 45, khu 4 sang tổ 32, khu 3 (đường liên khu 3, 4), phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	9.787	9.780					9.780
39	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ TL 336 đến tổ 53, khu 5, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	3.270	3.270					3.270
40	Nâng cấp tuyến đường kết hợp tuyến cống thoát nước tổ 9, khu 1, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	2.449	2.440					2.440
41	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết hợp cống thoát nước tổ 50, 51, khu 5, phường Hà Trung	NQ số 36/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	2.875	2.870					2.870
42	Nhà văn hóa khu 4, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long	NQ số 37/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	7.410	7.410					7.410
43	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long	NQ số 37/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hà Trung	8.430	8.430					8.430
44	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dân cư khu 4, phường Trần Hưng Đạo	NQ số 24/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Trần Hưng Đạo	13.000	10.460					10.460
45	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Trần Nguyên Hân tại tổ 1, 2, 4, 5, 6 khu 3, phường Trần Hưng Đạo	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Trần Hưng Đạo; Bổ sung đo điều chỉnh chủ trương đầu tư tại NQ số 32/NQ-HĐND ngày 25/5/2023	8.400	9.400					9.400
46	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 6, khu 4, phường Trần Hưng Đạo	NQ số 50/NQ-HĐND ngày 19/3/2024 của UBND phường	3.000	3.000					3.000
47	Cải tạo, mở rộng tuyến đường, vỉa hè nhánh đầu nối phố Hoàng Diệu với đường Phan Đăng Lưu (ngõ 1), phường Hồng Hải	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hồng Hải	250	250					250
48	Cải tạo, mở rộng tuyến đường, vỉa hè nhánh đầu nối phố Hoàng Diệu với đường Phan Đăng Lưu (ngõ 2), phường Hồng Hải	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hồng Hải	590	590					590

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
49	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông xung quanh hồ Hải Thịnh, phường Hồng Hải	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hồng Hải	10.800	10.800					10.800
50	Cải tạo, nâng cấp tuyến ngõ 21, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường Hồng Hải	5.300	5.300					5.300
51	Cải tạo tuyến đường khu 6A, 6B, 6C, phường Hồng Hải	NQ 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường; Bổ sung do điều chỉnh chủ trương đầu tư tại NQ số 50/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND phường	8.300	8.300					8.300
52	Cải tạo, nâng cấp tuyến ngõ 4 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 25/11/2022 của HĐND phường	1.200	1.200					1.200
53	Nhà văn hóa khu 7B, phường Hồng Hải	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Hồng Hải	5.900	5.900					5.900
54	Sửa chữa nhà văn hóa khu 9+10, phường Hồng Hải	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 03/4/2024 của UBND phường	370	370					370
55	Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm phường Hồng Hải	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 03/4/2024 của UBND phường	390	390					390
56	Nhà văn hóa khu 10, phường Hồng Hải	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 21/6/2024 của UBND phường	5.900	5.900					5.900
57	Cải tạo tuyến đường liên tổ 2, 4, 6 khu 9, phường Hồng Hải	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 3/4/2024 của HĐND phường	7.500	7.500					7.500
58	Cải tạo tuyến đường liên tổ 1A, 1B, 2 và 3 khu 9, phường Hồng Hải	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 3/4/2024 của HĐND phường	6.700	6.700					6.700
59	Cải tạo, nâng cấp đường liên khu 4A, 4B, phường Hà Phong	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND phường Hà Phong	7.433	7.430					7.430
60	Cải tạo nút giao thông Cầu Gỗ - Tân Lập và đoạn qua trụ sở Công an phường Hà Phong, tại phường Hà Phong	NQ 28/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND phường	14.939	14.930					14.930
61	Nhà văn hóa khu 6B, phường Hà Phong	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 25/4/2024 của UBND phường	8.431	8.430					8.430
62	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Phong	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 26/6/2024 của UBND phường	7.929	7.920					7.920
63	Đường ven suối Lộ Phong, tổ 8A, 9A, khu 1, phường Hà Phong	NQ số 55/NQ-HĐND ngày 24/5/2024 của HĐND phường	8.654	8.600					8.600
64	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông khu vực đồi cao văn hóa khu 3, phường Hà Lâm	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 05/12/2022 của HĐND phường Hà Lâm	6.465	6.460					6.460
65	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 4,5,6,7 khu 5, phường Hà Lâm	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 05/12/2022 của HĐND phường Hà Lâm	4.950	4.950					4.950
66	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông tổ 1, khu Cầu Trắng, phường Đại Yên	NQ số 39/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND phường Đại Yên	3.000	3.000					3.000
67	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông từ nhà văn hóa đến tổ 2, khu Minh Khai, phường Đại Yên	NQ số 39/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND phường Đại Yên	5.000	5.000					5.000
68	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông liên khu Yên Cư - Quỳnh Trung (Tuyến đường lên trường Tiểu học, THCS Đại Yên) phường Đại Yên	NQ số 68/NQ-HĐND ngày 12/3/2024 của HĐND phường	7.500	7.500					7.500
69	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống HTKT khu dân cư thuộc tổ 79, 82, 83, 85 khu 5 Bạch Đằng	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND phường Bạch Đằng	10.920	10.920					10.920
70	Cải tạo hệ thống thoát nước chống ngập úng và nâng cấp các tuyến đường cạnh chợ Hạ Long 1 (tại các tuyến Truyền Đăng, tuyến Trần Quốc Toàn, tuyến Vạn Xuân), khu 6, phường Bạch Đằng	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND phường Bạch Đằng	9.050	9.050					9.050
71	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa khu phố 1,2,3,4,5,6 và 6, phường Bạch Đằng	NQ số 60/NQ-HĐND ngày 30/11/2023 của UBND phường	4.219	4.210					4.210
72	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên khu từ tổ 48A, khu 3 sang tổ 39B, 43 khu 4A phường Cao Xanh	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND phường Cao Xanh	8.374	8.370					8.370

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
73	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường dân sinh thuộc tổ 69A, tổ 69C, tổ 71, khu 6, phường Cao Xanh	NQ số 06/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND phường Cao Xanh	5.746	5.740					5.740
74	Xây dựng nhà văn hóa khu 9, phường Cao Xanh	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	6.089	6.080					6.080
75	Xây dựng nhà văn hóa khu 2B, phường Cao Xanh	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	8.400	8.400					8.400
76	Xây dựng nhà văn hóa khu 1, phường Cao Xanh	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	9.675	9.670					9.670
77	Xây dựng nhà văn hóa khu 7, phường Cao Xanh	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 của UBND phường	8.094	8.090					8.090
78	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ba Đèo tại khu phố 2, phường Hồng Gai	NQ số 146/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND phường Hồng Gai	11.274	11.270					11.270
79	Nhà văn hóa khu phố 1, phường Hồng Gai	NQ 176/NQ-HĐND ngày 09/6/2023	7.050	7.050					7.050
80	Nhà văn hóa khu phố 1, phường Hồng Gai	NQ 176/NQ-HĐND ngày 09/6/2023	7.050	7.050					7.050
81	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị đoạn chợ Trời - đường Tây cầu Trời, phường Hoành Bồ	NQ số 52/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND phường Hoành Bồ	1.422	1.420					1.420
82	Nhà văn hóa khu Trời 1, phường Hoành Bồ	NQ số 75/NQ-HĐND ngày 08/3/2024 của HĐND phường Hoành Bồ	7.033	7.030					7.030
83	Nhà văn hóa khu Trời 8, phường Hoành Bồ	NQ số 75/NQ-HĐND ngày 08/3/2024 của HĐND phường Hoành Bồ	8.755	8.750					8.750
84	Nhà văn hóa khu Trời 2, phường Hoành Bồ	NQ số 80/NQ-HĐND ngày 21/5/2024 của HĐND phường	7.816	7.810					7.810
85	Nhà văn hóa khu Trời 5, phường Hoành Bồ	NQ số 80/NQ-HĐND ngày 21/5/2024 của HĐND phường	8.241	8.240					8.240
86	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ đường Hùng Thắng đến Quốc lộ 18 (xóm Mít), phường Hùng Thắng	NQ 34/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND phường	14.925	14.925					14.925
87	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào trường Tiểu học Đại Yên cơ sở 2	NQ 45/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND phường	1.300	1.300					1.300
88	Nhà văn hóa khu 1, phường Đại Yên	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Đại Yên	7.596	7.590					7.590
89	Nhà văn hóa khu 2, phường Đại Yên	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Đại Yên	5.986	5.980					5.980
90	Nhà văn hóa khu 5, phường Đại Yên	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Đại Yên	7.958	7.950					7.950
91	Nhà văn hóa khu Minh Khai, phường Đại Yên	NQ số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Đại Yên	8.990	8.990					8.990
92	Xây dựng tuyến cống thoát nước, cải tạo môi trường dọc theo tuyến đường tàu tuyến than (Đoạn từ đường bao biển đến tổ quản lý điện Hà Tu), phường Hà Tu	NQ 09/NQ-HĐND ngày 14/3/2023 của HĐND phường	5.400	5.400					5.400
93	Cải tạo, mở rộng tuyến đường bê tông hiện hữu thuộc tổ 9, khu 5, phường Hà Tu	Nq 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2023 của HĐND phường	7.500	7.500					7.500
94	Nhà văn hóa khu 7, phường Hà Tu	NQ số 100/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND phường Hà Tu	7.288	7.280					7.280
95	Nhà văn hóa khu 4, phường Hà Tu	NQ số 99/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND phường Hà Tu	6.075	6.070					6.070
96	Nhà văn hóa khu 2, phường Hà Tu	NQ số 98/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND phường Hà Tu	4.832	4.830					4.830
97	Nhà văn hóa khu 3B, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long	NQ số 175/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND phường Giếng Đáy	4.644	4.640					4.640
98	Nhà văn hóa khu 6, phường Giếng Đáy	NQ số 194/NQ-HĐND ngày 02/5/2024 của HĐND phường	13.868	13.108					13.108

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
99	Nhà văn hóa khu 5, phường Giếng Đáy	NQ số 193/NQ-HĐND ngày 02/5/2024 của HĐND phường	7.797	7.790					7.790
100	Cải tạo đường giao thông ngõ 140 đường Trần Bình Trọng, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND phường Bãi Cháy	899	890					890
101	Nhà văn hóa khu 9B, phường Bãi Cháy	NQ số 55/NQ-HĐND ngày 10/6/2024 của UBND phường	6.251	6.250					6.250
102	Cải tạo tuyến đường, cống thoát nước tổ 4, khu 7, phường Bãi Cháy	NQ số 54/NQ-HĐND ngày 10/6/2024 của UBND phường	3.266	3.260					3.260
103	Cải tạo Nhà văn hóa khu phố 3, phường Tuần Châu	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND phường	981	980					980
104	Cải tạo Nhà văn hóa khu phố 4, phường Tuần Châu	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của UBND phường	571	570					570
105	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 8, Bãi Muối, phường Cao Thắng	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố	4.300	2.700					2.700
106	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu tự xây Áo Cá - đường liên phường khu 4, phường Yết Kiêu	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố	4.700	4.700					4.700
107	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường, cống thoát nước tổ 48, khu 5 và tuyến cống tổ 40, khu 4, phường Cao Thắng	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố	6.200	5.670					5.670
108	Tuyến đường ngõ 5, phường Cao Thắng đến khu dân cư đối ngán hàng của Công ty cổ phần Tuấn Thành	NQ số 87/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND thành phố	9.600	9.125					9.125
109	Nhà văn hóa khu 4A, phường Hà Phong	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	6.400	6.400					6.400
110	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Xọc Lô (đoạn qua đường tàu tuyến than đến cầu 3, Xọc Lô, phường Hà Tu	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	15.500	11.600					11.600
111	Cải tạo, nạo vét tuyến cống liên khu từ tổ 49A khu 6A đến tổ 54C, khu 6B, phường Hà Phong	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	3.700	3.700					3.700
112	Hoàn thiện hệ thống thoát nước chống ngập úng và cải tạo nền mặt đường lên nhà văn hóa khu 2, phường Giếng Đáy	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	5.400	4.600					4.600
113	Nhà văn hóa khu 5, phường Hà Khánh	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	5.500	5.500					5.500
114	Nhà văn hóa khu 7, phường Việt Hưng	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	4.700	4.700					4.700
115	Nhà văn hóa khu Vạn Yên, phường Việt Hưng	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND thành phố	6.800	6.800					6.800
116	Đường và cống thoát nước giáp ranh khu đô thị Hùng Thắng, phường Hùng Thắng.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	80.000	16.500					16.500
117	Tuyến đường và cống thoát nước tổ 5, khu 2, phường Hùng Thắng.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	2.900	2.300					2.300
118	Nhà văn hóa khu 2, phường Hà Trung.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	5.060	4.900					4.900
119	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ Tỉnh lộ 336 với tuyến phố Thống Nhất, phường Hà Trung.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	4.260	3.500					3.500
120	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ Tỉnh lộ 336 đến tổ 29, khu 3, phường Hà Trung.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	16.900	12.500					12.500
121	Cải tạo, mở rộng tuyến đường đầu nối từ tổ 29, khu 3 đến nhà văn hóa khu 3, phường Hà Trung.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	5.200	4.000					4.000
122	Tuyến đường đầu nối từ tổ 26 đến tổ 27, khu 3, phường Hà Trung.	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	3.500	3.000					3.000
123	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường và cống thoát nước từ tổ 27 khu 3 ra tổ 34 khu 4, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	8.216	8.200					8.200
124	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết hợp cống thoát nước tổ 45 khu 4, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long	NQ 60/NQ-HĐND ngày 26/01/2022 của HĐND thành phố	4.963	4.900					4.900
125	Cải tạo tuyến đường giao thông, cống thoát nước và tuyến kê phòng hộ khu dân cư tại tổ 5, 6, khu 5, phường Hà Lâm (NQ48)	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 14/01/2022 của HĐND thành phố	4.046	4.046					4.046

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
126	Tuyến đường phía đông quy hoạch khu tự xây bãi phum cút 8, phường Hồng Hà	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 14/01/2022 của HĐND thành phố	3.936	3.345					3.345
127	Xây dựng khu vui chơi công cộng tại khu phố 3, phường Hà Phụng	NQ số 48/NQ-HĐND ngày 14/01/2022 của HĐND thành phố	2.133	2.133					2.133
128	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư đô thị trên địa bàn phường Hồng Hải		4.809	3.935					3.935
129	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường nối từ nút giao đường Bà Huyện Thanh Quan với đường 336 đến đường Nguyễn Văn Cừ tại khu vực giáp trường THPT Hòn Gai		16.192	12.820					12.820
130	Hạ tầng giao thông, công tiêu thoát nước Ngõ 2 đoạn từ đường Bãi Muối đến nhà ông Trần Xuân Đình, tổ 60, khu 7, phường Cao Thắng		2.032	1.716					1.716
131	Hạ tầng giao thông, công tiêu thoát nước Ngõ 3 đoạn từ đường Bãi Muối đến nhà ông Đặng, phường Cao Thắng		3.372	3.137					3.137
132	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 20 thuộc các tổ 48, 50, 51, 52 khu 5, phường Cao Thắng		5.753	5.045					5.045
133	Hạ tầng giao thông, công tiêu thoát nước tổ 62, 63 - Khu 7 (Đoạn từ trường tiểu học Cao Thắng qua ngã ba nhà ông Bình đến nhà văn hóa Khu 7, kết nối Khu đô thị Bãi Muối và nhánh qua nhà ông Vạn đến nhà ông Tuyển kết nối với Khu đô thị Bãi Muối), phường Cao Thắng		5.190	4.794					4.794
134	Tuyến đường liên tổ 48, 50, 52 khu 5, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long		9.047	8.784					8.784
E	Chương trình xây dựng nông thôn mới	0	417.876	402.829	0	0	0	0	402.829
1	Đường ngõ xóm vào nhóm hộ Triệu Thị Thủy, xã Kỳ Thượng		36	26					26
2	Mương từ đập Khe Tô đến ruộng Đồng Mây, xã Kỳ Thượng		334	221					221
3	Mương Đồng Cút 1, xã Kỳ Thượng		166	110					110
4	Mương Đồng Mát, xã Kỳ Thượng		230	153					153
5	Kênh tưới tiêu nước Khe Siu To, xã Kỳ Thượng		232	156					156
6	Đập và ống dẫn nước ra ruộng ngon Khe Tre, xã Kỳ Thượng		996	901					901
7	Đập và đường ống dẫn nước tưới ra ruộng Nà Cài, xã Kỳ Thượng		973	769					769
8	Ống dẫn nước ra ruộng khu nhà ông Bàn Sinh Chòi, xã Kỳ Thượng		657	436					436
9	Đường nội đồng ra cánh đồng Bằng Nhược, thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm		116	76					76
10	Đường lên nghĩa Trang thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm		69	43					43
11	Đường ngõ xóm vào nhà Đặng Hữu Minh- Đặng Tăng Trang, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm		41	28					28
12	Kênh xây nội đồng, thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm		125	88					88
13	Đường ngõ xóm vào nhà Triệu Tiến Báo- Bàn Hữu Phúc, thôn Khe Len, xã Đồng Lâm		123	82					82
14	Đường ngõ xóm nhà Đặng Văn Sóng- Đặng Hữu Thanh, thôn Đồng Trà		985	802					802
15	Đường ngõ xóm nhà Đặng Tăng Học- Đặng Văn Vượng, thôn Cài		664	572					572
16	Bổ sung hệ thống đường ống nước tưới khu vực ngã ba đôn hang tuyến khe éch thôn khe lên		18	18					18
17	Đường ngõ xóm nhà Triệu Đức Báo, Triệu Tài Minh, Lý Tài Tiến, thôn Đồng Quảng		1.534	1.297					1.297
18	Cổng giao thông qua suối, thôn Đồng Quảng		961	917					917
19	Đường và cổng giao thông qua suối Cẩm Kén, thôn Khe Cán, Đồng Sơn		914	850					850
20	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Lý Văn Sinh thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn		71	50					50
21	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Đức Giang thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn		211	149					149
22	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà Triệu Kim Và thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn		28	20					20
23	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Văn Ngân thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn		493	357					357
24	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Bàn Văn Tề thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn		104	73					73
25	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Linh Quý Vi thôn Khe Cán, xã Đồng Sơn		62	45					45
26	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Hữu Tinh thôn Khe Cán, xã Đồng Sơn		278	206					206
27	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà Bàn Ban Hương thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn		106	75					75
28	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu Đồng Chùa thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn		364	262					262
29	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Linh Quý Hưng thôn Khe Cán, xã Đồng Sơn		118	85					85
30	Kênh mương ra cánh đồng Đàng thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn		140	93					93

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
31	Đập + đường ống dẫn nước từ Khe Tả ra Cảnh đồng Rẻ, thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn		1.318	1.020					1.020
32	Đập + đường ống dẫn nước từ Cảnh đồng Khe Máy, thôn Phú Liên, xã Đồng Sơn		185	141					141
33	Tuyến đường ngõ xóm từ đường trục thôn đến nhà bà Đặng Thị Châu		25	15					15
34	Tuyến đường ngõ xóm từ nhà Lý Tài Hường đến nhà Lý Tài Trán		28	17					17
35	Tuyến đường ngõ xóm từ nhà Triệu Tài Hình đến nhà Lý Tài Vương		73	48					48
36	Tuyến đường ngõ xóm đoạn từ đường thôn đến nhà Liêu Văn Quân		25	16					16
37	Tuyến đường từ ruộng Hoàng Văn Báo đến ruộng Liêu Văn Lộc		16	8					8
38	Tuyến đường từ nhà ông Bùi Văn Ký đến ruộng ông Bùi Văn Sinh		72	37					37
39	Tuyến đường từ ruộng ông Vũ Tuấn Sơn đến cửa miếu		73	37					37
40	Tuyến đường từ ruộng ông Bùi Văn Thống đến ruộng ông Vũ Văn Na		61	31					31
41	Tuyến đường từ nhà bà Vũ Thị Phong đến ruộng ông Diệp Văn Phang		89	46					46
42	Tuyến đường ngõ xóm đoạn từ nhà Triệu Tài Hình đến nhà Triệu Tiến Thắng		35	22					22
43	Tuyến đường từ ruộng ông Tô Văn Thủ đến ruộng bà Nguyễn Thị Mùi		152	77					77
44	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Thúy đến nhà bà Nguyễn Thị Liễu thôn Chấn Đèo		276	157					157
45	Tuyến đường từ nhà ông Đỗ Văn Bình đến nhà ông Vũ Văn Mông, thôn Chấn Đèo		67	38					38
46	Tuyến đường từ nhà ông Liêu Văn Quang đến đập Khe Khoai, thôn Khe Khoai		47	27					27
47	Tuyến đường từ nhà ông Trịnh Xuân Hương đến nhà ông Dương Văn Mạnh, thôn Bồn		96	54					54
48	Tuyến đường từ nhà ông Đỗ Văn Long đến nhà bà Nguyễn Thị Mát, thôn Khe Khoai		40	22					22
49	Tuyến đường từ nhà bà Lê Thị Phương đến nhà ông Vi Hữu Quý, thôn Khe Khoai		51	29					29
50	Tuyến đường từ nhà Lê Thị Mượt đến nhà ông Trần Hoài Nam, thôn Khe Khoai		75	42					42
51	Tuyến đường từ nhà Liêu Văn Phúc đến nhà bà Ân Thị Kim, thôn Khe Khoai		26	15					15
52	Tuyến đường từ nhà Lục Tiến Báu đến nhà bà Lê Thị Lan, thôn Lăng		59	34					34
53	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Văn Thịnh đến nhà Phạm Văn Cảnh, thôn Lương Kỳ		231	130					130
54	Tuyến đường ngõ xóm từ đường 337 đến nhà ông Lục Văn Long, thôn Lăng		88	50					50
55	Đường ngõ xóm thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi - Tuyến nhóm hộ ông Bùi Khổng Hoi		22	13					13
56	Đường ngõ xóm thôn Yên Mỹ, xã Lê Lợi - Tuyến nhóm hộ ông Đồng Văn Thành		75	44					44
57	Mở rộng 1 bên tuyến đường Địa Nở thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long		76	42					42
58	Mở rộng 1 bên tuyến đường từ nhà ông Nhi đến hết nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, thành phố Hạ Long		224	125					125
59	Đường nội đồng thôn Yên Mỹ, xã Lê Lợi - Tuyến từ đường trục xã đến xóm Đồng Gồ		173	102					102
60	Đường nội đồng thôn An Biên 2, xã Lê Lợi - Tuyến từ đường trục thôn đến cửa nhà ông Thư		160	98					98
61	Tuyến đường ngõ xóm nhà ông Hoàng Quốc Toàn, thôn 4, xã Quảng La		37	17					17
62	Mương tưới từ ruộng ông Phạm đến ngã 3, xã Quảng La, thành phố Hạ Long		165	81					81
63	Mương tưới từ ngã tư trạm xã cũ đến ruộng ông Cường thôn 2, xã Quảng La		70	34					34
64	Mương tiêu kết hợp tưới từ cửa bà Hạnh đến cống Bà Hiền thôn 4, xã Quảng La.		339	280					280
65	Bổ sung công trình Mương tiêu kết hợp tưới từ cửa bà Hạnh đến cống Bà Hiền thôn 4, xã Quảng La.		16	15					15
66	Mương tiêu kết hợp tưới từ khu sản thể thảo thôn 2 đến cống ông Hường thôn 2, xã Quảng La.		1.283	990					990
67	Mương tiêu kết hợp tưới từ hồ Đầu Làng đến cống Cờm Cờm thôn 1, xã Quảng La, thành phố Hạ Long.		2.733	2.516					2.516
68	Tuyến ngõ xóm từ Vi Hạnh - Lý Minh, xã Sơn Dương		21	12					12
69	Tuyến nội đồng từ 326 - Ân Bình, xã Sơn Dương		79	51					51
70	Tuyến nội đồng từ Hoàng Văn Diện - Phan Choong, xã Sơn Dương		104	67					67
71	Tuyến nội đồng từ Phan Văn Mỵ đến ruộng Lương Thị Gái, xã Sơn Dương		85	54					54
72	Tuyến nội đồng từ ruộng ông Trung - ruộng ông Tuyền, xã Sơn Dương		53	36					36
73	Tuyến nội đồng gốc hồng 2 từ đường CCĐĐ - ruộng nhà ông Tuyền, xã Sơn Dương		98	63					63
74	Tuyến nội đồng gốc hồng 1 từ đường CCĐĐ đến ruộng ông Bảy, xã Sơn Dương		52	34					34
75	Tuyến nội đồng nền chùa từ nhà ông Hà Sơn - nhà ông Thân, xã Sơn Dương		117	76					76
76	Tuyến nội đồng Nối tiếp Hoàng Văn Bình đến Suối, xã Sơn Dương		67	42					42
77	Tuyến nội đồng Từ nhà ông Trương Man - Trương Phong, xã Sơn Dương		362	225					225
78	Tuyến nội đồng từ nhà bà Vũ Thị Tiến - Phạm Trường, xã Sơn Dương		121	75					75
79	Tuyến nội đồng từ đường 279- nhà Dung Hường, xã Sơn Dương		96	55					55
80	Tuyến nội đồng từ nhà Lý Tuấn ra bờ suối, xã Sơn Dương		148	89					89
81	Tuyến nội đồng từ ruộng nhà bà Nụ đến ruộng nhà ông Lương, xã Sơn Dương		141	85					85
82	Tuyến nội đồng từ đường 326 đến vườn nhà ông Mai bà Thủy, xã Sơn Dương		75	47					47

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
83	Tuyến nội đồng Đồng công từ ruộng nhà ở Quê - ruộng nhà ở Thuận, xã Sơn Dương		81	52					52
84	Tuyến nội đồng nhà ở ông Đỗ Nguyên; cánh đồng 33 dưới, xã Sơn Dương		41	28					28
85	Tuyến ngõ xóm từ Hầm chui đến nhà ông Tô Văn Lý, xã Sơn Dương		103	68					68
86	Tuyến nội đồng từ bãi to đến công tre, xã Sơn Dương		65	42					42
87	Tuyến nội đồng từ ruộng ông Hải đến ruộng nhà ông Lợi, xã Sơn Dương		45	41					41
88	Tuyến ngõ xóm từ nhà ông Bình đến nhà anh Huỳnh, xã Sơn Dương		18	11					11
89	Đập tràn qua suối Đồng Giữa, thôn Đồng Giữa, xã Sơn Dương		2.382	2.301					2.301
90	Cải tạo nâng cấp cầu Hai Cánh, xã Sơn Dương		788	786					786
91	Cổng giao thông qua suối Đồng Vang, thôn Đồng Vang, xã Sơn Dương		986	899					899
92	Sửa chữa tuyến mương từ đập Đồng Khuôn đến nhà bà Mạn, xã Sơn Dương		189	115					115
93	Sửa chữa Tuyến mương từ đập nhà ông Hòa - dài tường niệm, xã Sơn Dương		73	45					45
94	Sửa chữa Xây mới tuyến mương đá bản đến Muống, xã Sơn Dương		292	182					182
95	Tuyến đường nội đồng từ ruộng nhà ông Đỗ Ngọc đến nhà ông Lục Choong thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương		122	72					72
96	Đường nội đồng từ Cầu Cháy - Đồng Đặng đến giáp suối, thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương		48	27					27
97	Tuyến đường nội đồng từ cánh đồng Cánh đến vườn na ông Lợi thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương		270	157					157
98	Mở rộng đường giao thông đoạn từ nhà ông Đình Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Mạnh Dung xóm Đá Lờm, thôn 2, xã Dân Chủ		12	9					9
99	Rãnh thoát nước dọc đường khu dân cư xóm Đá Lờm, thôn 2, xã Dân Chủ		46	42					42
100	Tuyến mương đầu nối từ mương tưới cạnh nhà bà Mây - Sông Đồn, thôn 2, xã Bằng Cà		44	20					20
101	Rãnh thoát nước cạnh nhà ông Dân (Xây rãnh giữa đường, tám đan chui, Xây dựng lại 53 m đường bê tông), thôn 2, xã Bằng Cà		205	172					172
102	Tuyến rãnh thoát nước đường vào khu bảo tồn văn hóa người Dao, thôn 1, xã Bằng Cà		243	217					217
103	Kênh đầu nối từ nhà ông Tài - Nhà ông Lý Văn Khoa (đường 326), thôn 2, xã Bằng Cà		313	245					245
104	Tuyến mương đầu nối tỉnh lộ 326-đồng Bản Đình (cạnh bưu điện văn hóa xã), thôn 1, xã Bằng Cà		41	22					22
105	Tuyến đường xóm nhóm 02 hộ (Lý Văn Thuận; Lý Văn Hai), thôn 1, xã Bằng Cà		43	27					27
106	Tuyến đường ngõ xóm nhóm 02 hộ (Đặng Văn Nghi; Đặng Văn Thanh), thôn 2, xã Bằng Cà		23	14					14
107	Tuyến đường ngõ xóm nhóm 02 hộ (Đặng Thanh Lương; Đặng Văn Lý), thôn 2, xã Bằng Cà		20	12					12
108	Tuyến đường ngõ xóm nhóm 02 hộ (Trương Văn khoa; Trương Văn Cảnh), thôn 2, xã Bằng Cà		25	16					16
109	Tuyến đường ngõ xóm nhóm 02 hộ (Đặng Đặng Văn Chung; Bản Thị Ba), thôn 2, xã Bằng Cà		26	16					16
110	Tuyến đường xóm nhóm 04 hộ (Trần Văn Đông; Triệu Thị Mơ; Trương Văn Quân; Trương Văn Hiến), thôn 1, xã Bằng Cà		104	65					65
111	Tuyến đường nội đồng Đồng Bản Đình, thôn 1, xã Bằng Cà		240	189					189
112	Tuyến đường nội đồng Trần Văn Thông - Cánh đồng 5 thấp, thôn 1, xã Bằng Cà		58	38					38
113	Nâng cấp tuyến đường thôn, đoạn từ cổng bảo tồn - Nhà ông Lý Trọng Bằng, thôn 2, xã Bằng Cà		118	80					80
114	Đường giao thông ngõ xóm kết hợp đường nội đồng từ nhà Triệu Đức Hiền đến nhà Triệu Đức Thành, thôn Khe Cát, xã Tân Dân		189	119					119
115	Đường giao thông ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Triệu Tiến Thành, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		36	23					23
116	Đường giao thông ngõ xóm từ đường bê tông Khe Tàu đến nhà Linh Quý Tú, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		24	15					15
117	Mở rộng đường ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Bàn Sinh Nguyên, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		50	29					29
118	Mở rộng đường ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Triệu Hữu Thành, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		15	9					9
119	Đường ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Bàn Văn Hiến, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		45	28					28
120	Đường ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Lý Tài Ngán, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		21	13					13
121	Đường ngõ xóm từ đường bê tông đến nhà Lý Tài Triu, thôn Đồng Mung, xã Tân Dân		18	11					11
122	Đường ngõ xóm nhà Linh Quý Lợi, thôn Thác Cát, xã Hòa Bình - 02 hộ		41	25					25
123	Đường ngõ xóm từ nhà Đặng Dầu Linh đến nhà Đặng Văn Khoa thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình - 04 hộ		21	13					13
124	Đường ngõ xóm từ nhà Đặng Tăng An đến nhà Đặng Hồng Chiển thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình - 03 hộ		29	17					17
125	Đường ngõ xóm từ nhà Lý Thị Nhát đến nhà Lý Tài Hương và nhà Đặng Dầu Sinh thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình - 05 hộ		126	74					74
126	Đường ngõ xóm từ TL 326 đến đoạn đường Đặng Tăng Liên thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình		496	405					405
127	Tuyến kênh mương thoát nước, tưới từ nhà Bùi Văn Sinh đến nhà Lý Tiến Phúc thôn Đồng Lá		544	443					443
128	Tuyến mương tưới, thoát nước dọc bờ kè trường Mầm non và trường Tiểu học xã Hòa Bình		1.212	980					980
129	Tuyến kênh mương thoát nước từ sau nhà bà Bàn Thị Sen đến nhà bà Bàn Thị Tâm thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình		1.016	767					767
130	Tuyến kênh mương thoát nước, tưới từ nhà ông Đặng Dầu Bình đến nhà Đặng Phúc Minh thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình		382	303					303
131	Sửa chữa nâng cấp sân nhà văn hoá thôn 2, xã Dân Chủ		192	178					178
132	Nâng cấp hàng rào, cổng nhà văn hoá xã Dân Chủ		285	257					257
133	Sửa chữa nhà VH thôn Khe Mực, xã Tân Dân		507	443					443
134	Sửa chữa nhà VH thôn Đất Đỏ, xã Tân Dân		965	907					907
135	Mương tưới kết hợp tưới từ khu cổng Thành Tre đến cổng Cầm Cầm thôn 1		833	790					790

TT	Đánh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
136	Mương tưới kết hợp tưới khu núi đá thôn 4		627	610					610
137	Mương tưới từ ruộng bà Trương Thị Phương đến cầu Đồng Tế, thôn 4		308	300					300
138	Mương tưới từ ruộng ông Sơn đến ruộng ông Quân, thôn 4		418	410					410
139	Mương tưới từ khu sản xuất thôn 2 đến ruộng thôn 2		281	280					280
140	Mương tưới từ ruộng ông Phẩm đến cầu chòi ông Tý, thôn 2		426	420					420
141	Mương tưới từ cửa nhà ông Thắng đến cửa nhà ông Ký thôn 3		496	520					520
142	Mương tưới từ công Ao đầu làng đến ruộng Trần Đăng Ninh, thôn 1		120	110					110
143	Mương thoát nước khu dân cư xóm Mới, thôn 6		1.115	1.060					1.060
144	Sửa chữa nâng cấp đập và đường ống dẫn nước Ruộng Mới, thôn Khe Lương		1.352	1.290					1.290
145	Đầu nối đường ống cấp nước sản xuất nông nghiệp Đồng Càng, thôn Khe Lương		154	150					150
146	Đường ống dẫn nước Khe O - Đồng Đền, thôn Khe Lương		1.218	1.180					1.180
147	Sửa chữa, nâng cấp đập và kênh Đồng Cút 2, thôn Khe Tre		578	540					540
148	Sửa chữa nâng cấp đập và đường ống dẫn nước Khe Lạn, thôn Khe Tre		1.360	1.310					1.310
149	Sửa chữa đập và đường ống dẫn nước Khe Quê, thôn Khe Tre		2.236	2.160					2.160
150	Ngầm tràn sang nhà bà Đặng Thị Loan, thôn Đồng Trà, Linh Tài Hậu		663	620					620
151	Ngầm tràn ông Bàn Sinh Linh, xóm Bằng Danh, thôn Đồng Trà		1.144	1.120					1.120
152	Đập và ống dẫn nước Khe Thắng, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm		2.238	2.100					2.100
153	Đường ống dẫn nước nhà ông Bàn Tài Thanh, Bàn Sinh Tinh, Bàn Sinh Tú, thôn Đồng Trà		307	290					290
154	Đường ống dẫn nước nhà Đặng Tăng Trang, thôn Đồng Trà		133	130					130
155	Sửa chữa đập và lắp ống dẫn nước hộ ông Đặng Văn Sóng, Đặng Hữu Thanh, Đặng Hữu Lâm, Đặng Hữu Hùng, thôn Đồng Trà		277	270					270
156	Kênh mương nội đồng xóm Khe Mu, thôn Đồng Quặng, xã Đồng Lâm		514	470					470
157	Đường ống dẫn nước phục vụ sản xuất khu vực góc bàng, thôn Đèo Độc		130	120					120
158	Đầu nối tuyến đường nội đồng cạnh nhà ông Trần Văn Thông - Cánh đồng 5 thấp - Khu dân cư		288	270					270
159	Sửa chữa, nâng cấp kênh từ cửa nhà ông Hoàng Văn Nhật - TL326		521	490					490
160	Nâng cấp sửa chữa đoạn kênh nội (Cửa nhà ông Đặng Văn Thương)		59	60					60
161	Đường điện cao áp chiếu sáng dọc tỉnh lộ 326 khu vực tập trung đồng dân cư, xã Bằng Cà (điểm đầu từ cầu Sông Đồn, thôn 2; điểm cuối nhà ông Đặng Văn Hạnh, chân đèo San, thôn 1)		2.267	2.270					2.270
162	Kênh thoát nước từ nhà bà Lan qua nhà ông Toàn đến đường QL.279, thôn 1		2.395	2.350					2.350
163	Nâng cấp sân nhà văn hóa xã		675	660					660
164	Đường thôn từ nhà ông Nguyễn Văn Dương đến nhà ông Dương Văn Báo, thôn 1		90	90					90
165	Điểm tập kết rác thải sinh hoạt tập trung, xã Dân Chủ		266	270					270
166	Đường điện cao áp chiếu sáng dọc QL.279 khu vực tập trung dân cư, địa bàn xã Dân Chủ		1.523	1.490					1.490
167	Đường ngõ xóm từ ngã ba nhà ông Đặng Văn Thông đến nhà Đặng Dấu Vi, thôn Đồng Lá		300	280					280
168	Đường ngõ xóm từ TL 326 đến sau nhà Bàn Đức Hình, thôn Thúc Cát		59	60					60
169	Tuyến đường từ khe suối đến nhà ông Lý Tiến Ngân, thôn Đồng Lá		110	110					110
170	Tuyến kênh mương thoát nước + tưới từ giáp đường cao tốc (cửa nhà ông Bàn Đức Vượng) đến sau nhà ông Lê Văn Quân thôn Đồng Lá		748	710					710
171	Tuyến kênh mương thoát nước + tưới từ nhà ông Triệu Tài Quý đến đoạn đường sang khu nhà ông Đặng Dấu Vi, thôn Đồng Lá		1.111	1.060					1.060
172	Tuyến kênh mương tưới, thoát nước khu vực nhà ông Đặng Dấu Khoa, Thôn Đồng Lá		2.799	2.670					2.670
173	Cổng + Bồn hoa + Sân nhà văn hóa thôn Thúc Cát		265	250					250
174	Tuyến đường giao thông vào Nghĩa trang nhân dân, thôn Tân Ốc 2		242	240					240
175	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Bàn Ban Hào, thôn Phú Liễn		266	260					260
176	Đường tràn qua xóm Khe Múi vào nhà ông Bàn Ban Hương, thôn Phú Liễn		1.127	1.130					1.130
177	Đường tràn qua suối Tân Ốc 2, thôn Tân Ốc 2		2.169	2.100					2.100
178	Tuyến đường giao thông vào xóm Đội 1, thôn Phú Liễn		2.905	2.730					2.730
179	Đường giao thông ngõ xóm kết hợp với sản xuất nông lâm nghiệp (qua nhà Bàn Hữu Thuận - Bàn Hữu Thanh), thôn Khe Cát		448	390					390
180	Tuyến kênh tưới khu cánh đồng Ba Có, thôn Đất Đỏ, xã Tân Dân		480	410					410
181	Ống dẫn nước từ Kênh Khe Phất sang cánh đồng Dầu		300	290					290
182	Ống dẫn nước từ Kênh Khe Phất sang cánh đồng Trên		331	320					320
183	Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Chiểu, thôn Khe Đồng		722	700					700
184	Đường ống dẫn nước ra cánh đồng Lán, thôn Khe Mực		172	160					160
185	Tuyến ống cấp nước tưới cho cánh đồng Khe Cát, thôn Đồng Mừng		266	260					260
186	Sửa chữa kênh Khe Mực + bể xi phông.		436	420					420

TT	Định mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
187	Sửa chữa sân, xây công, tường rào nhà văn hóa thôn Đồng Mừng		1.612	1.550					1.550
188	Sửa chữa mái, trần, công, nhà vệ sinh, sơn nhà văn hóa thôn Khe Cát		360	340					340
189	Lát sân nhà văn hóa thôn Hàng Trách, sơn tường rào		203	190					190
190	Mương tiêu kết hợp tưới thôn An Biên 2, xã Lê Lợi		1.188	1.190					1.190
191	Đường nội đồng thôn Yên Mỹ - Tuyến từ đường trục xã đến cánh đồng đội 7, thôn Yên Mỹ		487	460					460
192	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ngã ba tuần đến đến ngã 16 đường Tân Tiến, thôn Tân Tiến		222	220					220
193	Mương tưới thôn An Biên 2 xã Lê Lợi thành phố Hạ Long		356	340					340
194	Đường từ ngã ba đường 326 đến nhà ông Vũ Văn Thóa, thôn Khe Khoai		93	90					90
195	Đường từ nhà bà Bùi Thị Vương đến nhà ông Hoàng Văn Sự, thôn Đá Trắng		310	300					300
196	Cải tạo, nâng cấp mở rộng cầu Đồng Vang, thôn Đồng Vang		1.534	1.470					1.470
197	Cống qua suối Trại Mè, thôn Trại Mè		943	910					910
198	Đập dâng + Kênh tưới Ông Vui thôn Mỏ Đồng		1.205	1.150					1.150
199	Mương tiêu thoát nước + cầu dân sinh thôn Lán Dè		2.317	2.290					2.290
200	Mở rộng nút giao thông đường liên thôn và tỉnh lộ 326 khu trung tâm xã Vũ Oai.		278	280					280
201	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thôn Bón, xã Thống Nhất	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Thống Nhất	9.699	9.695					9.695
202	Đường bê tông ngõ xóm từ đường trục Cửa Hố vào nhà ông Đặng Văn Thanh, thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất	NQ 37/NQ-HĐND ngày 09/3/2023 của HĐND xã	2.804	2.800					2.800
203	Xây dựng tuyến kênh tưới, tiêu thôn Đồng Lá (đoạn từ nhà ông Đặng Dầu Quang đến cuối ruộng ông Triệu Tiến Vĩnh), xã Hòa Bình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Hòa Bình	1.076	1.075					1.075
204	Xây dựng tuyến kênh tưới, tiêu thôn Đồng Lá (đoạn từ nhà ông Linh Quý Biển đến đầu cống thoát nước khu nhà bà Đặng Thị Nhất), xã Hòa Bình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Hòa Bình	820	820					820
205	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung Khe Máy, thôn Phú Liễn (phục vụ các hộ dân Đội 1, Đội 2), xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	3.050	3.050					3.050
206	Đầu nối, lắp đặt tuyến ống cấp nước sinh hoạt tự chảy Đèo Chũ, thôn Phú Liễn (phục vụ các hộ dân Khe Chũ), xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	985	980					980
207	Xây dựng ngầm tràn qua suối vào Đội 1, thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	2.135	2.130					2.130
208	Xây dựng ngầm tràn qua suối vào Nghĩa trang thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	1.450	1.450					1.450
209	Nâng cấp, cải tạo đập và kênh tưới Đồng Máng, thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	900	900					900
210	Xây dựng tường rào, sân nhà văn hóa thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	450	450					450
211	Nâng cấp, cải tạo đập và kênh tưới Cẩm Kén, thôn Khe Càn, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	1.550	1.550					1.550
212	Nâng cấp, cải tạo đập và đường ống cấp nước tưới Đồng Cẩm, thôn Khe Càn, xã Đồng Sơn	NQ số 38/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Sơn	1.750	1.750					1.750
213	Đường, ngầm tràn từ xóm Xà Cao sang trung tâm xã Đồng Sơn, thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	NQ 48/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của HĐND xã	4.944	4.940					4.940
214	Xây dựng kênh tiêu thoát nước khe Đồng Lán, thôn Đồng Chũ, xã Vũ Oai	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Vũ Oai	4.874	4.870					4.870
215	Xây dựng đập dâng và kênh tưới, tiêu Khe Ló, thôn Đồng Chùa, xã Vũ Oai	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Vũ Oai	2.371	2.370					2.370
216	Nâng cấp, cải tạo đập và kênh tưới thôn Đồng Mỏ, xã Vũ Oai	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Vũ Oai	1.011	1.010					1.010
217	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn (đoạn từ Tỉnh lộ 326 đến khu chùa Đồng Chùa), xã Vũ Oai	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Vũ Oai	10.439	10.430					10.430
218	Cải tạo, nâng cấp ngầm tràn liên hợp qua suối Vũ Oai thôn Đồng Chùa, xã Vũ Oai	NQ 40/NQ-HĐND ngày 26/02/2023 của HĐND xã	9.835	9.830					9.830
219	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nội đồng thôn 1 (đoạn từ Quốc lộ 279 đến điểm tập kết rác thải tập trung), xã Dân Chủ	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Dân Chủ	1.100	1.100					1.100

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
220	Xây dựng tuyến kênh tiêu cuối đồng thôn 1, xã Dân Chủ	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Dân Chủ	500	500					500
221	Đầu tư nâng cấp nghĩa trang nhân dân xã Dân Chủ	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Dân Chủ	1.800	1.800					1.800
222	Lắp đặt hệ thống đập chịu sức nặng xóm tại 04 thôn (thôn Đất Đỏ, Khe Cát, Đồng Múng, Bàng Anh), xã Tân Dân	NQ số 41/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND xã Tân Dân	6.737	6.730					6.730
223	Xây dựng ngầm tràn qua suối Khe Mực (khu vực nhà ông Lý Tiến Linh), xã Tân Dân	NQ số 40/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND xã Tân Dân	786	780					780
224	Xây dựng tuyến đường ngõ xóm thôn Đất Đỏ (đoạn từ đường bê tông trục thôn đến nhà ông Triệu Văn An), xã Tân Dân	NQ số 39/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND xã Tân Dân	540	510					510
225	Sửa chữa, nâng cấp đường tràn qua suối Khe Cát, xã Tân Dân	NQ 52/NQ-HĐND ngày 07/3/2023 của HĐND xã	2.172	2.170					2.170
226	Xây dựng tuyến đường thôn 1 (đoạn từ Tỉnh lộ 326 đến đập Khe Chính), xã Bàng Cà	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND xã Bàng Cà	1.462	1.460					1.460
227	Xây dựng rãnh thoát nước thôn 2 (đoạn dọc hai bên tuyến đường vào khu bảo tồn văn hóa người Dao), xã Bàng Cà	NQ số 24/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND xã Bàng Cà	3.521	3.520					3.520
228	Xây dựng kê chống sạt lở thôn 3 (đoạn từ hạ lưu cống qua đường dân sinh đến thửa đất số 50, tờ bản đồ số 20), xã Bàng Cà	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 03/12/2022 của HĐND xã Bàng Cà	1.125	1.120					1.120
229	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bàng Cà, đoạn từ cống khu bảo tồn văn hóa người Dao - Thanh Y đến Đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô	37/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	3.131	3.130					3.130
230	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 1, xã Bàng Cà, đoạn từ đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô đến nhà Hà Văn Cảnh	39/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	3.604	3.600					3.600
231	Nâng cấp tuyến đường, tràn qua suối Khe Liêu thôn 3, xã Bàng Cà đoạn từ đường Khe Liêu đến điểm trường Mầm non, thôn 3, xã Bàng Cà	38/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	2.766	2.765					2.765
232	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bàng Cà, đoạn từ đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô đến ngã ba giáp nhà Bàn Văn Dân	40/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	3.104	3.100					3.100
233	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bàng Cà, đoạn từ đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô qua dải tường niệm giáp Đường bê tông	41/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	2.389	2.385					2.385
234	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 1, xã Bàng Cà (Đoạn từ đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô - giáp đất ở nhà ông Lý Văn Thụ)	42/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	2.536	2.535					2.535
235	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 3, xã Bàng Cà, đoạn từ cầu Khe Liêu - Hết nhà Nguyễn Trọng Giao	43/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	4.874	4.870					4.870
236	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bàng Cà (Đoạn từ đường giao thông liên huyện Ưông Bí - Hoàng Bô - giáp đất ở nhà ông Bàn Văn Thắng)	44/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	2.512	2.510					2.510
237	Xây dựng kênh tưới cánh đồng To thôn 4 (đoạn từ ruộng nhà ông Tăng đến ruộng nhà ông Nguyễn), xã Quảng La	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Quảng La	203	200					200
238	Xây dựng kênh tưới thôn 3 (đoạn từ ruộng ông Hánh đến ruộng bà Toán), xã Quảng La	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Quảng La	323	320					320
239	Xây dựng kênh tưới thôn 3 (đoạn từ nhà ông Điện Hoạt đến ruộng bà Bình Hạnh), xã Quảng La	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Quảng La	350	350					350
240	Xây dựng kênh tưới, tiêu thôn 1 (đoạn từ khu cửa Lợi đến cống Cườm Cườm), xã Quảng La	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Quảng La	3.345	3.340					3.340
241	Xây dựng kênh tưới, tiêu thôn 4 (đoạn từ trường Mầm Non đến khu nhà ông Thái), xã Quảng La	NQ số 51/NQ-HĐND ngày 02/12/2022 của HĐND xã Quảng La	1.922	1.920					1.920
242	Xây dựng ngầm tràn thôn Đồng Trà (khu vực nhà ông Bàn Tài Thanh, Bàn Sinh Tú), xã Đồng Lâm	NQ số 18/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Lâm	2.265	2.260					2.260
243	Xây dựng ngầm tràn thôn Đồng Trà (khu vực nhà ông Triệu Đức An, Triệu Đức Sinh), xã Đồng Lâm	NQ số 19/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Lâm	2.339	2.335					2.335
244	Xây dựng ngầm tràn qua suối Đồng Quặng khu vực nhà ông Lý Tiến Hiện, Lý Tài Vượng), xã Đồng Lâm	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Lâm	1.395	1.390					1.390
245	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường thôn Đồng Quặng (đoạn vào xóm Khe Mu), xã Đồng Lâm	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND xã Đồng Lâm	139	135					135
246	Cầu, cống hộp thay thế ngầm tràn vào nhóm hộ Bàn Văn Thuận thôn Khe Lương, xã Kỳ Thượng	NQ 33/NQ-HĐND ngày 24/02/2023 của HĐND xã	3.262	3.260					3.260
247	Mở rộng chỉnh trang tuyến đường trục chính thôn Đồng Giang, xã Sơn Dương	60/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	6.952	6.950					6.950
248	Mở rộng chỉnh trang tuyến đường trục chính thôn Đồng Đặng, xã Sơn Dương	49/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	7.631	7.630					7.630
249	Sửa chữa, xây lại tuyến mương từ đập Đồng Bé 1 đến nhà ông Triệu Tiến Sơn thôn Đồng Bé (xây lại đập Đồng Bé), xã Sơn Dương	50/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã	1.755	1.750					1.750

TT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
278	Kiến cổ hóa tuyến đường thôn Đông Lát, xã Hòa Bình (đoạn đầu nối từ cuối đường đã xây dựng Đường Bình - Đường Phúc Minh đến khe nước dưới nhà Đường Phúc Minh)	46/NQ-HĐND ngày 27/11/2023 của HĐND xã Hòa Bình	390	390					390
279	Kiến cổ hóa tuyến khe, suối thôn Đông Lát, xã Hòa Bình (đoạn từ dưới nhà bà Đặng Thị Nhứt đến đối diện trước cửa nhà Đường Dầu Chối)	46/NQ-HĐND ngày 27/11/2023 của HĐND xã Hòa Bình	5.984	5.980					5.980
280	Kiến cổ hóa tuyến khe, suối thôn Đông Lát, xã Hòa Bình (đoạn từ dưới đập Đồng Lát 2 đến đối diện nhà Lý Tiến Phúc)	46/NQ-HĐND ngày 27/11/2023 của HĐND xã Hòa Bình	1.465	1.460					1.460
281	Đường từ đường vào nhà văn hóa thôn Khe Lương đến nhóm hộ Bàn Văn Vượng, thôn Khe Lương, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	54/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Kỳ Thượng	494	490					490
282	Cầu tràn và đường vào nhóm hộ Bàn Tài Viên, thôn Khe Lương, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	54/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Kỳ Thượng	5.687	5.680					5.680
283	Đập, đường ống dẫn nước Khe Chương - Khe Lìn, thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long	54/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Kỳ Thượng	1.890	1.890					1.890
284	Đường từ nhà Lý Thị Phương đến nhà Đặng Thị Hai thôn Khe Cát, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	66/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND xã Tân Dân	5.451	5.450					5.450
285	Đường tràn vào khu sản xuất tập trung cánh đồng Khe Cát, thôn Đồng Mũng, xã Tân Dân, thành phố Hạ Long	70/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Tân Dân	1.711	1.710					1.710
286	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bằng Cà (Đoạn từ giáp nhà Đặng Đức Tiến đến hết đất nhà Bàn Văn Nhân)	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	5.776	5.500					5.500
287	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bằng Cà (Đoạn từ đường liên huyện Uông Bí - Hoàng Bồ qua cánh đồng đến đường vào bảo tồn văn hoá Người Dao)	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	5.432	4.850					4.850
288	Xây dựng công chào thôn 2 (Khu bảo tồn văn hóa người Dao Thanh Y) xã Bằng Cà, thành phố Hạ Long	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	225	220					220
289	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 1, xã Bằng Cà, đoạn từ đường liên huyện Uông Bí - Hoàng Bồ đến ngã ba giáp nhà Bàn Văn Lịch, xã Bằng Cà	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	4.201	3.920					3.920
290	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 1, xã Bằng Cà, đoạn từ giáp đường để đập khe Chính (nhà Hà Văn Nghĩa) - Đường nội đồng 5 thấp xã Bằng Cà	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	3.678	3.340					3.340
291	Mở rộng, chỉnh trang tuyến đường thôn 2, xã Bằng Cà (đoạn từ đường giao thông liên huyện Uông Bí - Hoàng Bồ đến đường bê tông Nghĩa trang thôn 2)	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã Bằng Cà	2.991	2.770					2.770
292	Tuyến đường bê tông nội đồng từ nhà ông Trần Văn Hồng sang cánh đồng Lát Cà, thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất	Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND xã Thống Nhất	3.510	3.510					3.510
	Vốn Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho Nông thôn mới (các dự án đã hoàn thành)			13.169			13.169		
	Xã Sơn Dương								
1	Tuyến ngõ xóm từ Vi Hạnh - Lý Minh			12,450			12,450		
2	Tuyến nội đồng từ 326 - Ân Bình			50,930			50,930		
3	Tuyến nội đồng từ Hoàng Văn Diện - Phan Choong			66,930			66,930		
4	Tuyến nội đồng từ Phan Văn Mụ đến ruộng Lương Thị Gái			57,450			57,450		
5	Tuyến nội đồng từ ruộng ông Trung - ruộng ông Tuyên			36,030			36,030		
6	Tuyến nội đồng gốc hồng 2 từ đường CCĐĐ - ruộng nhà ông Tuyên			63,000			63,000		
7	Tuyến nội đồng gốc hồng 1 từ đường CCĐĐ đến ruộng ông Bảy			34,040			34,040		
8	Tuyến nội đồng nền chùa từ nhà ông Hà Sơn - nhà ông Thán			75,730			75,730		
9	Tuyến nội đồng Nối tiếp Hoàng Văn Bình đến Suối			41,700			41,700		
10	Tuyến nội đồng Từ nhà ông Trương Man -Trương Phong			225,123			225,123		
11	Tuyến nội đồng từ nhà bà Vũ Thị Tiến - Phạm Trường			75,100			75,100		
12	Tuyến nội đồng từ đường 279- nhà Dung Hương			54,817			54,817		
13	Tuyến nội đồng từ nhà Lý Tuấn ra bờ suối			88,943			88,943		
14	Tuyến nội đồng từ ruộng nhà bà Nụ đến ruộng nhà ông Lương			84,554			84,554		
15	Tuyến nội đồng từ đường 326 đến vườn nhà ông Mai bà Thủy			47,220			47,220		
16	Tuyến đường nội đồng từ ruộng nhà ông Đỗ Ngọc đến nhà ông Lục Choong thôn Đồng Giang			29,421			29,421		
17	Tuyến đường nội đồng từ cánh đồng Càng đến vườn na ông Lợi thôn Đồng Giang			157,462			157,462		
	Xã Đông Sơn								
18	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Lý Văn Sinh thôn Phú Liễn, xã Đông Sơn			50,440			50,440		
19	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Đức Giang thôn Phú Liễn, xã Đông Sơn			149,280			149,280		

TT	Định mức dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
20	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà Trại Kim Và thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn			19,820			19,820		
21	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Văn Nặng thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn			357,270			357,270		
22	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Bàn Văn Tế thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn			72,530			72,530		
23	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Linh Quý Vi thôn Khe Cản, xã Đồng Sơn			44,910			44,910		
24	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Đặng Hữu Tinh thôn Khe Cản, xã Đồng Sơn			205,710			205,710		
25	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà Bàn Ban Hương thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn			74,890			74,890		
26	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu Đồng Chùa thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn			261,710			261,710		
27	Tuyến đường giao thông ngõ xóm vào khu nhà ông Linh Quý Hưng thôn Khe Cản, xã Đồng Sơn			84,960			84,960		
28	Kênh mương ra cánh đồng Đàng thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn			92,640			92,640		
29	Đập + đường ống sản xuất ra Khe Tái ra Cánh đồng Rẻ, thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn			462,340			462,340		
	Xã Đồng Lâm								
30	Đường nội đồng ra cánh đồng Bằng Nhược, thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm			76,080			76,080		
31	Đường lên nghĩa Trang thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm			42,970			42,970		
32	Đường ngõ xóm vào nhà Đặng Hữu Minh- Đặng Tăng Trang, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm			27,950			27,950		
33	Kênh xây nội đồng, thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm			87,618			87,618		
34	Đường ngõ xóm vào nhà Triệu Tiến Báo- Bàn Hữu Phúc, thôn Khe Len, xã Đồng Lâm			82,460			82,460		
35	Đường ngõ xóm nhà Đặng Văn Sóng- Đặng Hữu Thanh, thôn Đồng Trà			743,732			743,732		
36	Đường ngõ xóm nhà Đặng Tăng Học- Đặng Văn Vượng, thôn Cài			470,660			470,660		
37	Đường ngõ xóm nhà Triệu Đức Báo, Triệu Tài Minh, Lý Tài Tiến, thôn Đồng Quặng			1.227,190			1.227,190		
38	Cổng giao thông qua suối, thôn Đồng Quặng			875,370			875,370		
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố								
39	Xây dựng bổ sung nhà học bộ môn và các phòng chức năng, hiệu bộ Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Đồng Lâm 2 (Thôn Cài)			3.000,000			3.000,000		
40	Xây dựng bổ sung phòng học và các phòng chức năng Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Đồng Lâm 1 (Điểm trung tâm)			3.457,370			3.457,370		

PHỤ BIỂU 04

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THÀNH PHỐ ĐỒNG TRIỀU CHUYỂN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 277

/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025						
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh, ngày, tháng, năm	TMBT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	3	4=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
	Tổng cộng	-	3.022.232	1.115.385	1.906.847	2.749.390	690.755	-	-	-	2.058.635
A	Nhóm dự án hoàn thành	-	1.648.437	393.100	1.255.337	1.356.205	275.700	-	-	-	1.080.505
I	Dự án đã quyết toán, tất toán	-	199.206	2.000	197.206	182.775	-	-	-	-	182.775
1	Hạ tầng đất dân cư - Điểm phía tây hạ tầng hạ tầng xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	1091 ngày 30/12/2020	2.805		2.805	2.615	-				2.615
2	Đầu tư hạ tầng đất dân cư điểm phía Bắc nhà văn hóa khu Đoàn Xã 1 phường Hồng Phong	1749 ngày 31/12/2020	3.271		3.271	1.606	-				1.606
3	Hạ tầng đất dân cư điểm bán đường nối vào khu di tích chùa Hồ Lao đến trường THCS xã Tân Việt; Hàng mục: Đường bê tông, mương thoát nước, cấp điện hạ thế, san nền	1105 ngày 30/10/2020	3.079		3.079	2.866	-				2.866
4	Đường láng mộ vua Trần; Hàng mục: Thảm nhựa đoạn từ đường tàu đến chùa Quỳnh Lâm	1093 ngày 30/12/2020	12.229		12.229	11.572	-				11.572
5	Hạ tầng đất dân cư điểm 02, thôn Đông Thành, xã Bình Dương; Hàng mục: San nền, đường giao thông, mương thoát nước	1352 ngày 30/12/2020	1.289		1.289	769	-				769
6	Hạ tầng đất dân cư điểm 02 phía bắc chợ Bình Khê, thôn Trại Mới A, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều; Hàng mục: San nền, đường giao thông, mương thoát nước, cấp điện hạ thế, cấp nước	1112 ngày 30/10/2020	3.100		3.100	2.990	-				2.990
7	Hạ tầng điểm 01 dân cư chùa cũ thôn Chi Linh xã Yên Đức thị xã Đông Triều; Hàng mục: Đường bê tông, mương thoát nước thải, lắp đặt bể vữa bê	1103 ngày 30/10/2020	1.689		1.689	1.407	-				1.407
8	Hạ tầng đất dân cư điểm giáp công làng thôn Hồ Lao, xã Tân Việt; Hàng mục: Đường bê tông, mương thoát nước, san nền	1106 ngày 31/12/2020	1.267		1.267	653	-				653
9	Xây mới nhà hội trường UBND xã Nguyễn Huệ và sửa chữa hội trường cũ thành nhà làm việc	1096B ngày 30/10/2020	4.981		4.981	4.812	-				4.812
10	Tuyến đường ngã ba công viên Hà Lan đến khu đường tàu Vĩnh Xuân phường Mạo Khê	1114 ngày 30/10/2020	7.989		7.989	6.910	-				6.910
11	Hạ tầng đất dân cư điểm phía bắc tỉnh lộ 186 khu Độc Lân thôn Trại Thông, xã Bình Khê thị xã Đông Triều	1207 ngày 29/6/2021	3.493		3.493	2.946	-				2.946
12	Tu sửa nâng cấp Hồ Khe Tầm xã Nguyễn Huệ	1097 ngày 30/10/2020	4.509		4.509	4.162	-				4.162
13	Hạ tầng đất dân cư điểm phía Đông đường vào trại giam Hang Sơn xã Hồng Thái Đông thị xã Đông Triều	1092 ngày 30/10/2020	1.654		1.654	1.605	-				1.605
14	Hạ tầng đất dân cư điểm phía Tây bà Đỗ Thị Mến tại thôn Tân Yên xã Hồng Thái Đông thị xã Đông Triều	1100 ngày 30/10/2020	1.814		1.814	1.773	-				1.773
15	Hội trường UBND phường Hồng Phong và các hạng mục phụ trợ	1096 ngày 30/10/2020	4.968		4.968	4.913	-				4.913
16	Trạm Y tế phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	1109 ngày 30/10/2020	4.956		4.956	4.908	-				4.908
17	Hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án bảo quản tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đến An Biên xã Thủy An thị xã Đông Triều	1351 ngày 30/12/2020	1.496		1.496	1.392	-				1.392
18	Hạ tầng khu tái định cư và giao đất ơ phục vụ GPMB thực hiện dự án cải tạo nút giao và bãi đỗ xe đến An Sinh tại thôn 6 phường Đức Chính	1350 ngày 30/12/2020	3.596		3.596	3.168	-				3.168
19	Cầu dân sinh Đông Tranh, thôn Tân Lập, xã Tân Việt	1113 ngày 30/10/2020	2.485		2.485	2.364	-				2.364
20	Hạ tầng đất dân cư Hồng Thái Tây, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều; Hàng mục: San nền, đường giao thông, mương thoát nước, cấp điện, cấp nước	1099 ngày 30/10/2020	3.910		3.910	3.401	-				3.401
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính xã Thủy An; Hàng mục: Cap mớ rơ, thảm nhựa và cầu bê (đoạn từ ngã ba vào thôn Vĩ Thủy đến khu dân cư mới thôn An Biên)	2300 ngày 28/10/2021	6.968	2.000	4.968	6.887	-				6.887
22	Hạ tầng đất xcn cư, điểm phía Nam trường THCS thôn 3,4 xã Nguyễn Huệ	1095 ngày 30/10/2020	3.744		3.744	3.636	-				3.636
23	Hạ tầng đất dân cư điểm phía tây chợ mới An Sinh, xã An Sinh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Hàng mục: Đường bê tông, mương thoát nước, điện hạ thế	1107 ngày 30/10/2020	2.891		2.891	2.791	-				2.791
24	Hạ tầng đất dân cư điểm nhỏ lẻ xã Bình Khê, thị xã Đông Triều (Điểm trường mầm non Tây Sơn); Hàng mục: San nền, mương thoát nước	961 ngày 28/03/2021	345		345	157	-				157
25	Đầu tư hạ tầng đất dân cư điểm phía đông khu dân cư An Bình Phát khu Bình Lục Thượng phường Hồng Phong	1348 ngày 20/12/2020	4.491		4.491	3.896	-				3.896
26	Trạm y tế phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều	1108 ngày 30/10/2020	4.961		4.961	4.816	-				4.816
27	Hạ tầng đất dân cư điểm 03 giáp trung tâm văn hóa khu Xuân Viên 3, phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều	1781 ngày 28/10/2019	2.438		2.438	1.891	-				1.891
28	Hạ tầng đất dân cư điểm phía tây trường THCS Hưng Đạo; Hàng mục: San nền, mương thoát nước	1778 ngày 28/10/2019	723		723	303	-				303
29	Hạ tầng đất dân cư tự xây xã Việt Dân	1098 ngày 21/12/2020	3.443		3.443	3.266	-				3.266
30	Mương thoát nước khu dân cư phía Bắc khu đô thị Kim Sơn; Hàng mục Mương tiêu thoát nước cho các hộ dân hiện trạng	1189 ngày 10/8/2022	248		248	235	-				235
31	Sửa chữa nhà thi đấu thể thao trung tâm thị xã Đông Triều; Hàng mục: Nền sân, hệ thống đèn chiếu sáng, vách chắn quanh nhà thi đấu	1138 ngày 10/8/2022	2.491		2.491	2.435	-				2.435
32	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ Công làng đến chùa Tráng, thôn Vĩ Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1169 ngày 10/8/2022	593		593	552	-				552
33	Thay thế đèn sợi đốt thành đèn Led tuyến đường Quốc lộ 18 đoạn từ Công tình đến sân vận động xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	1182 ngày 10/8/2022	983		983	913	-				913

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
34	Di chuyển hệ thống điện chiếu sáng đường từ QL18 đi khu dân cư Vĩnh Tuy 1, phường Mạo Khê và mở rộng tuyến đường từ Trạm y tế đi nhà văn hóa thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1187 ngày 10/8/2022	1.096		1.096	1.018	-				1.018
35	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ đền An Biên đến nhà văn hóa thôn An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1170 ngày 10/8/2022	733		733	685	-				685
36	Thay thế đèn sợi đốt thành đèn Led tuyến đường Quốc lộ 18 đoạn từ cầu Đạm Thủy, xã Việt Đán đến chợ Đạm Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1184 ngày 10/8/2022	1.013		1.013	941	-				941
37	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đường Ngõ Gia Tự đoạn từ trường tiểu học Mạo Khê A đến địa phận xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	1172 ngày 10/8/2022	654		654	611	-				611
38	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ Quốc lộ 18 qua nhà văn hóa thôn Bắc Mã 1, xã Bình Dương đến đường Tỉnh lộ 345, thị xã Đông Triều	1178 ngày 10/8/2022	950		950	892	-				892
39	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ trần Nông trường đến trường mầm non Bình Minh, thôn Đông Sơn, xã Bình Khê thị xã Đông Triều	1180 ngày 10/8/2022	1.051		1.051	991	-				991
40	Tuyến điện hạ thế từ bãi đỗ xe lên chùa Hồ Thiên thị xã Đông Triều	1174 ngày 10/8/2022	1.150		1.150	1.086	-				1.086
41	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ Quốc lộ 18 đến nhà văn hóa thôn Hoàng Xá và thôn Đông Lâm xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	1175 ngày 10/8/2022	1.153		1.153	1.081	-				1.081
42	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ Quốc lộ 18 đến nhà văn hóa thôn Đạo Dương, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	1179 ngày 10/8/2022	944		944	888	-				888
43	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn Quốc lộ 18 đến nhà văn hóa thôn Bình Sơn Đông xã Bình Dương thị xã Đông Triều	1117 ngày 10/8/2022	395		395	366	-				366
44	Bổ sung điện chiếu sáng, chỉnh trang, di chuyển hệ thống các cột điện phục vụ chỉnh trang đô thị, nông thôn mới trên địa bàn thị xã	1173 ngày 10/8/2022	1.117		1.117	1.038	-				1.038
45	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn Quốc lộ 18 đến nhà văn hóa thôn Bình Sơn Tây, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	1176 ngày 10/8/2022	397		397	369	-				369
46	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ ngã ba Nhà văn hóa thôn Đông Sơn, xã Bình Khê đến đường Ngõ Gia Tự, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	1181 ngày 10/8/2022	957		957	869	-				869
47	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ đường tỉnh lộ 333 đến nhà văn hóa thôn Chi Linh, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều	1171 ngày 10/8/2022	671		671	618	-				618
48	Xây mới nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Yên Thọ (quy mô 12 phòng)	1196 ngày 10/8/2022	1.137		1.137	1.058	-				1.058
49	Xây mới nhà vệ sinh học sinh trường THCS Yên Thọ (quy mô 12 phòng)	1198 ngày 10/8/2022	1.170		1.170	1.102	-				1.102
50	Thay thế đèn sợi đốt thành đèn Led tuyến đường QL18 đoạn từ trụ sở UBND xã Bình Dương đến trường THPT dân lập Nguyễn Bình, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1183 ngày 10/8/2022	953		953	882	-				882
51	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ đập tràn hồ Trại Lốc, xã An Sinh đến ngã ba đường nối Ngõ Ván - Hồ Thiên	1185 ngày 10/8/2022	843		843	802	-				802
52	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ bãi đỗ xe chùa Ngõ Ván đến di tích Mộ Cô Trại Lốc, xã An Sinh thị xã Đông Triều	1186 ngày 10/8/2022	976		976	929	-				929
53	Di chuyển đường dây 22kv và trạm biến áp Mạo Khê tuyến đường từ QL18 đến khu dân cư Vĩnh Tuy 1, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	1188 ngày 10/8/2022	430		430	389	-				389
54	Xây mới nhà Ban quản lý di tích đền An Biên, xã Thủy An, thị xã Đông Triều	1192 ngày 10/8/2022	1.177		1.177	1.100	-				1.100
55	Sân bê tông, kê đá, rãnh thoát nước, bồn cây nhà Ban quản lý di tích đền An Biên, xã Thủy An	1191 ngày 10/8/2022	328		328	300	-				300
56	Xây mới nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Mạo Khê A (Quy mô 10 phòng)	1195 ngày 10/8/2022	999		999	960	-				960
57	Xây dựng hệ thống đèn tín hiệu giao thông ngã ba giao QL18 tại Km51+641 với đường đi cầu Triều tại phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều	1166 ngày 10/8/2022	2.000		2.000	1.811	-				1.811
58	Xây mới nhà vệ sinh học sinh Trường Tiểu học Kim Đồng (12 phòng)	1194 ngày 10/8/2022	898		898	839	-				839
59	Cải tạo tuyến đường liên xã An Sinh - Bình Khê; Hạng mục: Đường bê tông nhựa đoạn từ ngã tư Địa Mối đến ngã tư hồ ông Hiền	1167 ngày 10/8/2022	3.630		3.630	3.453	-				3.453
60	Chỉnh trang khu vực phía trước chùa Bắc Mã, xã Bình Dương; Hạng mục: Cạp mở rộng đường quanh ao sen	1164 ngày 10/8/2022	1.188		1.188	1.110	-				1.110
61	Tuyến đường phía trước chùa Bắc Mã, xã Bình Dương; Hạng mục: Tham Asphalt mặt đường	1163 ngày 10/8/2022	1.166		1.166	1.087	-				1.087
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào trường tiểu học và THCS Bình Dương; Hạng mục: Thảm nhựa mặt đường, mương thoát nước	1165 ngày 10/8/2022	614		614	605	-				605
63	Xây mới nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Hồng Thái Đông (quy mô 12 phòng)	1197 ngày 10/8/2022	1.136		1.136	1.048	-				1.048
64	Trường TH Thủy An; Hạng Mục: Nhà học bộ môn, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2608 ngày 16/12/2021	9.971		9.971	9.366	-				9.366
65	Xây mới nhà vệ sinh học sinh trường THCS Thủy An (quy mô 10 phòng)	1199 ngày 10/8/2022	1.082		1.082	942	-				942
66	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh; Hạng mục nhà học 9 phòng	2610 ngày 16/2/2021	6.499		6.499	6.171	-				6.171
67	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 vào khu dân cư Thọ Tráng; Hạng mục: Mở rộng đường bê tông, mương thoát nước, tham Asphalt mặt đường (tuyến giáp khu đô thị mới)	1164 ngày 10/8/2022	3.500		3.500	3.212	-				3.212
68	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ công làng thôn Nghĩa Hưng, xã An Sinh đến ngã ba thôn Tây Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	2008 ngày 07/11/2022	1.069		1.069	1.002	-				1.002

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
69	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ công trường đến nhà văn hóa thôn Phúc Thi, xã Việt Dân, thị xã Đông Triều	2009 ngày 07/11/2022	952		952	875	-				875
70	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ đường 332 (quá Công an thị xã) đến khu xóm Lò Vôi, Khu Đoàn Xã 2, phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều	2003 ngày 07/11/2022	419		419	337	-				337
71	Vườn hoa cây xanh từ khu vực nhà sau Đúc Chanh gần khu dân cư Bình Lục Thượng phương Hồng Phong	1866 ngày 27/12/2021	9.690		9.690	9.040	-				9.040
72	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng, di chuyển điện hạ thế đoạn từ Quốc lộ 18 đến Tiểu đoàn Tên lửa 81, thôn Tân Yên (đoạn từ Quốc lộ 18 đến khu dân cư thôn Thượng Thông, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều)	2001 ngày 07/11/2022	940		940	856	-				856
73	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ điểm trường mầm non thôn An Biên, xã Thụy An thị xã Đông Triều đến ngã tư đường rẽ đi xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn	2004 ngày 07/11/2022	828		828	810	-				810
74	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ Quốc lộ 18 qua chùa Tế đến đường Nguyễn Văn Đài (đoạn từ Quốc lộ 18 đến khu dân cư Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê)	2000 ngày 07/11/2022	656		656	620	-				620
75	Thảm bê tông nhựa Asphalt tuyến đường từ nhà bà Giồng đi nhà ông Cường, khu Kim Sơn	2035a ngày 11/11/2022	2.695		2.695	2.666	-				2.666
76	Đường liên xã An Sinh; Hạng mục: Thảm Asphalt từ công trường đến hết hộ ông Thọ xóm Đồi Mít	1615 ngày 20/9/2022	2.999		2.999	2.798	-				2.798
77	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn 2 đến đường vào Hang Sơn	1874a ngày 28/10/2022	2.495		2.495	2.378	-				2.378
78	Tuyến từ chợ Mễ Xá qua trường THCS Hưng Đạo; Hạng mục: Thảm nhựa Asphalt	2115a ngày 24/11/2022	2.963		2.963	2.900	-				2.900
79	Tuyến đường từ đường QL18 nhà ông Trọng đến nhà bà Thanh thôn Tân Yên Xã Hồng Thái Đông	1865a ngày 25/10/2022	3.469		3.469	3.246	-				3.246
80	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ Nhà thờ Giáo xứ Mạo Khê đến đường tránh QL18, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	2006 ngày 07/11/2022	426		426	364	-				364
81	Tuyến điện chiếu sáng từ Quốc lộ 18 qua nhà thờ Đông Tân vào nhà văn hóa Khu Đông Tân, phường Hồng Phong	893 ngày 14/4/2023	451		451	322	-				322
82	Hạ tầng Điện phía tây trường THCS Hưng Đạo, phường Hưng Đạo; HM: San nền, mương thoát nước	279 ngày 09/4/2020	723		723	298	-				298
83	Tuyến đường từ QL18A đến trạm bơm Cổ Lễ; Hạng mục: Thảm Asphalt	2037a ngày 13/11/2022	3.496		3.496	3.276	-				3.276
84	Cải tạo nâng cấp mương tiêu thoát nước liên khu Hồng Phong; Hạng mục: Mương tiêu thoát nước chung khu Triều Khê - Đông Tân - Bình Lục Hạ	2037b ngày 24/11/2022	2.187		2.187	2.108	-				2.108
85	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng đoạn từ Quốc lộ 18 đến ngã ba đường rẽ nhà văn hóa thôn Tân Lập, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	2002 ngày 07/11/2022	1.091		1.091	960	-				960
86	Bổ sung tuyến điện chiếu sáng từ Quốc lộ 18 đi nhà văn hóa khu Hoàng Sơn; Tuyến điện chiếu sáng từ Hợp tác xã nông nghiệp đi hồ Cổ Lễ, phường Hoàng Quốc, thị xã Đông Triều	2005 ngày 07/11/2022	781		781	690	-				690
87	Đường giao thông xã Bình Dương; HM: Mở rộng nâng cấp mặt đường thảm Asphalt tuyến từ nhà ông Huyền đến đường 345 đến trường mầm non Bình Dương A	2108 ngày 24/11/2022	3.465		3.465	3.500	-				3.500
88	Thảm Asphalt tuyến đường Quyết Thắng từ nhà ông Xê đến giáp nhà bà Giải khu Trảng Bàng 2	1243a ngày 19/8/2022	2.499		2.499	2.316	-				2.316
89	Mương tiêu thoát nước từ công xã thôn Khê Thượng đến nhà ông Đu thôn Thanh Bình	2112 ngày 24/11/2022	2.000		2.000	1.945	-				1.945
90	Nhà Văn hóa hóa Khu Yên Lăng 2	2022a ngày 26/11/2022	1.497		1.497	1.400	-				1.400
91	Nhà văn hóa hóa Khu Yên Lăng 3	2035b ngày 24/11/2022	1.499		1.499	1.320	-				1.320
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán	-	399.119	-	399.119	340.284	-	-	-	-	340.284
1	Dự án Lắp đặt hệ thống đèn trang trí trên địa bàn thị xã Đông Triều	1865 ngày 27/12/2021	10.046		10.046	8.849	-				8.849
2	Dự án: Di chuyển hệ thống cột điện hạ thế, điện chiếu sáng nằm trong mặt bằng dự án xây dựng thoát nước 2 bên đường QL 18 Km59+800 - Km66+400	2113 ngày 23/11/2022	419		419	349	-				349
3	Trường Tiểu học Bình Dương (Hạng mục: Xây 4 phòng học, 02 phòng bộ môn)	1872A ngày 26/10/2022 161/QĐ-BQLDA ngày 15/3/2023	5.781		5.781	5.094	-				5.094
4	Đường giao thông xã Thụy An (Hạng mục: Mở rộng đường, mương tiêu thoát nước thảm Asphalt tuyến từ nhà văn hóa thôn An Biên đến ngã ba Đông Khái)	570 ngày 06/03/2023	2.995		2.995	2.408	-				2.408
5	Thảm Asphalt tuyến đường trung tâm xã Trảng Lương, thị xã Đông Triều	541 ngày 01/3/2023	3.961		3.961	3.711	-				3.711
6	Tuyến đường phố Xuân Quang đi phố Thọ Tràng; Hạng mục: Kè, mương thoát nước, thảm	2036a ngày 12/11/2022	3.495		3.495	3.278	-				3.278
7	Nâng cấp tuyến đường vườn Thông đoạn từ QL18A đến đường tàu khu Vĩnh Sinh; Hạng mục: Thảm mặt đường	2117a ngày 24/11/2022	3.459		3.459	3.341	-				3.341
8	Trải Asphalt đường giao thông phường Xuân Sơn; hạng mục: Tuyến từ nhà ông Thiệu đến ngã 3 nhà ông Lâm khu Mễ Sơn	2103 ngày 24/11/2022	3.564		3.564	3.385	-				3.385
9	Thảm Asphalt tuyến đường từ đường Trần Nhân Tông đến nhà ông Vượng thôn Phúc Đa	2112 ngày 24/11/2022	2.552		2.552	2.154	-				2.154
10	Thảm Asphalt mặt đường tuyến từ Yên Lầm 1 sang Yên Lầm 2	1761a ngày 30/9/2022	2.466		2.466	2.299	-				2.299
11	Mở rộng và nâng cấp thảm nhựa Asphalt tuyến giao thông từ ngã ba đường tránh về ngã ba chợ Nguyễn Huệ đến trường mầm non	720 ngày 16/3/2023	2.998		2.998	2.811	-				2.811
12	Thảm Asphalt tuyến đường từ ngã ba ngân hàng qua thôn Đồng Đò đến đường Trung Tâm	860 ngày 06/4/2023	2.997		2.997	2.968	-				2.968
13	Nhà văn hóa thôn Phú Ninh	456/QĐ-UBND ngày 19/03/2024	1.497		1.497	1.500	-				1.500

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1		13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 thôn Năm Giai đến ngã 3 thôn Trại Thu, xã Trảng Lươg	31/9/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.872		1.872	2.000	-				2.000
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Thuy An - Việt Dân (đoạn từ Ngã Trảng Thôn Đam Thuy xã Thuy An đến thôn Đông Y xã Việt Dân)	2750/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	2.328		2.328	2.500	-				2.500
16	Đường vào Chi 8 thôn Tân Yên xã Hồng Thái Đông	442/QĐ-UBND ngày 14/03/2024	2.738		2.738	3.000	-				3.000
17	Xử lý điểm ngập úng tại Điểm tái định cư khu Nhuế Hồ, phường Kim Sơn	QĐ số 3187/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	499		499	500	-				500
18	Xử lý điểm ngập úng giáp khu đô thị Tân Việt Bắc, phường Mao Khê	QĐ số 3186/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	595		595	600	-				600
19	Đường nối ngã ba đường tránh Hưng Đạo đến Khu đô thị Hồng Phong, thị xã Đông Triều	1076/QĐ-UB ngày 22/9/2020	58.000		58.000	57.118	-				57.118
20	Khu dân cư hai bên đường nối tỉnh lộ 332 ra quốc lộ 18 tại xã Hồng Phong và phường Đức Chính, thị xã Đông Triều (Giai đoạn 1)	636 ngày 16/4/2021	33.699		33.699	22.461	-				22.461
21	Trường THCS Bình Khê; Hạng mục: Xây 04 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng (8 phòng)	2120a ngày 24/11/2022	10.499		10.499	9.840	-				9.840
22	Đầu tư hạ tầng khu dân cư tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 1)	607 ngày 9/4/2021	74.951		74.951	61.485	-				61.485
23	Hạ tầng đất dân cư tại khu Vĩnh Hòa, phường Mao Khê, thị xã Đông Triều	2764/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	36.182		36.182	3.905	-				3.905
24	Đầu tư hạ tầng Khu dân cư hai bên đường nối Tỉnh lộ 332 hai bên đường 18 cũ phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều (Giai đoạn 2); Hạng mục: San nền, đường giao thông, mương thoát nước, cấp điện hạ thế, cấp nước	555A ngày 11/10/2021	46.000		46.000	45.998	-				45.998
25	Lắp đặt hệ thống tuyến truyền trực quan trên địa bàn thị xã Đông Triều	475/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	2.394		2.394	3.000	-				3.000
26	Tuyến đường dẫn vào trụ sở ban chi huy quân sự thị xã đông triều (đoạn từ đường trung tâm đến ngã ba trụ sở ban chi huy quân sự)	2663 ngày 15/9/2023	13.657		13.657	16.000	-				16.000
27	Xây mới cầu Trại Thu xã Trảng Lươg	908/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	5.438		5.438	5.500	-				5.500
28	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường Tiểu học Trảng An	459/QĐ-UBND ngày 20/03/2024	7.663		7.663	8.000	-				8.000
29	Trường Mầm non Trảng Lươg; Hạng mục: Xây 04 phòng học, 02 bộ môn	1132/QĐ-UBND ngày 23/05/2024	6.352		6.352	6.500	-				6.500
30	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm phía Đông núi Thu Dương, phường Hưng Đạo	4897 ngày 22/12/2021	13.951		13.951	12.980	-				12.980
31	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Việt Dân đoạn từ cổng làng thôn Cửa Phức đến ngã 3 đường đi đến An Sinh - Đường đi liên tỉnh 345	1540 ngày 20/6/2023	14.228		14.228	14.800	-				14.800
32	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm xen kẹp khu Đoàn Xá 2, phường Hồng Phong	2609 ngày 16/12/2021	14.854		14.854	14.950	-				14.950
33	Cải tạo nâng cấp công Môm Cua và kè 2 bên tuyến mương từ cầu Đức Chính đến công Môm Cua khu yên Lầm 2, phường Đức Chính	QĐ số 3330/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	6.990		6.990	7.000	-				7.000
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		1.050.112	391.100	659.012	833.146	275.700	-	-	-	557.446
III.1	Dự án đã quyết toán A-B		607.551	156.700	450.851	382.196	56.700	-	-	-	325.496
1	Trụ sở làm việc công an xã An Sinh	2119a ngày 24/11/2022 45/QĐ-BQLDA ngày 15/12/2023	9.488		9.488	10.000	-				10.000
2	Trụ sở làm việc công an xã Trảng Lươg	2118a ngày 24/11/2022 46/QĐ-BQLDA ngày 15/12/2023	10.878		10.878	11.000	-				11.000
3	Trụ sở làm việc công an xã Bình Dương tại thôn Bình Sơn Tây, xã Bình Dương, thị xã Đông Triều	315 ngày 20/02/2023	11.095	8.300	2.795	11.095	8.300				2.795
4	Trụ sở làm việc công an xã Bình Khê tại thôn Trại Mới A, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	317 ngày 20/02/2023	10.019	7.100	2.919	10.019	7.100				2.919
5	Trụ sở làm việc công an xã Việt Dân tại thôn Khê Thượng, xã Việt Dân, thị xã Đông Triều	320 ngày 20/02/2023	11.097	8.000	3.097	11.097	8.000				3.097
6	Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Tây tại thôn Hoàng Mô, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều	321 ngày 20/02/2023	11.594	8.400	3.194	11.594	8.400				3.194
7	Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thái Đông tại thôn Thượng Thông, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	322 ngày 20/02/2023	11.387	8.300	3.087	11.387	8.300				3.087
8	Trụ sở làm việc công an xã Thuy An tại thôn Vị Thuy, xã Thuy An, thị xã Đông Triều	319 ngày 20/02/2023	11.047	7.600	3.447	11.047	7.600				3.447
9	Trụ sở làm việc công an xã Yên Đức tại thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, thị xã Đông Triều	323 ngày 20/02/2023	11.625	9.000	2.625	11.625	9.000				2.625
10	Cải tạo, nâng cấp cầu Đồng Dung và đường dẫn tại làng Đồng Dung, thôn Ba Xã, xã An Sinh	3844/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	4.905		4.905	5.000	-				5.000
11	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm thị xã Đông Triều	1861 ngày 27/12/2021	76.300		76.300	70.537	-				70.537
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 thôn Năm Giai đi ngã 3 Trung Lươg, xã Trảng Lươg	444/QĐ-UBND ngày 15/03/2024	4.469		4.469	4.700	-				4.700
13	Đường trung tâm thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 2747/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	404.451	100.000	304.451	182.595					182.595

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba đến sinh đến đến Thái (giao cắt với đường tỉnh 327 mới)	QĐ số 3090/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	11.928		11.928	12.000	-				12.000
15	Nhà hội trường xã Hồng Thái Tây	461/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	7.269		7.269	8.500	-				8.500
III.2	Dự án đang thực hiện Q.T.A-B	-	442.561	234.400	208.161	450.950	219.000	-	-	-	231.950
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ QL18 đến chùa Mỹ Cù phường Hưng Đạo	1554 ngày 28/6/2023	14.088		14.088	14.600	-				14.600
2	Nhà hội trường xã Yên Đức	445/QĐ-UBND ngày 20/03/2024	7.120		7.120	7.500	-				7.500
3	Nhà hội trường xã Hồng Thái Đông	460/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	6.131		6.131	7.150	-				7.150
4	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ	447/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	6.624		6.624	8.500	-				8.500
5	Dự án Đường từ ngã sáu Đức Chính vào Bình Khê. (Hạng mục: Tham nhưa, nâng cấp mương thoát nước, viên bó via doan từ ngã sáu Đức Chính đến đường trung tâm thị xã)	1770/QĐ-UBND ngày 08/10/2023 369/QĐ-BQLDA ngày 06/05/2024	39.941		39.941	41.000	-				41.000
6	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các trường học trên địa bàn thị xã (Cấp mầm non, tiểu học, THCS)	QĐ số 3331/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	11.429		11.429	12.000	-				12.000
7	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường THCS Yên Thọ	446/QĐ-UBND ngày 20/03/2024	12.216		12.216	14.000	-				14.000
8	Kè chống sạt lở tại xóm Chân Hò, thôn Thành Long xã An Sinh	QĐ số 3329/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.620		1.620	2.000	-				2.000
9	Trường mầm non Trảng An; Hạng mục: Xây 06 phòng học	502/QĐ-UBND ngày 28/03/2024	8.429		8.429	8.500	-				8.500
10	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường THCS An Sinh	458/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	12.828		12.828	13.000	-				13.000
11	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường THCS Trảng An	467/QĐ-UBND ngày 22/03/2024	11.563		11.563	12.000	-				12.000
12	Trường THCS Hồng Thái Tây; Hạng mục: Xây bổ sung 12 phòng học	1309/QĐ-UBND ngày 10/06/2024	11.754		11.754	11.800	-				11.800
13	Tuyến đường kết nối giữa QL18 với đường ven sông	2887/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 và QĐ ĐC 1273/QĐ-BQLDA ngày 27/11/2023	175.400	135.400	40.000	175.400	120.000				55.400
14	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè hai bên tuyến đường Lê Chân - Nguyễn Bình (đường QL18 cũ đoạn từ ngã 3 đường rẽ Cầu Triều đến cầu Cầm) và Đoạn từ ngã 4 Đồng Triều đến ngã 3 đường tránh 332 cũ + Đoạn đường tránh 332 cũ	2502/QĐ-UBND ngày 07/09/2023 và QĐ ĐC 1295/QĐ-BQLDA ngày 01/12/2023	110.000	99.000	11.000	110.000	99.000				11.000
15	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường Tiểu học An Sinh	472/QĐ-UBND ngày 22/03/2024	11.929		11.929	12.000	-				12.000
16	Nhà văn hóa thôn Đồng Đô, xã Bình Khê	QĐ số 3268/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.488		1.488	1.500	-				1.500
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		907.191	303.685	603.506	922.418	311.000	-	-	-	611.418
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán		247.365	84.000	163.365	242.533	84.000	-	-	-	158.533
1	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo - Hoàng Hoa Thám - Hoàng Văn Thụ (đường QL18 cũ đoạn từ ngã 3 đường tránh Mạo Khê đến đường sắt khu Thọ Trảng, Yên Thọ)	2501/QĐ-UBND ngày 07/09/2023 và QĐ ĐC 1296/QĐ-BQLDA ngày 01/12/2023	105.000	84.000	21.000	105.000	84.000				21.000
2	Khu dân cư Vĩnh Hòa (khu C), phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	1758/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	48.165		48.165	43.333	-				43.333
3	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm xen kẽ thôn Tân Thành, xã Bình Dương	1869 ngày 27/12/2021	70.800		70.800	70.800	-				70.800
4	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm phía Bắc trụ sở UBND phường Hưng Đạo	2729 ngày 27/12/2021	23.400		23.400	23.400	-				23.400
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025	-	573.929	219.685	354.244	593.385	227.000	-	-	-	366.385
1	Xây dựng môi trường THCS Hồng Thái Đông, tại xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều	629/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 (phê duyệt dự án ĐC) QĐ số 1098/QĐ-BQLDA ngày 18/11/2024 (PD TK triển khai sau TK cơ sở)	85.230	65.627	19.603	94.000	72.000				22.000
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học, THCS Yên Đức, tại xã Yên Đức, thị xã Đông Triều	3632/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 (Phê duyệt dự án), QĐ số 858/QĐ-BQLDA ngày 19/08/2024 (PD TK triển khai sau TK cơ sở)	46.775	42.098	4.678	46.775	43.000				3.775
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Nguyễn Huệ đoạn từ Công Đồng Ma đến hẻm nhà ông Đỗ Văn Thoa (trụ sở UBND xã Kênh Giang cũ) thôn 1 Văn Đông	2292/QĐ-UBND ngày 16/08/2024	4.893		4.893	5.000	-				5.000
4	Cải tạo, nâng cấp đường vào trại giam Hang Sơn, xã Hồng Thái Đông	QĐ số 2660/QĐ-UBND ngày 18/09/2024	14.357		14.357	14.500	-				14.500
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL18 đến nhà văn hóa khu Vĩnh Sơn, phường Mạo Khê	QĐ số 2603/QĐ-UBND ngày 30/08/2024	13.620		13.620	13.800	-				13.800
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên phường Xuân Sơn - Kim Sơn, đoạn từ trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên đến đường Nguyễn Văn Phụng	QĐ số 3247/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	14.835		14.835	15.000	-				15.000



STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
7	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường THCS Hưng Đạo	1313/QĐ-UBND ngày 11/06/2024	12.365		12.365	12.500	-				12.500
8	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Hoa Anh Đào	QĐ số 3184/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	8.237		8.237	8.500	-				8.500
9	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Bình Minh	QĐ số 3185/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	8.416		8.416	9.000	-				9.000
10	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Mao Khê A	QĐ số 3187/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	8.404		8.404	9.000	-				9.000
11	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường THCS Thụy An	QĐ số 3267/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	7.481		7.481	7.500	-				7.500
12	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường THCS Hoàng Quế	QĐ số 3183/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	7.489		7.489	7.500	-				7.500
13	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non An Sinh B	QĐ số 3264/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	3.585		3.585	3.600	-				3.600
14	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Vĩnh Khê	QĐ số 3325/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	11.993		11.993	12.000	-				12.000
15	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Yên Đức	QĐ số 3327/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	6.991		6.991	7.000	-				7.000
16	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường THCS Xuân Sơn	QĐ số 3328/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	9.838		9.838	10.000	-				10.000
17	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường TH và THCS Tân Việt	QĐ số 3958/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	13.410		13.410	14.500	-				14.500
18	Xây dựng kê chống sạt lở tại khu vực công viên vườn hoa cây xanh cầu Cẩm, tại phường Xuân Sơn	QĐ số 3941/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.788		1.788	2.000	-				2.000
19	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường tiểu học Hồng Thái Tây	QĐ số 3266/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	10.000		10.000	10.000	-				10.000
20	Cải tạo, mở rộng điểm nghĩa trang tại thôn Trại Mới A và thôn Trại Mới B, thôn Quán Vuông xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	562 ngày 19/2/2025	5.607		5.607	5.910	-				5.910
21	Nâng cấp cầu dân sinh vào xóm Trại Thuyền, thôn Địa Sen, xã An Sinh	QĐ số 3942/QĐ-UBND ngày 15/12/2024	7.162		7.162	7.500	-				7.500
22	Cải tạo tuyến đường từ ngã 3 đường rẽ chùa Quỳnh đến Đền An Sinh phường Đức Chính và xã Việt Dân (Xã Tân Việt Cũ), thành Phố Đông Triều	QĐ số 3267/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	69.999		69.999	70.000	-				70.000
23	Nâng cấp đường trần bên Vuông, xã Bình Khê	QĐ số 3940/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1.985		1.985	2.000	-				2.000
24	Trường Tiểu học Hoàng Quế	QĐ 3230 ngày 29/10/2024	20.722		20.722	21.000	-				21.000
25	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Bình Dương	3958/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	13.410		13.410	13.500	-				13.500
26	Hạ tầng đất tại định cư phục vụ dự án Doanh trại đóng quân của Trung đoàn BB2/Sư đoàn 395/Quân khu 3 tại thôn Trại Mới B, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	QĐ 2000 ngày 22/3/2025	19.374		19.374	23.000	-				23.000
27	Hạ tầng đất tại định cư phục vụ dự án Doanh trại đóng quân của Trung đoàn BB2/Sư đoàn 395/Quân khu 3 tại thôn Quán Vuông, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	QĐ 1999 ngày 22/3/2025	13.249		13.249	14.900	-				14.900
28	Đầu tư xây dựng cảnh quan khu vực Bình Lục Thượng, phường Hồng Phong	QĐ số 3947/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	4.488		4.488	5.000	-				5.000
29	Sửa chữa đập suối vàng, xã Bình Dương; Hạng mục: nâng cấp, cải tạo thân đập	QĐ số 3946/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	3.826		3.826	4.000	-				4.000
30	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ngã ba cầu măng đến ngã ba hồ Quán Vuông xã Bình Khê, thị xã Đông Triều	1558 ngày 24/6/2024	124.400	111.960	12.440	124.400	112.000				12.400
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025										
IV	Dự án đang hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025		85.896	-	85.896	86.500	-	-	-	-	86.500
1	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường Mầm non Hoa Phượng	4839/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	13.500		13.500	13.500	-				13.500
2	Đầu tư xây dựng nâng cấp trường mầm non Hồng Phong	3952 ngày 30/12/2024	14.467		14.467	14.500	-				14.500
3	Tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Cừ vào khu dân cư tại định cư Vĩnh Tuy 2, phường Mao Khê	4108 ngày 27/5/2025	5.903		5.903	6.000	-				6.000
4	Đầu tư xây dựng nâng cấp Trường Tiểu học Xuân Sơn	4837/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	13.500		13.500	13.500	-				13.500
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trục chính phường Thụy An (đoạn từ QL18 đến đường ven sông)	4788 ngày 06/6/2025	6.847		6.847	7.000	-				7.000
6	Đầu tư cây xanh vườn hoa phía nam trung tâm y tế thành phố	4400 ngày 04/6/2025	8.679		8.679	9.000	-				9.000
7	Công viên vườn hoa cây xanh hai bên Quang trường trung tâm thành phố Đông Triều tại phường Kim Sơn, phường Xuân Sơn	4838/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	23.000		23.000	23.000	-				23.000
C	Nhóm nhiệm vụ khác										
1	Hỗ trợ các xã, phường thực hiện các chương trình nông thôn mới, nâng cấp hạ tầng đô thị hàng năm					382.992	24.055	-	-	-	358.937
2	Thanh toán trả nợ quyết toán các công trình giai đoạn 2016-2020					315.492					315.492
3	Nhiệm vụ quy hoạch					56.559	24.055				32.504
4	Nhiệm vụ GPMB					2.604					2.604
						8.337					8.337

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	2	13	14=15+16	15	16	22=23+...+27	23	24	25	26	27
D	Nhóm dự án nằm trong Trung tâm nhưng không tiếp tục thực hiện	-	466.604	418.600	48.004	87.775	80.000	-	-	-	7.775
	Nhóm dự án tạm dừng thực hiện	-	466.604	418.600	48.004	87.775	80.000	-	-	-	7.775
1	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm dân cư phía Nam trại cũ giống xã Hồng Thái Tây	-	-	-	-	1.184	-	-	-	-	1.184
2	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm dân cư phía Nam trụ sở Công an phường Hưng Đạo	-	-	-	-	1.009	-	-	-	-	1.009
3	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm dân cư phía Bắc chợ xã Nguyễn Huệ (bên đường nối xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều sang xã Văn Đức, thành phố Chí Linh)	-	-	-	-	193	-	-	-	-	193
4	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm dân cư tại thôn Bình Sơn Tây, xã Bình Dương	-	-	-	-	854	-	-	-	-	854
5	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm phía Tây cụm công nghiệp Kim Sơn phường Kim Sơn	-	-	-	-	723	-	-	-	-	723
6	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm phía Nam đường sắt khu Vĩnh Sinh, phường Mạo Khê	-	-	-	-	501	-	-	-	-	501
7	Dự án GPMB và đầu tư hạ tầng đất dân cư Điểm dân cư phía Đông Nhà văn hóa Đoàn Xã 2, phường Hồng Phong (giáp ranh giới QH khu dân cư bìa hai bên đường nối QL18 ra tỉnh lộ 332)	-	-	-	-	305	-	-	-	-	305
8	Trụ sở làm việc công an xã Tân Việt	-	-	-	-	396	-	-	-	-	396
9	Trụ sở làm việc công an xã Nguyễn Huệ	-	-	-	-	342	-	-	-	-	342
10	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa nhận và trả kết quả hiện đại và các đoàn thể phường Yên Thọ	-	-	-	-	147	-	-	-	-	147
11	Khu liên cơ quan thuộc Trung tâm hành chính mới thị xã Đông Triều	1403/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 (Phê duyệt dự án)	465.107	418.600	46.507	82.032	80.000	-	-	-	2.032
12	Nhà văn hóa thôn Quán Vuông	QĐ số 3182/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1.497	-	1.497	88	-	-	-	-	88

PHỤ BIỂU 05

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG SỐ		3.712.065	2.835.742	306.700	0	192.190	0	2.336.852
A	Nhóm dự án hoàn thành		2.645.751	1.823.398	251.700	0	85.503	0	1.486.195
I	Dự án đã quyết toán, tắt toán		1.450.894	729.068	61.700	0	27.704	0	639.664
1	Cải tạo nâng cấp tuyến cống thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	6016/QĐ-UBND; 29/10/2019	4.212	395					395
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiến, thành phố Móng Cái	5057/QĐ-UBND; 18/9/19	14.696	2.139					2.139
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	5885/QĐ-UBND; 24/10/2019	11.956	1.590					1.590
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	6016/QĐ-UBND; 29/10/2019	8.996	1.150					1.150
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	6115/QĐ-UBND; 31/10/2019	5.027	1.093					1.093
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cái Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	6015/QĐ-UBND; 29/10/2019	12.971	5.300					5.300
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL)	140; 08/06/2017	173.334	72.529					72.529
8	Trường THCS Bình Ngọc	5163; 23/9/2019	37.082	10.000					10.000
9	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	4925; 10/9/2019	11.083	1.756					1.756
10	Chỉnh trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	4406; 30/10/2018	131.773	7.228					7.228
11	Mở rộng tuyến đường phố Thăng Lợi, phường Trần Phú	5461; 30/10/2018	6.705	800					800
12	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	5918; 28/10/2019	12.454	1.890					1.890
13	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	5381; 29/10/2018; 13285; 14/12/2022	18.852	8.530					8.530
14	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	5488; 31/10/2018	26.082	4.537					4.537
15	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hạng mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diễn tập thành phố Móng Cái)	5228a; 31/10/2017	10.000	4.310					4.310
16	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiến - Hồ Tràng Vĩnh đến trạm Biên phòng Pô Hên, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	81.016					81.016
17	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1951; 19/3/2021	663	263					263
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	4819; 31/11/2016	39.200	900					900
19	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long		368	29					29
20	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đồng, xã Vạn Ninh	70; 28/10/2019	1.605	147					147

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
21	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	74; 28/10/2019	1.918	272					272
22	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	4341; 23/12/2016	1.756	910					910
23	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	4339; 23/12/2016	3.299	2.140					2.140
24	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	4340; 23/12/2016	4.966	1.970					1.970
25	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	4342; 23/12/2016	10.780	3.930					3.930
26	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	5053; 16/9/2019	1.493	162					162
27	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	5178; 27/10/2017	13.044	454					454
28	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	3367; 18/10/2012	34.901	962					962
29	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	5062; 25/10/2017	14.117	87					87
30	Hồ chứa nước Cái Vĩnh xã Vĩnh Trung	6904; 26/12/2013	14.367	5.680					5.680
31	Chỉnh trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	4808; 31/10/2016	14.435	3.230					3.230
32	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	1704; 01/6/2005	54.238	736					736
33	San nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406	756					756
34	Đường giao thông nội khu Nam dài truyền hình, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	5355; 30/9/2019	791	114					114
35	Dự án sửa chữa điểm sạt lở đê thôn 8, xã Hải Xuân	14881; 06/12/2021	6.329	4.437					4.437
36	Sửa chữa, nâng cấp công đê biển thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	677					677
37	Kè chắn sóng đầu Đông núi Giò (từ cuối núi Giò đến giáp bến Hèn), xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	10102; 02/12/2022	14.118	12.954					12.954
38	Sửa chữa các ngầm tràn thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Péc Nà, xã Bắc Sơn	15236; 13/12/2021	2.245	2.123					2.123
39	Nâng cấp, sửa chữa các cống qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Lỗ, thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn	15237; 13/12/2021	2.958	2.791					2.791
40	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Châm, xã Vĩnh Trung	15238; 13/12/2021	14.311	13.473					13.473
41	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	9511; 09/11/2022	16.172	14.978					14.978
42	Thăm nhựa đường Đoàn Tĩnh, phường Hải Yên	9611; 12/11/2022	9.524	8.159					8.159
43	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	9640; 14/11/2022	3.545	3.354					3.354
44	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bổ sung phòng học trường THCS Hải Yên	9596; 04/12/2020	21.791	20.042					20.042
45	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	9447; 03/12/2020	24.434	23.290					23.290
46	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	7492; 30/09/2020	7.219	7.219					7.219

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
47	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng, Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1981; 16/03/2020	19.760	16.357					16.357
48	Xây khu hiệu bộ và bổ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	15223; 13/12/2021	25.983	24.763					24.763
49	Xây bổ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	15213; 13/12/2021	40.014	35.496					35.496
50	Xây dựng bổ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	15210; 13/12/2021	16.696	15.213					15.213
51	Biển tên khu du lịch quốc gia Trà Cỏ, Móng Cái, Quảng Ninh	9604; 04/12/2020	9.662	9.160					9.160
52	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	15221; 13/12/2021	5.094	4.746					4.746
53	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	15225; 13/12/2021	5.106	4.810					4.810
54	Đầu tư hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	15317; 15/12/2021	2.489	2.253					2.253
55	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngon Hải Đăng Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	9510; 08/11/2022	9.364	7.636					7.636
56	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	9989; 29/11/2022	9.857	6.234					6.234
57	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	9939; 25/11/2022	5.485	3.841					3.841
58	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	9615; 04/12/2020	1.492	1.410					1.410
59	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thoi Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	15235; 13/12/2021	4.149	3.697					3.697
60	Hạ tầng đất ở tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	10082; 02/12/2022	2.089	1.811					1.811
61	Xây dựng kho đạn hỏa lực thành phố Móng Cái	97; 20/5/2022	3.404	3.226					3.226
62	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	15230; 13/12/2021	8.812	8.225					8.225
63	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	15222; 13/12/2021	10.066	9.009					9.009
64	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	10071; 30/11/2022	9.346	8.736	8.100				636
65	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	10103; 02/12/2022; 3806; 13/7/2023	14.567	12.704	8.400				4.304
66	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	10072; 30/11/2022	9.072	8.097	7.900				197
67	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	10113; 05/12/2022	11.346	10.304	9.800				504
68	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	10114; 05/12/2022	11.344	9.657	8.500				1.157
69	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	2925; 26/5/2023	11.303	10.439	9.300				1.139
70	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	2926; 26/5/2023	11.808	10.509	9.700				809
71	Cải tạo nâng cấp các cống qua đường trên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	495; 03/12/2021	2.033	1.954					1.954
72	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	850; 27/01/2021	906	848					848

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
73	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	15229; 13/12/2021	7.083	6.622					6.622
74	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	10087; 02/12/2022	3.100	2.538					2.538
75	Cải tạo, sửa chữa khu vui chơi trẻ em thành điểm vui chơi phường Hòa Lạc	313; 10/12/2021	878	847					847
76	Xây dựng tuyến cống nước thải lô 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	482; 16/12/2021	803	748					748
77	Cải tạo, nâng cấp tuyến cống thoát nước tổ 8, khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	481; 16/12/2021	1.169	1.084					1.084
78	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	526; 19/12/2021	556	474					474
79	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	524; 19/12/2021	875	378					378
80	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	10074; 01/12/2022	3.400	3.052					3.052
81	Xây mới nhà văn hóa khu Trảng Lội; sửa chữa nhà văn hóa khu Trảng Vỹ, phường Trà Cỏ	16504; 31/12/2021	3.494	2.948					2.948
82	Cải tạo cống thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.049					2.049
83	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	622					622
84	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	10088; 02/12/2022	4.110	3.264					3.264
85	Xây mới nhà văn hóa khu phố 1, phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.561					3.561
86	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025			1.516					1.516
87	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục phủ, xã Bắc Sơn	9614; 04/12/2020	2.908	2.518					2.518
88	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Péc Nà, Phình Hồ và Thán Phún	157; 11/12/2020	696	410					410
89	Nâng cấp tuyến đường thôn Péc Nà, xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.081	1.802			208		1.594
90	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Péc Nà, xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	872	842			87		755
91	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Péc Nà, xã Bắc Sơn	208; 24/8/2021	376	341			105		236
92	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu dân cư thôn Phình Hồ, Thán Phún, Péc Nà	9662; 07/12/2020	4.007	3.569					3.569
93	Xây dựng Điểm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	156; 11/12/2020	449	410			85		325
94	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	54; 08/12/2020	838	779					779
95	Chính trang, mở rộng lề đường; xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	55; 08/12/2020	1.134	721					721
96	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	58; 08/12/2020	983	506					506
97	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm di tích văn hóa	57; 08/12/2020	724	671					671
98	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	56; 08/12/2020	701	519					519

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
99	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	9894; 11/12/2020	10.533	9.953					9.953
100	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	3168; 29/4/2022	5.929	5.201					5.201
101	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	788	679			132		547
102	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	797	771			94		677
103	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	14714; 02/12/2021	3.004	2.341			376		1.965
104	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	6.481					6.481
105	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thán Phún xã, xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.249					2.249
106	Chỉnh trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	10086; 02/12/2022	1.044	899					899
107	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.722	2.311					2.311
108	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.722	1.594					1.594
109	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	10084; 02/12/2022	2.263	3.978					3.978
110	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thục	3166; 29/4/2022	4.530	3.405					3.405
111	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thục	10085; 02/12/2022	2.008	1.696					1.696
112	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.626					1.626
113	Xây mới kênh Mã Thầu Sán thôn Thán Phún Xã, xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.176					2.176
114	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.614					4.614
115	Xây mới kênh tưới thôn Péc Nà, xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.452					1.452
116	Xây mới kênh tưới thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.871					1.871
117	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.114					2.114
118	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	8949; 12/11/2020	492	480					480
119	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	8837; 09/11/2020	473	470					470
120	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	5371; 08/7/2021	486	446					446
121	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	3648; 17/5/2021	2.746	2.689					2.689
122	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	3648; 17/5/2021	1.150	1.073					1.073
123	Đề án Phát triển sản phẩm OCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	3648; 17/5/2021	442	441					441
124	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	3648; 17/5/2021	935	933					933
125	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	8950; 12/11/2020	347	340					340

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
126	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình thu gom, bãi đỗ thải tại phường Hải Yên và xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	5541; 28/9/2023; 836; 08/3/2024	442	442					442
127	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Sơn	15294; 14/12/2021	509	107					107
128	Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn	15294; 14/12/2021	516	108					108
129	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Tiến	15295; 14/12/2021	530	110					110
130	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghĩa	15296; 14/12/2021	484	102					102
131	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Đông	15297; 14/12/2021	502	107					107
132	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	3535; 29/6/2023	267	66					66
133	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công viên phía đông sông Ka Long, thành phố Móng Cái	1698; 28/3/2023	485	138					138
134	Sửa chữa, xây mới mương tưới đập Giếng Cối, Ván Sín thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thục	2001; 04/4/2023	3.013	2.543			2.528		15
135	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	2000; 04/4/2023	4.043	3.668					3.668
136	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công chào thôn 5, xã Hải Đông	2006; 04/4/2023	5.093	4.475			4.475		-
137	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	2005; 04/4/2023	1.951	1.661			910		751
138	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	2003; 04/4/2023	692	646			643		3
139	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	2002; 04/4/2023	4.163	4.000					4.000
140	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1943; 03/4/2023	911	821			821		
141	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1944; 03/4/2023	2.356	2.153			2.153		
142	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trạm khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1945; 03/4/2023	2.103	2.002			1.964		38
143	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1946; 03/4/2023	2.350	1.818			1.818		
144	Sửa chữa ngầm tràn Péc Nà II, xã Bắc Sơn	1951; 03/4/2023	2.530	2.283			2.283		
145	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Péc Nà và thôn Thán Phún xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1952; 03/4/2023	3.271	2.900			342		2.558
146	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1998; 04/4/2023	2.565	2.365			1.700		665
147	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1999; 04/4/2023	1.773	1.580			1.566		14
148	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1973; 04/4/2023	2.638	2.400					2.400
149	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1949; 03/4/2023	1.305	1.016			330		686
150	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1944; 03/4/2023	2.356	2.089			500		1.589

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
151	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1950; 03/4/2023	2.354	2.119			500		1.619
152	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Đồi Tây thôn Đò Hèn và xóm 26 hộ thôn Thán Phún xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	2103; 07/4/2023	1.728	1.620					1.620
153	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1948; 03/4/2023	2.156	1.882			1.633		249
154	Xây dựng mới tuyến đường kéo dài xóm 26 hộ thôn Thán Phún Xã, xã Hải Sơn	6830; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	540	444			410		34
155	Xây mới tuyến đường kéo dài thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	6832; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	1.102	823			752		71
156	Xây rãnh thoát nước tuyến đường bên cá thôn Đông, xã Vạn Ninh	6827; 04/12/2023	1.469	1.246			290		956
157	Làm rãnh thoát nước 2 bên đường tuyến đường xí nghiệp thôn Bắc, xã Vạn Ninh	6828; 04/12/2023	3.236	2.953			600		2.353
158	Xây rãnh thoát nước từ tuyến đường Trục Chính xã đến Nhà văn hóa thôn Bắc, xã Vạn Ninh	6829; 04/12/2023	2.015	1.670			400		1.270
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán		68.250	67.267	0	0	20.476	0	46.791
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu A5 thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1061; 08/4/2021		900					900
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu A6 thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	8144; 27/9/2022		3.628					3.628
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thực, thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	736; 10/3/2021		1.850					1.850
4	Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	4441; 26/8/2024		232					232
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu Máng đến khu Lò Mắm cũ, xã Hải Xuân	6844; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	4.129	3.837			3.500		337
6	Xây mới Nhà văn hóa thôn 6 xã Hải Tiến	6808; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	3.080	2.820			2.600		220
7	Xây mới Nhà văn hóa thôn 8 xã Hải Tiến	6809; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.601	2.349			2.200		149
8	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	3661; 04/7/2023	4.061	4.000					4.000
9	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa	6807; 04/12/2023	4.725	4.161					4.161
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2040	5350; 07/7/2021	1.259	1.175					1.175
11	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa	2883; 26/6/2024	4.815	4.049					4.049
12	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa	2638; 18/6/2024	4.741	4.511					4.511
13	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ	6855; 04/12/2023	9.655	8.709					8.709
14	Xây mới công ngăn mặn, thoát lũ thôn 2 xã Hải Tiến	6810; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.675	2.418			2.110		308
15	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	856; 12/3/2024	4.695	4.286					4.286
16	Xây mới nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS Vĩnh Trung	979; 20/3/2024	5.912	4.976			3.308		1.668

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
17	Xây dựng nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	5576; 24/10/2024	4.026	3.693			1.208		2.485
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đi Bến cá Trần Hưng Đạo, thôn Trung, xã Vạn Ninh	6826; 04/12/2023	4.260	3.872			850		3.022
19	Xây mới nhà văn hóa thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	6878; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	3.317	3.041			2.700		341
20	Trạm điện phục vụ vùng sản xuất tập trung thôn Trung, xã Vạn Ninh	73; 28/10/2019	1.921	637					637
21	Xây mới nhà văn hóa thôn 1 Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	6816; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.379	2.123			2.000		123
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		1.126.607	1.027.063	190.000	0	37.323	0	799.740
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	120; 09/6/2021; 233; 29/12/2023	42.953	42.250					42.250
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thục (giai đoạn I)	6815; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	4.580	4.460			3.500		960
3	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	15215; 13/12/2021	27.900	25.110					25.110
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Pò Hên, xã Hải Sơn	6831; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	3.037	3.010			2.620		390
5	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lồ, phường Trà Cỏ	6857; 04/12/2023	7.311	7.800					7.800
6	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu treo qua xóm núi) xã Quảng Nghĩa	6845; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.050	1.998			1.550		448
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông	6852; 04/12/2023	8.206	9.800					9.800
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến cổng chào thôn 4, xã Quảng Nghĩa	6856; 04/12/2023	9.486	9.200					9.200
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	6853; 04/12/2023	10.238	11.000					11.000
10	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu treo qua xóm Hoàng Thái) xã Quảng Nghĩa	6879; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	1.829	1.780			1.450		330
11	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	10304; 21/12/2020	153.537	138.180					138.180
12	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyến đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	83.660					83.660
13	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	696; 27/02/2024	3.526	3.225					3.225
14	Đầu tư xây dựng, nâng cấp trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	4811; 08/7/2022; 5694; 20/9/2024	200.000	200.000	190.000				10.000
15	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị vành đai 2-3 (khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	323; 25/1/17	5.733	3.500					3.500
16	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	4337; 23/12/16	12.046	6.000					6.000
17	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc(khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	4399; 27/12/16	6.216	4.000					4.000

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
18	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	322; 25/1/17	917	900					900
19	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	346; 25/1/17	1.480	900					900
20	Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	1799; 06/3/2020	31.213	28.090					28.090
21	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1942; 03/4/2023	4.961	4.961			4.961		
22	Làm mới công đôi đê Hàn, xã Vĩnh Trung	15239; 13/12/2021	3.261	2.935					2.935
23	Xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hải Xuân thành phố Móng Cái	15227; 13/12/2021	17.400	16.260					16.260
24	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vĩnh Trung	15234; 13/12/2021	20.395	19.860					19.860
25	Xây dựng bổ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành khu hiệu bộ trường THCS Hòa Lạc	15224; 13/12/2021	25.098	24.000					24.000
26	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	857; 12/3/2024	2.879	2.800					2.800
27	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 335 đến đường rẽ chùa Xuân Lan, xã Hải Xuân	6843; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	5.090	5.090			4.400		690
28	Trường mầm non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	6112; 31/10/2019; 4660; 28/6/2022	27.020	23.120					23.120
29	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	4998; 01/10/2019	59.931	25.000					25.000
30	Nâng cấp đường giao thông ngõ, xóm xã Hải Đông năm 2024	6822; 04/12/2023	1.940	1.892			1.522		370
31	Xây mới nhà văn hóa thôn 7, xã Hải Đông	6823; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.373	2.232			1.900		332
32	Xây mới nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Đông	6825; 04/12/2023; 5602; 25/10/2024	2.367	2.316			1.900		416
33	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng khu chế biến thực phẩm, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung thành phố Móng Cái	1486; 19/4/2024	363	360					360
34	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (quy đất thu hồi của Công ty Cao su)	8946; 12/11/2020	49	45					45
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	8940; 12/11/2020	108	100					100
36	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý rác và bãi chôn lấp rác thải tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	837; 08/3/2024	1.040	1.040					1.040
37	Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu hợp tác kinh tế (Khu A3) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	2625; 14/6/2024	189	185					185
38	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khi đô thị tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	7898; 29/12/2023	1.129	1.100					1.100
39	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 một số điểm quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, phường	2757; 21/6/2024	400	400					400
40	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bắc đại lộ Hoà Bình, phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	2857; 26/6/2024	1.077	1.070					1.070
41	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường bắn, thao trường huấn luyện tổng hợp lực lượng vũ trang thành phố Móng Cái	19; 20/02/2023; 235; 29/12/2023	1.289	882					882

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
42	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1785; 26/4/2024	154	150					150
43	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1786; 26/4/2024	164	160					160
44	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1787; 26/4/2024	170	165					165
45	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1788; 26/4/2024	170	165					165
46	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1789; 26/4/2024	148	145					145
47	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, xã Vĩnh Thục	6284; 29/11/2024	6.023	5.900			5.150		750
48	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 1, xã Hải Tiến	5816; 01/11/2024	1.426	1.410			1.220		190
49	Xây dựng Trường mầm non Hải Yên giai đoạn 2	4407; 14/8/2023	5.274	7.100					7.100
50	Hạ tầng khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	10303; 21/12/2020	170.250	153.230					153.230
51	Hạ tầng khu tái định cư phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	9563; 03/12/2020; 6936; 08/12/2023	109.707	106.307					106.307
52	Xây dựng tuyến đường công vụ để Hồ Viêt và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ để Hồ Viêt đến nhà văn hoá thôn 8, xã Hải Xuân	6329; 02/12/2024	8.400	8.200			7.150		1.050
53	Sửa chữa, nâng cấp để từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến miếu Tàu phường Ninh Dương, TP Móng Cái	2122; 20/3/2020	25.301	22.770					22.770
54	Xây dựng tuyến cống thoát nước tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	5842; 01/11/2024	808	850					850
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		1.046.316	941.144	55.000	0	96.637	0	789.507
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán		181.869	82.100	0	0	0	0	82.100
1	Hạ tầng khu dân cư bắc đại lộ Hòa Bình, thành phố Móng Cái	3646; 08/01/2018	175.558	76.100					76.100
2	Thảm nhựa các tuyến đường khu Thọ Xuân và khu Hòa Bình, phường Hòa Lạc	5896; 08/11/2024	6.311	6.000					6.000
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025		851.411	854.044	55.000	-	96.637	-	702.407
1	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đảo Phúc Lộc, phường Trần Phú	4454; 15/8/2023; 4513; 19/8/2024	37.489	36.300	15.000				21.300
2	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường tiểu học Hải Tiến	980; 20/3/2024; 5602; 25/10/2024	44.786	44.500			30.878		13.622
3	Xây mới Khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng trường THCS Hải Xuân	981; 20/3/2024; 5602; 25/10/2024	55.216	55.000			44.514		10.486
4	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên, thành phố Móng cái	9598; 04/12/2020	67.267	60.540					60.540
5	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	9599; 04/12/2020	108.512	97.660					97.660

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
6	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	15226; 13/12/2021	6.233	5.790					5.790
7	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	15228; 13/12/2021	25.235	22.710					22.710
7	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	10302; 21/12/2020 - 8076; 26/9/2022; 1832; 29/4/2025	131.303	117.391					117.391
8	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	10301; 21/12/2020; 7020; 13/12/2023; 1831; 29/4/2025	193.180	263.860					263.860
9	Khu tái định cư Cửa Điện, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	15214; 13/12/2021	18.180	16.360					16.360
10	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1694; 23/4/2024	101.475	88.000	40.000				48.000
12	Xây mới nhà đa năng trường tiểu học Hải Đông	6327; 02/12/2024	4.799	4.740			4.040		700
14	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ quốc lộ 18A đến đò ông Ngộ thôn 10 xã Hải Đông	6118; 19/11/2024	4.691	4.600			3.900		700
15	Xây mới, sửa chữa kênh mương phục vụ sản xuất trên địa bàn xã Hải Đông	6171; 22/11/2024	4.004	3.870			3.320		550
16	Đường giao thông nông thôn liên thôn 3, thôn 5, thôn 9, xã Hải Đông	6283; 29/11/2024	7.526	7.200			6.300		900
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba thôn Trung đi thôn Nam xã Vạn Ninh	6117; 19/11/2024	4.346	4.235			3.685		550
18	Nạo vét sông Mẩn Thị, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mẩn Thị) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	14847; 03/12/2021	29.856	14.288					14.288
I	Cải tạo, nâng cấp đường từ đình Vạn Ninh đến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	903; 31/3/2025	7.313	7.000					7.000
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025		13.035	5.000	-	-	-	-	5.000
I	Xây dựng mới cầu ngầm trên đường 4B (cầu 17 nhịp cũ) phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	2017; 13/5/2025	13.035	5.000					5.000
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025		-	-	-	-	-	-	-
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện		1.086	52.200	-	-	-	-	52.200
I	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 chợ phường Hải Yên tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	607; 22/02/2024	167	-					-

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
2	Xây mới khối nhà học bộ môn Trường THPTCS Hải Sơn	889; 28/3/2025		16.000					16.000
3	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Đoàn Tinh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Trảng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	NQ 177; 14/11/2023		15.000					15.000
4	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	NQ 200; 28/3/2024		20.000					20.000
5	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	10082; 02/12/2022	919	1.200					1.200
D	Dự án đã được bố trí KHV đang tạm dừng do sắp xếp đơn vị hành chính	-	18.913	19.000	-	-	10.050	-	8.950
1	Xây mới nhà văn hoá thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	6170; 21/11/2024	2.995	2.930			2.580		350
2	Xây mới nhà văn hoá thôn 3 xã Quảng Nghĩa	5949; 11/11/2024	3.067	2.970			2.620		350
3	Xây mới nhà văn hoá thôn 3A, xã Hải Tiến	5953; 12/11/2024	3.204	3.100			2.400		700
4	Xây mới nhà văn hoá thôn 3B, xã Hải Tiến	6094; 15/11/2024	3.101	3.000			2.450		550
5	Xây mới nhà văn hóa khu Hòa Bình, phường Ninh Dương	6253; 29/11/2024	3.759	4.350					4.350
6	Nâng cấp hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông trên địa bàn thành phố Móng Cái	6298; 29/11/2024	2.787	2.650					2.650

PHỤ BIỂU 06

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA HUYỆN BA CHÈ
CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	Tổng cộng (A+B+C)		2.571.845	2.412.870	586.182	721.124	743.530	271.400	90.634
A	Nhóm dự án hoàn thành		2.848.058	2.063.554	551.182	587.979	710.410	132.767	81.216
I	Dự án đã quyết toán, tất toán		1.518.558	856.192	198.274	217.551	379.784	0	60.584
1	Đường Cái Gian - Cửa Cái xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ (GD 1+ GD2)	4167-18/12/2019; 2612-31/12/2013	87.616	8.044	8.044				
2	Đường Nam Hà - Cái Gian - Sơn Hải (giai đoạn 2) xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	3957-19/9/2011; 177a-27/02/2012	45.703	9.000	9.000				
3	Cầu Thác Mẹt xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ	3727-23/11/2009	30.490	2.000	2.000				
4	Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân tộc Dao và các công trình phụ trợ tại thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	2448/QĐ-UBND 30/9/2019 1172/QĐ-UBND 11/6/2020	13.702	9.252	9.252				
5	Cải tạo nhà học 2 tầng gồm 10 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường THCS thị trấn	3122- 04/10/2011	5.319	3.544		3.544			
6	Cải tạo tuyến đường tránh lũ thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	số 4413/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	32.010	7.989	4.578	2.637			774
7	Nâng cấp một số ngàm tràn trên Đường tỉnh 330, huyện Ba Chẽ	số 3233/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	79.000	37.400	37.400				
8	Dự án cấp nước sinh hoạt, sản xuất tập trung cho 04 xã vùng cao (xã Lương Móng, Minh Cẩm, Đập Thanh, Thanh Lâm) huyện Ba Chẽ	4536-28/10/2019	120.000	89.052	58.000	31.052			
9	Nhà học bộ môn, nhà hiệu bộ, nhà công vụ, trường THCS thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	1909- 14/12/2009	6.151	1.132		1.132			
10	Trụ sở Đảng ủy HĐND & UBND Thị trấn Ba Chẽ	2377/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.739	1.935		940			996
11	Đường sông Quánh (Minh Cẩm) đi Tỉnh lộ 342 (xã Đập Thanh), huyện Ba Chẽ - Hạng mục: Mặt đường bê tông	số 2352/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	5.339	844		844			
12	Xây rãnh thoát nước dọc tuyến đường từ Lang Cang đến Khe Dục 13km, xã Đôn Đạc + Đập Thanh	số 2494/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.496	883		883			
13	Cấp nước sinh hoạt thôn Cái Gian, Sơn Hải và Bằng Lau xã Nam Sơn	2440-25/10/2018	4.377	266		266			
14	Đường sông Quánh (xã Minh Cẩm) đi tỉnh lộ 342 (xã Đập Thanh), huyện Ba Chẽ	số 2338/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	14.841	5.302		5.302			
15	Đường bê tông nội thôn Khe Ấng, xã Minh Cẩm	2414-23/10/2018	971	36		36			
16	Đường ngõ xóm thôn Khe Giấy gắn với đường vào khu sản xuất xã Lương Móng.	2155a-20/9/2017	492	50		50			
17	Đường ngõ xóm thôn Đồng Cầu vào nhóm hộ Triệu Hoàng, Triệu Hồng, Lý Giếng, Lý Năm, Triệu Báo.	2193a-26/9/2017	271	56		56			
18	Đường ngõ xóm thôn Đồng Cầu gắn với đường vào khu sản xuất từ nhà Lý Thông đến nhà Triệu Viên.	2153a-25/9/2017	287	77		77			
19	Kênh tiêu cánh đồng Đồng Cầu	2424-31/10/2017	856	168		168			
20	Đường vào Khu dân cư mới Khe Nà	2319-23/10/2018	913	60		60			
21	Xây dựng tường rào trường tiểu học, mầm non xã Minh Cẩm	2441-23/10/2018	2.257	40		40			
22	Đường liên xã Đồng Tán (Minh Cẩm) – Giáp Khe Khây (Đập Thanh), huyện Ba Chẽ giai đoạn 1 - Hạng mục: 02 tràn + Đường dẫn	số 2356/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	10.074	2.097		2.097			
23	Cấp phối đường nội thôn Khe Mầu - Khe Lầy, xã Đập Thanh	số 1971/QĐ-UBND ngày 20/9/2018	5.564	2.795		2.795			
24	Đường trục thôn Thác Lào - Khe Pút ngoài + Ngàm tràn, xã Thanh Sơn	2394/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 688a/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	14.906	566		566			
25	Chỉnh trang đô thị huyện Ba Chẽ	3216-13/10/11- 414-26/02/2016	86.908	9.349		5.091			4.258

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
26	Đường nội thôn từ nhà Bàn Thị Phương vào nhà Triệu Cẩm Phúc thôn Nà Báp, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	102-30/10/2019	419	209			192		17
27	Đập mương Khe Mươi thôn Làng Mỏ, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	129-28/09/2020	546	185			170		15
28	Mương Làng Han kéo dài, thôn Làng Han, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	130-28/9/2020	290	104			96		8
29	Cải tạo nâng cấp sân vận động trung tâm hành chính xã Thanh Sơn	105a-27/10/2019	614	258			236		22
30	Đường giao thông vào nhà các hộ dân thôn Khe Pút Trong, xã Thanh Sơn, Huyện Ba Chẽ	30a-20/02/2020	493	243			238		5
31	Đường nội thôn Khe Lọng Trong, xã Thanh Sơn	86-15/9/2020	668	257			236		21
32	Via hè, rãnh thoát nước từ sân vận động đến Tỉnh lộ 330	88a-22/10/2020	364	228			210		18
33	Đầu tư xây dựng công trào xã Lương Mông	102b-28/9/2020	241	220			83		137
34	Cổng trào thôn văn hóa Khe Giấy	103b-29/9/2020	87	87			87		
35	Cổng trào thôn văn hóa Khe Nà	104b-29/9/2020	87	87			87		
36	Cổng, tường rào nhà văn hóa thôn Khe Giấy	107b-07/10/2020	52	52			52		
37	Cổng nhà văn hóa thôn Xóm Mới	108b-07/10/2020	13	13			13		
38	Cổng, nhà văn hóa thôn Đồng Giảng A	109b-07/10/2020	13	12			12		
39	Cổng, tường rào nhà văn hóa thôn Đồng Giảng B	111b-09/10/2020	20	20			20		
40	Cổng, tường rào nhà văn hóa thôn Đồng Cầu	112b-9/10/2020	29	29			29		
41	Cổng, tường rào nhà văn hóa thôn Khe Nà	113b-09/10/2020	46	46			46		
42	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường nội thôn từ nhà ông Hoàng Văn Quỳnh đến nhà ông Vi Văn Cảnh thôn Xóm Mới	105-05/10/2020	736	219			219		
43	Biển các tuyến đường	115-12/10/2020	18	17			17		
44	Đường, rãnh Trạm y tế thôn Bắc Xa, xã Đập Thanh	42a-28/10/2019	180	23			23		
45	Đường mương Nà Hoa giai đoạn 2 thôn Bắc Tập, xã Đập Thanh	44a-28/10/2019	628	49			49		
46	Đường trục thôn Đồng Doong - Khơi Pam, xã Minh Cẩm, huyện Ba Chẽ	100b-30/10/2018	916	139			139		
47	Hệ thống lọc nước phục vụ sinh hoạt thôn Khe Áng, xã Minh Cẩm	81-26/10/2019	1.072	111			111		
48	Hệ thống lọc nước phục vụ sinh hoạt thôn Đồng Tán, xã Minh Cẩm	80-26/10/2019	1.117	154			154		
49	Đầu nối rãnh thoát nước thải tại khu trung tâm thôn Đồng Doong, xã Minh Cẩm	93a-30/10/2019	806	458			458		
50	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ba Chẽ, hạng mục: Cải tạo nhà văn hóa phục vụ đại hội Đảng bộ huyện Ba Chẽ	2473/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	8.638	1.605					1.605
51	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Miếu Ông, Miếu Bà xã Nam Sơn	2532a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.735	2.050					2.050
52	Nắn dòng chảy chống sạt lở khu dân cư trung tâm xã Lương Mông	1957-17/9/2018	7.340	2.503					2.503
53	Nhà văn hóa các dân tộc xã Lương Mông	1303-22/6/2018	3.380	775					775
54	Hội trường + Trụ sở làm việc Công an xã Đồn Đạc	2531a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.237	1.965					1.965
55	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ thôn Khe Nà xã Thanh Sơn đi đường tỉnh 342 xã Đập Thanh	2315a 23/10/17	14.086	137					137
56	Xây mới đập, đường ống dẫn nước (công trình thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt Khe Gia phục vụ 6 thôn và các khu hành chính của xã)	2525-30/10/2018	14.998	2.770					2.770
57	Doanh trại Ban CHQS huyện Ba Chẽ/Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh	4094/QĐ-BQP-24/10/2013	25.000	1.922					1.922
58	Trung tâm hành chính xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ. Hạng mục: San nền lô NO1-NO2	08a-28/2/2019	873	123					123
59	San nền khu dân cư tự xây khu 4 thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	2724-30/12/2018	1.507	198					198
60	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu dân cư kết hợp đường ra khu sản xuất Aki, thôn Nam Kim, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	2489/QĐ-UBND 30/9/2019	2.536	454					454

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
61	Đường trục thôn Nà Bắp, xã Đồn Đạc. Hạng mục: Mật đường bê tông.	2492/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 2727/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	1.905	23					23
62	Trường PTDT bán trú TH, THCS Đồn Đạc II	2784/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 2070/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	3.157	134					134
63	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu dân cư kết hợp ra khu sản xuất Khe Vai thôn Tàu Tiên, xã Đồn Đạc. Hạng mục: Mật đường bê tông	2490/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	1.201	122					122
64	Đường ra khu sản xuất nhánh Lang Cang ngoài, nhà Tắc Phá vào nhà Chiu Di Thanh, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ. Hạng mục: Mật đường bê tông	số 2694/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	1.717	25					25
65	San gạt mặt bằng khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Đồn Đạc	2274b-16/10/2017	991	963					963
66	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Đường công vụ kết hợp đường trục chính vào khu xử lý nước thải (đoạn KM0-KM0+200)	QĐ 891 ngày 27/4/2020	1.147	93					93
67	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Nhà bảo vệ, đường gom dọc TL 329	QĐ 892 ngày 27/4/2020	1.183	92					92
68	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Vĩa hè, cây xanh, công chính, tường rào, điện chiếu sáng	QĐ 3500 ngày 31/12/2018	3.565	109					109
69	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Đường giao thông nội bộ nhánh I	QĐ 3956 ngày 25/10/2022	6.274	921					921
70	Khu xử lý nước thải Cụm công nghiệp chế biến lâm, nông sản xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	1919-22/10/2014	38.370	7.874					7.874
71	Chợ trung tâm huyện Ba Chẽ, hạng mục: Giải phóng mặt bằng.	4633-31/10/2019	6.420	215					215
72	Đường giao thông Ba Chẽ - Hạ Long	1506-12/4/2019	165.000	122.975	70.000	52.975			
73	Khu trung tâm hành chính và khu dân cư tự xây xã Thanh Sơn. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật khu B	105a-27/10/2019	1.145	290		290			
74	San nền lô N03-N016 thuộc quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	3813-31/12/2019; 75a-8/9/2020	1.255	1.167		700			467
75	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư tự xây Khu 4, thị trấn Ba Chẽ	2738/QĐ-UBND ngày 22/10/2019; 135/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	3.911	1.761		1.761			
76	Chợ trung tâm huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	4633/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 3847/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	68.110	16.185		15.000			1.185
77	Bê tông đường ra khu sản xuất (15 tuyến); Tuyến Nam Kim Ngón, thôn Nước Đứng, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	2491/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	5.513	234					234
78	Đường Nà Làng (xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ) - Khe Phương (xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long)	248/QĐ-UBND ngày 23/02/2021	27.000	25.580		22.596			2.984
79	Cải tạo, nâng cấp cầu trần Thác Hoen, xã Minh Cầm, huyện Ba Chẽ	3427/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	7.864	7.864			7.864		
80	Đập, đường ống nước tưới Tái Lò thôn Nà Làng, xã Đồn Đạc	81-05/5/2021	1.089,4	1.074			995		79
81	Đường Đặng Văn Sinh - Đặng Dấu Thuận thôn Nà Làng, xã Đồn Đạc	82-05/5/2021	737,5	721			669		52
82	Đập mương Nà Phúc thôn Tân Tiến, Xã Đồn Đạc	83-05/5/2021	801,5	784			730		54
83	Mương tưới Khe Oặc thôn Làng Mỏ, xã Đồn Đạc	84-05/5/2021	425,8	414			385		29
84	Đập mương Khe Mươi, xã Đồn Đạc	85-05/5/2021	438,0	430			399		31
85	Đường ống nước tưới thôn Nam Kim, xã Đồn Đạc	86-05/5/2021	242,7	237			220		17
86	Các tuyến đường ngõ xóm, xã Đồn Đạc	86a-05/5/2021	791,0	468			437		31
87	Đập, mương Dấu Rồng, thôn Lang Cang, xã Đồn Đạc	155-16/7/2021	489,5	482			384		98

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
88	Đập, nương Văn Thông, thôn Tân Tiến, xã Đồn Đạc	156-16/7/2021	909,8	873			765		108
89	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Làng Công, xã Đồn Đạc	157-17/7/2021	312,6	295			212		83
90	Tuyến đường nội đồng thôn Khe Pút Trông, xã Thanh Sơn	89-14/5/2021	336,5	322			302		20
91	Tuyến đường nội thôn Khe Nà xã Thanh Sơn (Khu Sinh Phát)	91-14/5/2021	1.086,6	1.043			965		78
92	Đường nương cánh đồng Hoàng Bình thôn Khe Pút Trông xã Thanh Sơn	95-14/5/2021	330,9	317			293		24
93	Tuyến đường sang nhà văn hóa, kết hợp công thôn Khe Lọng Ngoài xã Thanh Sơn	92-14/5/2021	977,7	940			873		67
94	Cổng qua suối nối từ trục thôn Bắc Văn sang khu dân cư Bắc Văn xã Thanh Sơn	94-14/5/2021	671,8	660			612		48
95	Đường nội đồng thôn Bắc Văn, xã Thanh Sơn	90-14/5/2021	346,0	335			310		25
96	Cải tạo mặt sân, bục khán đài sân vận động trung tâm hành chính xã Thanh Sơn	93-14/5/2021	684,9	661			614		47
97	Cải tạo sân trụ sở UBND xã Thanh Sơn	88-14/5/2021	910,6	896			829		67
98	Xây lắp công trào cho 08 thôn xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	138a-20/8/2021	496,1	468			391		77
99	Tường rào, sân bê tông nhà văn hóa thôn Khe Lọng Ngoài, xã Thanh Sơn	129-12/8/2021	482,7	463			430		33
100	Mương tưới tiêu Nà Cái, thôn Đồng Quánh, xã Minh Cẩm	82a-08/11/2021	434,1	406			350		56
101	Đường sản xuất cánh Đồng Trạng thôn Khe Ấng, xã Minh Cẩm	84a-09/11/2021	817,3	786			491		295
102	Cổng thôn Đồng Quánh, biên địa danh thôn Đồng Doong, biên địa danh thôn Đồng Tấn	83a-08/11/2021	142,2	136			110		26
103	Rãnh thoát nước sau khu dân cư quy hoạch (lô N04-N06, N010-N011) xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	120-24/12/2020	1.154,5	1.018			178		840
104	Khu trung tâm hành chính và khu dân cư tự xây xã Thanh Sơn. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật khu B - giai đoạn 2	117-24/12/2020 (xã)	1.081,0	1.073					1.073
105	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm thôn Khe Tâm, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ.	4405/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1005/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	3.962,0	3.863		3.863			
106	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm thôn Tân Tiến, thôn Làng Mỏ, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	4429-02/12/2021; 1003-23/3/2022	8.940,0	8.517		8.517			
107	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm thôn Đồng Loóng; Pha Lán, Khe Nháng, Làng Dạ, xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ	4420/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; 1019/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	5.410,0	5.246		5.200			46
108	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm hành chính xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	4430/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 1018/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	6.703,0	6.324		6.324			
109	Rãnh thoát nước Lô N01 - N02 thuộc Quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính xã Đập Thanh	224-26/11/2021	1.087,7	1.028					1.028
110	Nâng cấp cải tạo đường nội thôn Hồng Tiến xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	223-26/11/2021	1.083,2	1.055					1.055
111	Các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định	Số 891/QĐ-ĐTXD ngày 10/8/2022	2.018,3	2.000			2.000		
112	Cải tạo đường nối QL18 đến trung tâm thị trấn Ba Chẽ	4492/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	81.000,0	79.218			79.218		
113	Trường Tiểu học Đập Thanh - Điểm trường Bắc Tập, xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	4318/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 4828/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.174,0	4.113			4.000		113
114	Cải tạo, nâng cấp đường điện chiếu sáng tuyến đường tránh lũ thị trấn Ba Chẽ	3962/QĐ-UBND 25/10/2021	4.992,6	4.275					4.275
115	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm hành chính xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	4406/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	5.678,6	5.500					5.500

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
116	Nâng cấp nước sinh hoạt Khe Lâm phục vụ các thôn: Khe Mầu, Làng Công, Nà Bắp, Làng Cang, xã Đồn Đạc	số 4458/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	14.236,6	14.172			14.172		
117	Hệ thống trạm xử lý nước sạch Hồ chứa nước Khe Muối phục vụ phục vụ nước sinh hoạt các xã Đồn Đạc, Nam Sơn và cụm công nghiệp Nam Sơn, huyện Ba Chẽ.	4419/QĐ-UBND 01/12/2021 3509/QĐ-UBND 20/9/2022	14.926,4	14.600			14.600		
118	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	4457/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 1004/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	13.713,7	13.279			13.279		
119	Cung cấp nước sạch sinh hoạt thôn Khe Lọng Ngoài, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	4263/QĐ-UBND 18/11/2022 1866/QĐ-UBND 12/4/2023	6.229,6	3.026					3.026
120	Nhà văn hóa Khu 3A, thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	1658-10/5/2022	1.893,0	600					600
121	Nâng cấp chống ngập lụt tuyến đường từ ĐT330 - ĐT342 - Đồng Dầm (Đập Thanh) - Khe Nà (Thanh Sơn) - Làng Cang (Đồn Đạc), huyện Ba Chẽ	số 4491/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	131.500	131.331			127.500		3.831
122	Cải tạo, mở rộng Trường PTDT Nội trú huyện Ba Chẽ	4459/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	81.000	77.178			76.641		537
123	Trường Tiểu học thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Xây mới nhà đa năng + Sân bê tông	Số 1570/QĐ-ĐTXD ngày 04/12/2023	8.911	8.091		8.091			-
124	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ giai đoạn I, hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	số 1567/QĐ-UBND ngày 20/3/2023; Số 328/QĐ-ĐTXD ngày 15/4/2024	14.087	13.644		13.644			0
125	Ngầm tràn Bàng Quang xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	4197/QĐ-UBND 14/11/2022 2724/QĐ-UBND 22/6/2023	13.330	13.325			12.925		400
126	Trường PTDTBT TH&THCS Thanh Sơn - Điểm trường Khe Lọng ngoài, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	Số 1570/QĐ-ĐTXD ngày 04/12/2023	3.300	3.035			3.035		
127	Chỉnh trang khu dân cư trung tâm các thôn: Khe Hồ, Nam Hà Trong, Cái Gian xã Nam Sơn	Số 1296/QĐ-ĐTXD ngày 16/10/2023	11.691	10.233			9.633		600
128	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sạch thôn Đồng Loóng, Đồng Tiến xã Thanh Lâm	3610-25/8/2023	6.817	5.392		5.392			
129	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước sạch thôn Nà Làng, Khe Vang xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ	Số 1578/QĐ-ĐTXD ngày 08/12/2023	4.733	3.960		3.960			
130	Đường ống cấp nước thủy lợi phục vụ sản xuất 4 thôn (Xóm Mới, Đồng Giảng A, Đồng Giảng B, Đồng Cầu) xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	3607-25/8/2023	3.045	2.614		2.614			
131	Cấp nước sạch sinh hoạt cho các thôn Khe Nà, Khe Pút, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	3609-25/8/2023	11.112	8.989		8.989			
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán		133.617	124.941	-	1.430	123.093	-	418
1	Công chào xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ	số 2908/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	483	156					156
2	Công chào xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	số 2907/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	490	160					160
3	Chỉnh trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Đồn Đạc	số 4843/QĐ-UBND ngày 29/11/2023; Số 5003/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	8.687	7.882		430	7.400		52
4	Chỉnh trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Thanh Sơn	4829/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	14.777	13.924		1.000	12.874		50
3	Trường THPT Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, hạng mục: Nhà học lý thuyết + bộ môn, Nhà ở công vụ giáo viên + Nhà bếp + Nhà ở học sinh, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ khác	938/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	60.670	55.000			55.000		
4	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ba Chẽ, hạng mục: Nhà luyện tập, nhà thi đấu thể thao	4460/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	48.510	47.820			47.820		
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		1.195.883	1.082.421	352.908	368.998	207.533	132.767	20.214

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	Trường THPT Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ giai đoạn 2, hạng mục: Nhà hiệu bộ + thư viện + bộ môn, Nhà học lý thuyết + bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác.	39/QĐ-UBND ngày 08/01/20224	63.460	53.908	53.908				
2	Chính trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Lương Mông	39/QĐ-UBND ngày 08/01/20224	35.000	35.000		550	34.350		100
3	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Lương Mông	36/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	25.000	24.555		1.195	23.250		110
4	Cầu nối tỉnh lộ 330 với trung tâm thị trấn Ba Chẽ kết hợp kẻ chống sạt lở tuyến đường trục chính và khu dân cư thị trấn Ba Chẽ	3499/QĐ-UBND ngày 20/9/2022; 7366/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	248.999	219.000	219.000				
5	Hồ chứa nước Khe Tâm, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	4265/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	120.000	120.000		120.000			
6	Trường THCS thị trấn Ba Chẽ	4402-30/11/2022; 1245-05/10/2023	120.000	96.485	80.000	16.485			
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Tân Tiến qua Lang Cang đến Làng Công, xã Đồn Đặc, huyện Ba Chẽ	số 4398/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	163.000	161.669		80.000	78.781		2.887
8	Trụ sở Huyện ủy và Khối MTTQ và các đoàn thể huyện Ba Chẽ	Số 4188/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	120.000	105.344		102.394			2.950
9	Chợ xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	33/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	27.000	26.311		20.245			6.066
10	Nâng cấp chống ngập lụt đường từ ĐT330 (Bắc Xa) đến thôn Bắc Cáp, xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	số 5057/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	25.080	24.890		580	23.500		810
11	Nâng cấp chống ngập lụt tuyến đường Khe Pút Ngoài - Khe Nà, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	số 4098/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	13.745	13.415			12.700		715
12	Cấp nước sạch cho các thôn Nam Hà Trong, Nam Hà Ngoài, Khe Tâm xã Nam Sơn	Số 682/QĐ-ĐTXD ngày 10/7/2024	11.591	9.360			9.310		50
13	Chính trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Minh Cầm	4889/QĐ-UBND 30/11/2023 5004/QĐ-UBND 16/8/2024	14.071	13.383		400	12.903		80
14	Chính trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Thanh Lâm	4842/QĐ-UBND 29/11/2023 5005/QĐ-UBND 16/8/2024	14.278	13.568		750	12.738		80
15	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tàu Tiên - Khe Vai, xã Đồn Đặc, huyện Ba Chẽ	số 2243/QĐ-UBND ngày 12/6/2024; Số 7029/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	14.880	13.735		1.400		11.885	450
16	Cải tạo, mở rộng tuyến đường khu dân cư Khe Lâm - Tàu Tiên, xã Đồn Đặc, huyện Ba Chẽ	số 2244/QĐ-UBND ngày 12/6/2024; Số 7039/QĐ-UBND ngày 09/11/2024	14.850	13.758		1.370		11.900	488
17	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.330B đến thôn Cái Gian, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	Số 7214a/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	13.130	12.018		1.450		10.068	500
18	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.330 đến thôn Khe Hồ, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	Số 7216a/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	14.880	13.360		1.020		11.890	450
19	Cải tạo, mở rộng tuyến đường khu dân cư thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	Số 7215a/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	9.410	9.096		1.400		7.296	400
20	Cải tạo, mở rộng tuyến đường vào khu dân cư Khe Phạm, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	2272/QĐ-UBND ngày 13/6/20224 7194/QĐ-UBND ngày 20/11/20224	6.680	5.789		830		4.659	300
21	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT330 đến khu dân cư Khe Khuy, xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ	Số 2319/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	3.080	2.610		120		2.290	200
22	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT 342 đến Pán Lại - Nà Lén, xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ	2273/QĐ-UBND 13/6/2024 7024/QĐ-UBND 08/11/2024	14.000	11.900		930		10.520	450
23	Cải tạo, mở rộng đường vào khu dân cư Bắc Xa, xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ	2315/QĐ-UBND 15/6/2024 7070/QĐ-UBND 12/11/2024	6.537	5.870		1.600		4.070	200
24	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.330 đến thôn Khe Nà, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	2316/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14.820	13.500		1.560		11.440	500

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
25	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.330 đến thôn Bãi Liều, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	Số 2318/QĐ-UBND ngày 15/6/2024; Số 6619/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	14.600	13.740		1.490		11.800	450
26	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT.330 đến thôn Đồng Cầu, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	2289/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	14.295	11.540		1.850		9.190	500
27	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ ĐT.330 đến Đồng Giàng A, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	Số 2288/QĐ-UBND ngày 14/6/2024; Số 6627/QĐ-UBND ngày 19/10/2024	13.480	11.333		1.470		9.463	400
28	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Đồng Tấn - Đồng Quánh, xã Minh Cẩm, huyện Ba Chẽ	Số 2287/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	8.400	6.070		560		5.210	300
29	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Đồng Doong - Khe Ấng, xã Minh Cẩm, huyện Ba Chẽ	Số 2286/QĐ-UBND ngày 14/6/2024; Số 6581/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	14.961	12.775		1.190		11.085	500
30	Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt tập trung Khe Năng, thôn Bắc Cáp, xã Đạp Thanh	Số 3090/QĐ-UBND ngày 8/8/2024	4.192	1.190		1.120			70
31	Trường TH&THCS Lương Mông, hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2689/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	8.800	3.800		3.700			100
32	Bãi đỗ xe và bến thuyền Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Dao, thôn Sơn Hải, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	Số 7296/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	2.433	2.298		2.240			58
33	Hệ thống xử lý nước thải Chợ trung tâm huyện Ba Chẽ		1.231	1.150		1.100			50
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		403.842	345.077	35.000	131.686	32.190	138.633	7.568
<i>I</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán</i>								
<i>II</i>	<i>Dự án đang thi công; dự án đã đấu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025</i>		<i>285.514</i>	<i>248.355</i>	<i>-</i>	<i>94.602</i>	<i>13.940</i>	<i>138.633</i>	<i>1.180</i>
1	Chỉnh trang trung tâm dân cư các thôn thuộc xã Đạp Thanh	7103-14/11/2024	14.970	14.070			13.940		130
2	Khu tái định cư khu dân cư Khu 4 thị trấn Ba Chẽ	số 59/QĐ-UBND ngày 10/01/2024; Số 7469/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	50.000	49.742		49.742			
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Khe Pút - Khe Lò, xã Thanh Sơn, huyện Ba Chẽ	7111/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	26.370	23.830		2.280		21.400	150
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Khe Pút (xã Thanh Sơn) - Đồng Tiến (xã Thanh Lâm), huyện Ba Chẽ	Số 7105/QĐ-UBND ngày 14/11/2024; Số 806/QĐ-ĐTXD ngày 15/5/2025	28.800	28.570		2.960		25.460	150
5	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Hồng Tiến - Khe Gia, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	Số 7091/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	61.785	47.780		6.700		40.900	180
6	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn Bắc Tập - Nà Lim, xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	7585/QĐ-UBND 16/12/2024	43.470	29.433		4.000		25.273	160
7	Cải tạo, mở rộng tuyến đường vào thôn Khe Giầy, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ	7090/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	30.240	27.170		1.420		25.600	150
8	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị Khu 7, thị trấn Ba Chẽ (giai đoạn 1)	Số 7100/QĐ-UBND ngày 14/11/2024; Số	14.900	13.830		13.700			130
9	Đường vào và hạ tầng Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ba Chẽ	Số 1396/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	14.980	13.930		13.800			130
<i>III</i>	<i>Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025</i>		<i>54.328</i>	<i>44.838</i>	<i>-</i>	<i>22.200</i>	<i>18.250</i>	<i>-</i>	<i>4.388</i>
1	Chỉnh trang khu dân cư các thôn Làng Han, Tân Tiến, xã Đôn Đặc, huyện Ba Chẽ	số 1058/QĐ-UBND ngày 18/4/2025;	14.929	14.508			13.750		758
2	Cải tạo, mở rộng tuyến đường kết nối từ ĐT330 vào khu dân cư thôn Khe Tâm xã Nam Sơn	1059/QĐ-UBND 18/4/2025	5.400	4.500			4.500		0

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình Giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường dân cư thôn Làng Mới, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	1056-18/4/2025	16.000	11.630		8.000			3.630
4	Hoàn thiện hạ tầng khu trung tâm xã Lương Minh, huyện Ba Chẽ	1024/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	11.000	9.200		9.200			0
5	Kè chống sạt lở suối Khe Lửa phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực thôn Xóm Mới	1050-18/4/2025	6.998	5.000		5.000			0
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025		64.000	51.884	35.000	14.884	-	-	2.000
1	Đầu tư xây dựng cầu thay thế cầu treo Làng Lốc – Làng Dạ, xã Thanh Lâm bị sập do bão số 3	1668-26/4/2025	33.500	27.884	19.000	7.884			1.000
2	Đầu tư xây dựng cầu thay thế cầu treo Khe Pút, xã Thanh Sơn bị sập do bão số 3	1667-26/4/2025	30.500	24.000	16.000	7.000			1.000
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện		1.053.288	4.239	0	1.459	930	0	1.850
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở HĐND&UBND huyện Ba Chẽ	7480/QĐ-UBND ngày 12/10/2024	98.608	2.459		1.459			1.000
2	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Đạp Thanh	7104/QĐ-UBND 14/11/2024	25.000	1.030			930		100
3	Đường nối Tỉnh lộ 330B vào khu bảo tồn văn hóa dân tộc Dao, thôn Sơn Hải, huyện Ba Chẽ	88/NQ-HĐND 09/10/2023	56.000	100					100
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Nam Kim - Khe Mười - Làng Mỏ, xã Đôn Đạc	109/NQ-HĐND 24/5/2024	135.680	250					250
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã kết nối ĐT342 với các xã Đạp Thanh – Minh Cẩm – Lương Mông đến ĐT330	88/NQ-HĐND 09/10/2023	325.000	150					150
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Đôn Đạc – Thanh Sơn – Đạp Thanh kết nối với ĐT342	88/NQ-HĐND 09/10/2023	370.000	150					150
7	Cấp nước thủy lợi các thôn Sơn Hải, Cái Gian, Nam Hà Trong, Nam Hà Ngoài xã Nam Sơn	1384/QĐ-UBND 02/3/2023	10.000	100					100
8	Đầu tư tuyến đường Khu 5 theo quy hoạch thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ	24/NQ-HĐND 27/10/2021	33.000	0					0